

Số: **181** /TTr-UBND

Hà Nội, ngày **21** tháng 11 năm 2017

TỜ TRÌNH
Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2016

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Năm 2016, bối cảnh kinh tế của cả nước nói chung, Thành phố nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức; trên địa bàn Thành phố, xuất khẩu chưa phát triển mạnh, các hoạt động thương mại đã phục hồi nhưng chậm hơn dự báo, tình hình thiên tai, biến đổi khí hậu và dịch bệnh diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ... Trước tình hình đó, thành phố Hà Nội đã quán triệt thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thành ủy và HĐND Thành phố để nâng cao hiệu quả điều hành, quản lý của Thành phố. Với quyết tâm phấn đấu cao của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực của các cấp ủy, chính quyền địa phương, cùng sự đồng thuận của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, Thành phố đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế xã hội, tạo sự ổn định và phát triển nguồn thu ngân sách, đảm bảo nguồn lực theo dự toán để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 và Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 của Chính phủ ban hành quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; UBND Thành phố trình HĐND Thành phố phê chuẩn Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2016, cụ thể như sau:

A. QUYẾT TOÁN THU, CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NĂM 2016:

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN VÀ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016:

I.1. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 179.054.036.841.978 đồng¹, đạt 105,69% dự toán giao, tăng 8,81% so với năm 2015. Trong đó:

1. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 16.944.479.812.252 đồng, đạt 113,04% so với dự toán, tăng 8,06% so với năm 2015; trong đó: thu từ thuế xuất nhập khẩu và tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu là 5.525.388.563.016 đồng, đạt 89,99% dự

¹ Căn cứ các chỉ tiêu thu NSNN trên địa bàn được UBND Thành phố giao tại Quyết định số 6788/QĐ-UBND, so với số liệu thu NSNN trên địa bàn trong Biên bản xác nhận số liệu giữa Kho bạc Nhà nước Hà Nội - Sở Tài chính, số quyết toán thu NSNN trên địa bàn trong Báo cáo quyết toán không bao gồm các khoản thu ngoài cân đối dự toán đầu năm: Thu xổ số kiến thiết: 164.902.570.205 đồng; thu kết dư: 7.273.047.079.776 đồng, thu chuyển nguồn: 23.437.475.127.003 đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 27.849.100.838.636 đồng; thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 164.969.439.644 đồng và ghi thu-ghi chi: 3.420.874.310.495 đồng.

toán, bằng 96,84% so với cùng kỳ; thu thuế GTGT hàng nhập khẩu là 11.301.845.343.155 đồng, đạt 127,70% dự toán, tăng 14,49% so với cùng kỳ.

2. Thu từ dầu thô: 1.938.480.304.068 đồng, đạt 84,28% dự toán giao, bằng 51,69% so với năm 2015. Thu dầu thô không đạt dự toán và đạt tỷ lệ thấp so với cùng kỳ do giá dầu thô trên thị trường thế giới trong năm 2016 giảm mạnh so với năm trước.

3. Thu nội địa: 160.171.076.725.658 đồng, đạt 105,29% dự toán giao, tăng 10,36% so với năm 2015.

Trong năm 2016, có 10/16 khoản thu hoàn thành và tăng so với dự toán; 06/16 khoản thu không đạt dự toán. Cụ thể một số khoản thu lớn như sau:

- Thu từ kinh tế quốc doanh: 44.143.764.761.169 đồng, đạt 87,5% dự toán và bằng 94,8% so với năm 2015. Nguyên nhân là do khu vực DNNN trung ương có số thu đạt thấp so với dự toán và thấp hơn so với năm 2015 (*nhất là thuế TNDN*), chủ yếu là do tình hình kinh tế còn những khó khăn nhất định, tăng trưởng kinh tế không đạt kỳ vọng, giá dầu, giá khí giảm, dẫn đến ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, các tập đoàn, tổng công ty kinh doanh xăng dầu... Đồng thời, một số DNNN địa phương đang trong quá trình cổ phần hóa, tái cơ cấu, một số doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh nên số thu giảm². Bên cạnh đó, với việc giảm mức thuế suất thuế TNDN từ 22% xuống 20% từ ngày 01/01/2016 đã ảnh hưởng đến kết quả thu NSNN.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 18.963.447.684.100 đồng, đạt 86,79% dự toán và tăng 7,66% so với năm 2015; nguyên nhân số thu không đạt dự toán là do trong năm 2016, giá khí thiên nhiên giảm mạnh so với năm 2015 nên khoản số thu về khí thiên nhiên đạt thấp hơn dự kiến (dự toán giao 2.200 tỷ đồng, số thực hiện chỉ đạt 246 tỷ đồng). Ngoài ra, với việc giảm mức thuế suất thuế TNDN từ 22% xuống 20% từ ngày 01/01/2016 đã ảnh hưởng đến số thu NSNN khu vực này.

- Thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh: 27.913.704.388.038 đồng, đạt 113,01% dự toán và tăng 22,66% so với năm 2015. Số thu tăng so với dự toán đầu năm và cùng kỳ do tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu vực duy trì được đà phục hồi, từng bước có tăng trưởng; cùng với đó cơ quan Thuế đã tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác kiểm tra, rà soát doanh thu, mức thuế của các hộ kinh doanh; đẩy mạnh triển khai các biện pháp đôn đốc doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế, nộp thuế và rà soát việc kê khai thuế hàng tháng, quyết liệt chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế. Ngoài ra, trong năm có phát sinh một số khoản thu đột biến cũng đã làm tăng số thu NSNN³.

² Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Dân Dụng Hà Nội giảm 25,8 tỷ đồng; Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Thời Trang Hà Nội giảm 19,9 tỷ đồng; Công ty Cổ Phần 19 - 12 Hà Nội giảm 21,9 tỷ đồng; Trung tâm thông tin di động VIETNAMOBILE-CN công ty Cổ phần viễn thông Hà Nội giảm 51,9 tỷ đồng;...

³ Công Ty Cổ Phần Vincom Retail chuyển nhượng tòa nhà tại Vincom Nguyễn Chí Thanh cho MaritimeBank phát sinh số nộp 156,6 tỷ đồng thuế GTGT và 91,3 tỷ đồng TNDN; Ngân hàng TM cổ phần Quân đội chuyển nhượng khách sạn Asean phát sinh số thuế phải nộp 100 tỷ đồng;...

- Thu lệ phí trước bạ 6.386.639.658.373 đồng, đạt 106,44% dự toán, tăng 17,19% so với năm 2015 do số lượng xe ô tô đăng ký và số giao dịch bất động sản thành công tăng so với cùng kỳ năm trước.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 386.106.172.730 đồng, đạt 113,56% dự toán, tăng 4,45% so với năm 2015.

- Thu thuế thu nhập cá nhân: 14.425.811.277.108 đồng, đạt 98,81% dự toán, tăng 14,27% so với năm 2015. Số thu thuế thu nhập cá nhân chưa đạt dự toán tuy nhiên đã có sự tăng trưởng so với năm 2015.

- Thu thuế bảo vệ môi trường 4.953.568.210.788 đồng, đạt 90,06% dự toán, tăng 50,24% so với năm 2015 (do ảnh hưởng của giá dầu thế giới giảm, đồng thời do một số doanh nghiệp⁴ có sản lượng xăng dầu nhập giảm so với năm 2015 dẫn đến số thuế BVMT giảm).

- Thu phí, lệ phí 5.807.144.563.356 đồng, đạt 96,79% dự toán, bằng 56,05% so cùng kỳ năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản thu phí lãnh sự Bộ ngoại giao không đạt dự toán⁵.

- Thu tiền sử dụng đất thực hiện: 26.220.020.171.485 đồng, đạt 201,69% dự toán, tăng 90,96% so với năm 2015 (nếu không kể số ghi thu, ghi chi các dự án BT và số ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất tái định cư hoàn trả vốn ứng của Quỹ Phát triển đất Thành phố; số thu tiền sử dụng đất năm 2016 đạt 265,3% so với dự toán, tăng 93,95% so với năm 2015). Số thu tiền sử dụng đất tăng do thị trường bất động sản đang dần phục hồi; đồng thời, Cục Thuế Hà Nội đã triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, trong đó có áp dụng biện pháp cưỡng chế và công khai thông tin các dự án có bán hàng nhưng chây ỳ không nộp tiền sử dụng đất. Bên cạnh đó, trong năm 2016 có phát sinh một số đơn vị nộp khoản thu tiền sử dụng đất lớn⁶.

- Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu của nhà nước (nếu không tính số ghi thu, ghi chi tiền thu bán nhà tái định cư hoàn trả vốn ứng của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố và Quỹ Phát triển đất Thành phố 550 tỷ đồng⁷) là 12.987.638.579 đồng, đạt 12,99% dự toán, bằng 5,72% so với năm 2015⁸. Nếu tính cả số ghi thu, ghi chi tiền thu bán nhà tái định cư hoàn trả vốn ứng của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố và Quỹ Phát triển đất Thành phố thì đạt 562,99% dự toán.

- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước 4.576.584.955.656 đồng, đạt 134,61% dự toán, tăng 56,15% so với năm 2015. Số thu tăng do Thành phố đã

⁴ Tổng công ty xăng dầu quân đội; Công ty cổ phần xăng dầu, dầu khí Hà Nội... (các doanh nghiệp thành viên của các Công ty này chủ động chuyển kho nhập xăng dầu ra các tỉnh khác và nộp thuế BVMT ở ngoại tỉnh).

⁵ Dự toán giao 1.100 tỷ đồng, thực hiện 910,7 tỷ đồng (Đây là khoản thu không do cơ quan thuế quản lý thu).

⁶ Công ty TNHH phát triển THT (877 tỷ đồng); Công ty TNHH Bất động sản Hồng Ngân (845 tỷ đồng); Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Hải Đăng (818 tỷ đồng); Công ty Cổ phần Trung Việt (542 tỷ đồng);...

⁷ Theo quy định tại Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND ngày 08/7/2013 của UBND Thành phố về quy trình thu, nộp và quản lý nguồn thu tiền bán nhà ở tái định cư trên địa bàn Thành phố.

⁸ Số thu giảm do năm 2016, Thành phố có chủ trương tạm dừng việc bán và cho thuê nhà chuyên dùng, tiến hành rà soát lại toàn bộ quỹ nhà chuyên dùng thuộc sở hữu nhà nước để triển khai thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo tránh thất thoát cho ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, một phần là do quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước có xu hướng giảm dần theo thời gian và các hợp đồng mua nhà ở xã hội được trả góp trong nhiều năm

chỉ đạo các Sở, ngành phối hợp chặt chẽ trong công tác đơn đốc thu, xử lý các vướng mắc về hồ sơ cho thuê đất, tăng nguồn thu cho ngân sách.

- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế 318.622.881.190 đồng đạt 245,09% dự toán, tăng 42,7% so với năm 2015⁹. Do tác động của việc giảm thuế suất thuế TNDN, số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế của các doanh nghiệp nhà nước tăng so với năm 2015, dẫn đến số thu từ cổ tức và lợi nhuận sau thuế tăng.

- Thu khác ngân sách 5.020.354.607.674 đồng (trong đó: ngân sách Trung ương là 3.369.933.047.847 đồng; ngân sách địa phương là 1.650.421.559.827 đồng), đạt 85,24% dự toán, bằng 62,59% so với năm 2015 (thu khác ngân sách là các khoản thu bất thường, không xác định được chính xác từ khâu lập dự toán)¹⁰.

(Chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

I.2. THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:

Quyết toán thu ngân sách địa phương năm 2016 là 119.816.833.935.434 đồng, trong đó:

- Thu cân đối sau điều tiết từ thuế, phí, lệ phí, tiền sử dụng đất và các khoản khác theo phân cấp: 85.266.650.991.884 đồng, đạt 121,85% dự toán.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương (bổ sung có mục tiêu): 3.839.660.736.771 đồng (trong đó, bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước 622.912.486.750 đồng, bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước 3.216.748.250.021 đồng).

- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2015 sang ngân sách năm 2016: 23.437.475.127.003 đồng (trong đó: ngân sách Thành phố là 14.010.957.608.682 đồng; ngân sách quận, huyện, thị xã là 9.426.517.518.321 đồng).

- Thu kết dư ngân sách năm 2015: 7.273.047.079.776 đồng (trong đó: ngân sách Thành phố là 682.909.550.012 đồng; ngân sách quận, huyện, thị xã là 6.590.137.529.764 đồng).

I.3. ĐÁNH GIÁ VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN VÀ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016:

Xác định được những khó khăn về thu ngân sách Nhà nước, ngay từ đầu năm, UBND Thành phố đã chỉ đạo ngành Thuế, Hải quan phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành Thành phố và các cơ quan chuyên môn của Bộ Tài chính thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về thu ngân sách Nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố theo Nghị quyết của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND Thành phố¹¹; Đồng thời, HĐND và các Ban của HĐND Thành phố tăng cường công tác giám sát quá trình triển khai đã ảnh hưởng tích cực đến kết quả thu ngân sách Nhà nước.

⁹ Năm 2016, Quốc hội chỉ giao số thu cổ tức lợi nhuận của doanh nghiệp nhà nước địa phương cho thành phố Hà Nội.

¹⁰ Năm 2016, khoản thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ ngân sách thực hiện chỉ đạt 197,5 tỷ đồng, giảm 4.650,5 tỷ đồng so với năm 2015.

¹¹ UBND Thành phố đã ban hành công văn số 1362/UBND-KT ngày 10/3/2016 về tăng cường các giải pháp đơn đốc thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn Hà Nội; Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về thành lập Ban chỉ đạo đơn đốc thu hồi nợ đọng thuế và nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Các cấp, các ngành của Thành phố đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Thuế, Hải quan thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp quản lý thu, tập trung rà soát các đối tượng, nguồn thu ngân sách trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí, thu khác vào ngân sách nhà nước; đôn đốc các khoản phải thu theo kết quả kiểm toán, thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật; Chủ động tập trung triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú với nhiều cách tiếp cận khác nhau cùng với hoạt động hiệu quả của bộ phận “một cửa”; Tổ chức các buổi đối thoại với các nhóm hiệp hội, hội doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp¹²; Thường xuyên rà soát quản lý thông tin người nộp thuế, đảm bảo thông tin doanh nghiệp được cập nhật kịp thời¹³; Thành lập Tổ công tác liên ngành để thống nhất giải pháp đôn đốc, yêu cầu các đơn vị nộp số tiền nợ đọng nghĩa vụ tài chính vào ngân sách Nhà nước, đồng thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của đơn vị để kiến nghị UBND Thành phố các giải pháp tháo gỡ, tạo điều kiện cho đơn vị trong quá trình thực hiện; Quyết liệt triển khai công tác thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, các trường hợp chuyển giá, trốn thuế, góp phần chống thất thu ngân sách, tạo sự công bằng, bình đẳng và môi trường kinh doanh lành mạnh, hỗ trợ giúp doanh nghiệp phòng tránh các rủi ro trong kinh doanh về sau. Đồng thời, các cơ quan thu của Thành phố tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, hiện đại hóa ngành thuế, hải quan, nâng cao chất lượng công tác kê khai thuế qua mạng Internet, nộp thuế điện tử, thông quan điện tử¹⁴, đảm bảo công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng nộp thuế (nhất là về thời gian) khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế. Bên cạnh đó, Thành phố quyết liệt chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn như: gia hạn tiền sử dụng đất¹⁵; hỗ trợ lãi suất¹⁶ để giải quyết kịp thời khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và nuôi dưỡng nguồn thu cho ngân sách.

Bên cạnh công tác quản lý thu, ngành Thuế, Hải quan đã tích cực triển khai thực hiện việc phân loại và phân tích nguyên nhân nợ đến từng doanh nghiệp để có biện pháp xử lý phù hợp, kịp thời; theo dõi, kịp thời thu các khoản thuế khi đến hạn; tăng cường áp dụng các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế theo quy định của pháp luật¹⁷ nên công tác thu hồi nợ đọng có chuyển biến tích cực, góp phần giảm nợ đọng thuế và hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước

¹² Trong năm 2016, đã tổ chức 46 hội nghị để đối thoại với 7.504 doanh nghiệp; Có 2.370 văn bản trả lời, hướng dẫn chính sách thuế.

¹³ Trong năm 2016, đã cấp 39.032 mã số thuế cho các tổ chức, doanh nghiệp đăng ký hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội (trong đó 24.992 mã số thuế cho các tổ chức, doanh nghiệp và 14.040 mã số thuế cho hộ cá thể).

¹⁴ Tính đến 31/12/2016 đã có 122.341 doanh nghiệp đăng ký khai thuế qua mạng Internet, đạt 96,7% số doanh nghiệp đang hoạt động, vượt chỉ tiêu, thời hạn Chính phủ giao và có 115.886 doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử.

¹⁵ Đến tháng 12/2016 đã quyết định gia hạn tiền sử dụng đất cho 40 dự án với số tiền gia hạn 6.712 tỷ đồng.

¹⁶ Trong năm 2016 đã thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hơn 22 tỷ đồng cho 12 doanh nghiệp.

¹⁷ Đến hết tháng 12/2016, đã công khai 14 đợt với danh sách 1.847 đơn vị nợ đọng thuế lớn trên các phương tiện truyền thông, sau khi công khai 732 đơn vị nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 433 tỷ đồng.

trên địa bàn, đảm bảo số nợ thuế đến 31/12/2016 không quá 5% tổng thu ngân sách Nhà nước¹⁸.

Mặc dù có sự chỉ đạo quyết liệt, điều hành kịp thời của UBND Thành phố, sự cố gắng của ngành Thuế, Hải quan và các cấp, các ngành, song năm 2016, thu ngân sách tuy đạt tỷ lệ khá so với cùng kỳ năm trước, nhưng một số khoản thu còn chưa đạt dự toán (Thu từ kinh tế quốc doanh, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài...), nguyên nhân chính là do chịu ảnh hưởng lớn của thị trường quốc tế (giá dầu thô và khí thiên nhiên giảm, hoạt động xuất nhập khẩu còn khó khăn,...) và do triển khai thực hiện các chính sách mới như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016; trong đó giảm thuế suất thuế TNDN¹⁹, bỏ mức khống chế đối với chi phí quảng cáo, khuyến mại. Năm 2016, ngành thuế đã tăng cường áp dụng các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế theo quy định của pháp luật và quy trình quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ nhưng do tình hình tài chính của doanh nghiệp còn gặp khó khăn; ý thức tuân thủ pháp luật của một bộ phận người nộp thuế chưa cao, phần lớn người dân vẫn có thói quen thanh toán bằng tiền mặt; mức độ hội nhập của nền kinh tế ngày càng lớn, quá trình hội nhập ngày càng sâu; nhiều nghiệp vụ, quan hệ kinh tế phức tạp mới phát sinh nên đã gây khó khăn cho việc xây dựng cơ chế, chính sách thuế, công tác quản lý thuế cũng như phát sinh nhiều vướng mắc cho cả người nộp thuế và cơ quan thuế trong quá trình thực thi pháp luật; những tồn tại, hạn chế này cần được các ngành, các cấp tiếp tục quan tâm khắc phục trong thời gian tới.

Kết thúc năm 2016, kết quả thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 105,69% dự toán giao thể hiện sự quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành và tập trung tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp trên địa bàn Thành phố.

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016:

II.1. THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016:

Quán triệt chỉ đạo của Chính phủ và Nghị quyết HĐND Thành phố về quản lý điều hành tài chính ngân sách năm 2016, Thành phố đã chủ động ban hành các quyết định, kế hoạch kịp thời để điều hành linh hoạt triển khai các nhiệm vụ.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2016: 103.043.829.623.372 đồng, trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 68.701.892.941.137 đồng²⁰; không kể ghi chi các dự án BT thì đạt 90,24% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung (sau đây gọi tắt là dự toán).

¹⁸ Kết quả thu nợ: Năm 2016, cơ quan thuế đã thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nợ và đã thu được 12.670,8 tỷ đồng đạt 55% chỉ tiêu thu nợ, trong đó: thu nợ thuế, phí: 6.567,8 tỷ đồng, đạt 52,5% chỉ tiêu thu nợ; thu nợ các khoản liên quan đến đất: 6.103 tỷ đồng, đạt 57% chỉ tiêu thu nợ.

¹⁹ Thuế suất thuế TNDN phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20%, doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế TNDN 20% được giảm xuống còn 17%.

²⁰ đạt 86,96% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung.

Kết quả thực hiện chi ở một số lĩnh vực chủ yếu như sau:

1.1. Chi đầu tư phát triển

Quyết toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương: 28.408.996.712.901 đồng²¹, không kể ghi chi các dự án BT thì đạt 91,87% dự toán; trong đó: Chi đầu tư phát triển ngân sách cấp Thành phố là 15.779.231.350.057 đồng²², không kể ghi chi các dự án BT thì đạt 87,44% so với dự toán.

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản địa phương:

Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản địa phương 28.156.207.970.217 đồng, không kể ghi chi các dự án BT thì đạt 92,04% dự toán.

Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản cấp Thành phố 15.526.442.607.373 đồng²³, không kể ghi chi các dự án BT thì đạt 87,64% so với dự toán; trong đó, chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn trong nước là 12.364.992.896.473 đồng, không kể ghi chi dự án BT thì đạt 84,87% dự toán; chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn nước ngoài là 3.161.449.710.900 đồng.

Với sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo công tác quyết toán vốn đầu tư Thành phố, công tác phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành toàn Thành phố năm 2016 đã được thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật. Tổng số dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trong năm 2016 là 2.584 dự án với tổng vốn đầu tư được quyết toán là: 19.692.880 triệu đồng; qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã giảm trừ giá trị đề nghị quyết toán là 294.120 triệu đồng (năm 2015, giảm trừ 275.787 triệu đồng). Trong đó:

- Đối với cấp Thành phố: Số dự án được phê duyệt quyết toán trong năm 2016 là 162 dự án. Tổng số vốn đầu tư được quyết toán là 8.507.657 triệu đồng; qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã giảm trừ so với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 81.400 triệu đồng (năm 2014 là 33.171 triệu đồng).

- Đối với cấp quận, huyện, thị xã: Tổng số dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trong năm 2016 là 2.422 dự án, với tổng số vốn đầu tư được quyết toán là 11.185.223 triệu đồng; qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã giảm trừ so với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 212.720 triệu đồng.

Các Sở, ban, ngành Thành phố đã tích cực, chủ động đôn đốc, hướng dẫn các chủ đầu tư để giải quyết các tồn tại, vướng mắc, lập hồ sơ quyết toán đối với các dự án đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; qua đó đã tham mưu UBND Thành phố các giải pháp tháo gỡ trong quyết toán hoàn thành các dự án lớn, phức tạp.

Mặc dù công tác quyết toán dự án hoàn thành đã có nhiều tiến bộ, song kết thúc năm 2016, số dự án đầu tư xây dựng cơ bản cấp Thành phố hoàn thành chậm nộp báo cáo quyết toán theo quy định của Nhà nước là 16 dự án (năm 2015 là 63 dự án), nguyên nhân cơ bản của việc chậm nộp là do một số Chủ đầu tư chưa kịp

²¹ đạt 84,04% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung.

²² đạt 75,49% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung.

²³ đạt 75,47% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung.

thời thực hiện các thủ tục điều chỉnh các phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư dẫn đến chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán, cũng như chưa quyết liệt trong việc đơn đốc các nhà thầu lập và nộp hồ sơ quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, ngay trong năm 2016, UBND Thành phố đã ban hành các văn bản số 1839/UBND-KT ngày 30/3/2016, số 2902/VP-KT ngày 15/4/2016, số 135/TB-VP ngày 30/6/2016 chỉ đạo các Sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn Thành phố. Năm 2017, UBND Thành phố đã giao Sở Tài chính thường xuyên đơn đốc các Chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện các văn bản của Trung ương về quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản²⁴, có các biện pháp tích cực đơn đốc các nhà thầu để thu hồi dứt điểm các khoản nợ phải thu nộp ngân sách Nhà nước; UBND các quận, huyện, thị xã tiếp tục quyết liệt chỉ đạo, đơn đốc công tác quyết toán hoàn thành theo đúng quy định; kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong công tác quyết toán theo thẩm quyền. Với sự quan tâm chỉ đạo của UBND Thành phố, trong số 16 dự án chậm nộp thời điểm 31/12/2016 đã có 06 dự án được Chủ đầu tư lập và nộp báo cáo quyết toán. Tuy nhiên, do cuối năm 2016, Thành phố có chủ trương kiện toàn, sắp xếp lại các Ban Quản lý dự án của Thành phố nên đã phần nào làm ảnh hưởng đến công tác quyết toán hoàn thành của các dự án. Đến thời điểm hiện nay, vẫn còn 10 dự án chậm nộp báo cáo quyết toán và đã được chỉ đạo khẩn trương thực hiện (*Chi tiết 10 dự án và các chủ đầu tư chậm nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo Phụ lục số 13 đính kèm*).

b) Chi bổ sung vốn cho các Quỹ, đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp và đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất:

Năm 2016, Thành phố đã chi 200.000.000.000 đồng²⁵ để thực hiện bổ sung cho các Quỹ theo quy định, đạt 100% dự toán; chi 22.788.742.684 đồng để thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho 12 doanh nghiệp theo quy định, đạt 22,79% dự toán; chi 30.000.000.000 đồng để thực hiện thoái trả tiền nhà cho Bộ Quốc phòng theo quy định, đạt 100% dự toán.

1.2. Chi trả nợ đến hạn và hoàn trả các khoản huy động

Thành phố đã chi 4.439.053.317.885 đồng để chi trả lãi Trái phiếu xây dựng Thủ đô; hoàn trả nợ gốc vốn vay Chương trình Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; trả lãi vay Chương trình “Nước sạch và vệ sinh nông thôn tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng” và trả Ngân hàng phát triển Việt Nam vốn vay thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn theo cơ chế chung của Chính phủ. Về tổng thể, công tác chi trả nợ vay của

²⁴ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

²⁵ Quỹ Khuyến nông: 50 tỷ đồng; Quỹ Giải quyết việc làm Thành phố: 140 tỷ đồng; Quỹ hỗ trợ nông dân: 10 tỷ đồng.

Thành phố đã được thực hiện kịp thời, chi trả đúng hạn toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo đúng quy định.

1.3. Chi thường xuyên

Quyết toán chi ngân sách địa phương 35.695.044.748.353 đồng, đạt 87,93% so với dự toán; trong đó, quyết toán chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố 14.489.351.242.778 đồng, đạt 86,69% so với dự toán.

Kết quả thực hiện chi trong các lĩnh vực cụ thể như sau:

a) Chi an ninh, quốc phòng:

Quyết toán chi ngân sách địa phương: Chi an ninh 834.884.999.579 đồng, đạt 93,56% dự toán; chi quốc phòng 881.823.266.925 đồng, đạt 98,38% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố: Chi an ninh 289.602.496.264 đồng, đạt 86,79% dự toán; chi quốc phòng 396.980.148.163 đồng, đạt 100% dự toán; đã đảm bảo kinh phí thường xuyên cho các nhiệm vụ giữ gìn, bảo vệ an ninh trật tự, an ninh quốc phòng trên địa bàn Thành phố. Phần kinh phí chưa thực hiện chủ yếu là kinh phí mua sắm trang thiết bị kỹ thuật chuyên môn của Công an Thành phố và Cảnh sát phòng cháy chữa cháy đã triển khai thực hiện nhưng chưa kịp hoàn thiện chứng từ thanh quyết toán trong năm 2016, đã được chuyển nguồn sang năm 2017 để tiếp tục thực hiện và thanh quyết toán; một phần kinh phí giảm theo khối lượng công việc thực tế của các đơn vị, một phần hủy dự toán theo quy định.

b) Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 10.979.129.482.986 đồng, đạt 93,14% dự toán. Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 2.167.461.112.106 đồng, đạt 94,34% dự toán.

Ngân sách Thành phố đã đảm bảo kinh phí theo định mức được phê duyệt cho các hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo cán bộ, ngoài ra còn bố trí kinh phí thực hiện đào tạo bồi dưỡng giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường, thực hiện cải tạo sửa chữa, chống xuống cấp một số trường học. Số chưa thực hiện chủ yếu là kinh phí chuyển nguồn chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp; kinh phí ngân sách Thành phố bố trí cho công tác thi tuyển viên chức nhưng thay đổi phương thức tuyển dụng từ xét tuyển sang thi tuyển, cần xin ý kiến chỉ đạo của Trung ương trước khi triển khai. Bên cạnh đó, năm 2016, Thành phố tập trung kiện toàn bộ máy nên hạn chế triển khai thực hiện các lớp bồi dưỡng cho cán bộ công chức, một phần hủy dự toán do thực hiện giảm trừ khi quyết toán các dự án mua sắm, sửa chữa và tiết kiệm chi tiêu trong thực hiện các chương trình, kế hoạch của ngành.

c) Chi sự nghiệp y tế và dân số, kế hoạch hóa gia đình:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 3.062.210.047.075 đồng, đạt 92,36% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 2.864.305.878.258 đồng, đạt 92,2% dự toán; số kinh phí chưa thực hiện chủ yếu là do số chuyển nguồn theo quy định để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ y tế trọng tâm, đảm bảo phục vụ công tác phòng bệnh, chữa bệnh trên địa bàn Thành phố; một phần là do giảm dự toán kinh phí thông qua công tác đấu thầu; giảm kinh phí điều trị Methadone còn dư do giảm đối tượng và tiết kiệm chi thường xuyên theo chủ trương của Thành phố.

d) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 180.024.005.545 đồng, đạt 58,62% dự toán. Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 175.405.258.945 đồng, đạt 58,37% dự toán. Số chi chưa đạt dự toán giao chủ yếu là do công tác chuẩn hóa, số hóa dữ liệu đăng ký kinh doanh; công tác triển khai một số đề tài khoa học và việc triển khai áp dụng ISO 9001:2008 và ISO 14000, ISO 22000 còn chậm, các nhiệm vụ này đã triển khai nhưng chưa có đầy đủ thủ tục để thanh toán tại Kho bạc Nhà nước (đã được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục thực hiện). Bên cạnh đó, số chi giảm một phần là do Thành phố chưa thực hiện hoạt động chạy thử tại Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ như kế hoạch đặt ra.

e) Chi sự nghiệp môi trường:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 2.193.290.083.487 đồng, đạt 81,62% dự toán. Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 1.026.536.860.369 đồng, đạt 86,46% dự toán.

Năm 2016, Thành phố đã đảm bảo bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc, đảm bảo kinh phí cho lĩnh vực môi trường như thu gom, xử lý rác thải khu vực nội thành và ngoại thành; thực hiện nhiệm vụ quan trắc, xử lý ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí,... trên địa bàn Thành phố. Kinh phí thực hiện giảm so với dự toán chủ yếu là do nhiệm vụ quản lý chất lượng nước, xử lý nước tại các hồ nước áp dụng công nghệ mới theo chỉ đạo của UBND Thành phố dẫn đến tiết giảm giá gói thầu; một phần là do một số hạng mục cải tạo chống xuống cấp tại khu xử lý rác Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây không kịp triển khai; các nhiệm vụ quan trắc môi trường tạm dừng thực hiện theo chỉ đạo của UBND Thành phố.

f) Chi sự nghiệp văn hoá thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, du lịch:

Quyết toán chi ngân sách địa phương: Sự nghiệp văn hóa thông tin 759.359.167.397 đồng, đạt 93,54% dự toán; sự nghiệp phát thanh truyền hình 165.822.177.592 đồng, đạt 97,53% dự toán; sự nghiệp thể dục thể thao, du lịch 534.104.915.031 đồng, đạt 96,24% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố: Sự nghiệp văn hóa thông tin 396.121.707.504 đồng, đạt 93,18% dự toán; sự nghiệp phát thanh truyền hình 62.483.635.894 đồng, đạt 96,42% dự toán, số kinh phí giảm chủ yếu do đơn vị tiết kiệm chi tiêu thông qua công tác đặt hàng có giảm giá đối với một số nhiệm vụ chuyên môn của ngành; sự nghiệp thể dục thể thao, du lịch 437.783.189.862

đồng, đạt 96,01% dự toán, số kinh phí giảm chủ yếu là kinh phí chế độ dinh dưỡng và tiền công của vận động viên không sử dụng, nguyên nhân là do một số vận động viên được triệu tập lên đội tuyển quốc gia; một số huấn luyện viên, vận động viên của bộ môn đi tập huấn, thi đấu nước ngoài; công tác điều chuyển vận động viên giữa các tuyển.

g) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 2.274.262.985.905 đồng, đạt 91,62% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 434.304.690.559 đồng, đạt 90,14% dự toán. Ngân sách Thành phố đã đảm bảo kịp thời kinh phí thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội, chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật; chính sách đối với các hộ nghèo và hộ cận nghèo; kinh phí hoạt động của các trung tâm nuôi dưỡng, giáo dục các đối tượng bảo trợ xã hội và các nhiệm vụ chi đảm bảo xã hội theo phân cấp. Phần kinh phí chưa thực hiện chủ yếu do trong năm, số lượng các đối tượng thực tế vào các trung tâm xã hội thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội giảm so với dự kiến kế hoạch đề ra.

h) Chi sự nghiệp kinh tế:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 5.247.752.694.326 đồng, đạt 77,53% so với dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 3.422.481.571.081 đồng, đạt 77,6% dự toán, đảm bảo kịp thời kinh phí phục vụ các đề án, chương trình phát triển nông nghiệp, các dự án khảo sát quy hoạch, công tác bảo trì, sửa chữa các công trình giao thông, quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước, duy trì công viên cây xanh, thoát nước, chiếu sáng và thực hiện các nhiệm vụ chi sự nghiệp kinh tế khác theo quy định; về cơ bản, đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh phí để xử lý các vấn đề dân sinh bức xúc phát sinh trên địa bàn Thành phố. Kinh phí thực hiện giảm so với dự toán chủ yếu là do kinh phí đặt hàng dịch vụ thủy lợi (254 tỷ đồng) đã triển khai thực hiện nhưng chưa xây dựng được đơn giá mới nên chưa thanh toán (số kinh phí này đã được chuyển nguồn sang năm 2017); một phần là do giảm trừ thông qua công tác quyết toán các công trình, dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, tiết kiệm chi cho ngân sách; phần giảm còn lại là hủy dự toán do việc thực hiện công tác duy tu đê điều thủy lợi, quản lý, bảo trì hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ, duy trì hệ thống chiếu sáng các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ ứng dụng quy trình mới, tăng cường cơ giới hóa giúp tiết giảm kinh phí so với dự toán được bố trí; một phần hủy dự toán do hết nhiệm vụ chi theo quy định.

i) Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 6.821.814.410.581 đồng, đạt 87,79% so với dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 1.598.080.445.783 đồng, đạt 86,17% so với dự toán; đảm bảo kinh phí hoạt động bộ máy của các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể và các khoản chi phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các

lĩnh vực. Các đơn vị cơ bản bám sát dự toán HĐND Thành phố giao; số kinh phí chưa thực hiện chủ yếu là kinh phí chuyển nguồn theo quy định của các cơ quan Đảng, kinh phí tự chủ của các cơ quan hành chính của Thành phố; một phần thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi hành chính chưa cấp thiết theo các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, HĐND và UBND Thành phố.

k) Chi trợ giá những mặt hàng chính sách:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 1.060.268.171.962 đồng, đạt 95,38% so với dự toán. Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 1.006.841.760.000 đồng, đạt 95,15% so với dự toán; đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi trợ giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, trợ giá nước sạch trên địa bàn Thành phố.

l) Chi thường xuyên khác:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 700.298.339.962 đồng, đạt 67,32% dự toán. Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 210.962.487.990 đồng, đạt 62,06% dự toán, đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao cho các đơn vị ngành dọc; chi cho công tác liên kết, hợp tác với các tỉnh bạn và một số khoản chi khác theo dự toán đã giao; phần kinh phí giảm theo khối lượng công việc thực tế của các đơn vị và hủy dự toán theo quy định.

2. Chi chuyển nguồn:

Tổng số chi chuyển nguồn ngân sách địa phương năm 2016 sang năm 2017 là 34.339.389.199.732 đồng; Cụ thể:

2.1. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố:

Tổng số chi chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố năm 2016 sang năm 2017 là 18.809.292.500.458 đồng, trong đó:

a) Chi chuyển nguồn tăng thu ngân sách cấp Thành phố năm 2016 so với dự toán được giao, kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định là 13.496.240.902.580 đồng²⁶.

b) Chi chuyển số dư tạm ứng các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và dư tạm ứng một số khoản chi sự nghiệp sang năm 2017 để tiếp tục theo dõi và hoàn tất thủ tục chi ngân sách: 5.313.051.597.878 đồng²⁷.

Số chi chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố năm 2016 tăng 34,25% so với năm 2015 (số tuyệt đối tăng 4.798.334.891.776 đồng), chủ yếu do tăng chi chuyển nguồn kinh phí cải cách tiền lương theo quy định (tăng 2.332.223.230.000 đồng so với năm 2015) và do số tăng thu năm 2016 tăng cao (tăng 3.130.085.000.000 đồng so với năm 2015). Đối với các khoản chi chuyển nguồn

²⁶ Trong đó: chuyển nguồn tăng thu 5.948.405 triệu đồng; kinh phí cải cách tiền lương 5.076.651 triệu đồng; chuyển nguồn dư dự toán kinh phí XD CB theo quy định của Luật Đầu tư công: 1.749.667 triệu đồng; chuyển nguồn khác theo chế độ của các đơn vị hành chính sự nghiệp và các nhiệm vụ khác: 721.517 triệu đồng.

²⁷ Trong đó: dư tạm ứng các dự án XD CB 5.162.087 triệu đồng; dư tạm ứng một số khoản chi sự nghiệp 150.964 triệu đồng.

của các dự án và các đơn vị sự nghiệp, UBND Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị rà soát thực hiện theo đúng quy định²⁸.

Năm 2016, UBND Thành phố đã chỉ đạo quyết liệt và áp dụng nhiều giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, đặc biệt là các công trình trọng điểm. Trong năm, Thành phố đã thực hiện điều hòa, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho phù hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ giải ngân, tăng hiệu quả chi ngân sách. Tuy nhiên, kết thúc năm vẫn còn dư một phần kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản do một số nguyên nhân như: công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, Thành phố đã thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo quyết liệt các đơn vị liên quan tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; UBND các quận, huyện, thị xã đã có nhiều nỗ lực, tích cực tập trung trong việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư phục vụ các dự án trọng điểm, tuy nhiên kết quả vẫn chưa đạt được như mong muốn (nguồn vốn giải phóng mặt bằng còn dư chuyển năm sau tại ngân sách cấp thành phố là 584,5 tỷ đồng). Ngoài ra, nhiều quy định liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng và quản lý đất đai có sự điều chỉnh, các quy định cụ thể và việc xử lý chuyển tiếp chậm được các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn nên các đơn vị gặp khó khăn trong triển khai thực hiện. Bên cạnh các nguyên nhân khách quan nêu trên, còn nguyên nhân chủ quan do một số Chủ đầu tư còn chưa thực sự quyết liệt, kịp thời trong tổ chức thực hiện, ảnh hưởng đến kết quả chung của Thành phố.

2.2. Chi chuyển nguồn của ngân sách cấp quận, huyện, thị xã:

Chi chuyển nguồn ngân sách các quận, huyện, thị xã; xã phường, thị trấn năm 2016 là 15.530.096.699.274 đồng; trong đó, kinh phí thực hiện cải cách tiền lương là 7.400.487.249.600 đồng, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản là 5.926.617.024.460 đồng²⁹, kinh phí sự nghiệp là 1.573.134.848.265 đồng.

Đối với cấp quận, huyện, thị xã, chi chuyển nguồn ngân sách năm 2016 tăng 64,75% so với năm 2015 (số tuyệt đối tăng 6.103.579.180.953 đồng), chủ yếu do tăng chi chuyển nguồn kinh phí cải cách tiền lương theo quy định (tăng 3.392.959.709.678 đồng), tăng chuyển nguồn vốn đầu tư XDCB (tăng 2.430.156.262.908 đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục 4, 7, 8, 9, 10 đính kèm)

Nhìn chung, thực hiện chủ trương của HĐND Thành phố về việc tăng cường quản lý chi và quyết toán chi ngân sách, thực hiện giảm chi chuyển nguồn ngân sách hàng năm, tăng hiệu quả chi ngân sách; UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và dự toán chi ngân sách được giao ngay từ đầu năm, đẩy mạnh công tác thanh toán tạm ứng vốn đầu tư XDCB và quyết toán dự án hoàn thành để hạn chế việc chuyển nguồn. Kết thúc năm ngân sách 2016, các đơn vị đã rà soát chặt chẽ việc chuyển nguồn sang năm 2017 đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định.

²⁸ Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016; Thông tư 319/2016/TT-BTC ngày 13/12/2016.

²⁹ Trong đó: dư tạm ứng các dự án XDCB 4.043.437 triệu đồng.

Ab

*** Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Thành phố:**

1.477.662.556.671 đồng đạt 85,73% dự toán; trong đó, vốn đầu tư là: 1.299.667.876.557 đồng, vốn sự nghiệp là 177.994.680.114 đồng (được tổng hợp trong các lĩnh vực chi). Cùng với nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, Thành phố đã bố trí kinh phí đối ứng đảm bảo thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia³⁰, đồng thời đảm bảo kinh phí thực hiện các Chương trình theo mục tiêu của Thành phố³¹; qua đó đã bước đầu mang lại sự chuyển biến đáng kể đối với hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, góp phần rút ngắn khoảng cách về đảm bảo thông tin, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân, đặc biệt là các vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa; góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ trong lĩnh vực y tế, giáo dục mà Việt Nam đã cam kết với cộng đồng quốc tế. Các Chương trình mục tiêu Quốc gia được triển khai đã tạo cơ hội và điều kiện để người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao dân trí, tạo việc làm và nâng cao chất lượng nguồn lao động; góp phần phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội. Hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu được tăng cường đã tạo đà cho phát triển kinh tế xã hội và tăng hưởng thụ trực tiếp cho người dân Thủ đô.

(Chi tiết theo Phụ lục số 6 đính kèm)

II.2. ĐÁNH GIÁ VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016:

Quán triệt chỉ đạo của Chính phủ và chủ trương của Thành ủy, Nghị quyết HĐND Thành phố về kinh tế - xã hội và quản lý điều hành tài chính, ngân sách năm 2016³²; ngay sau khi HĐND Thành phố ra nghị quyết thông qua phương án phân bổ ngân sách Thành phố, UBND Thành phố đã quyết định giao dự toán ngân sách năm 2016 cho các sở, ngành, quận, huyện, thị xã để phân bổ và triển khai thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Công tác quản lý tài chính - ngân sách được điều hành chặt chẽ, linh hoạt, đảm bảo cân đối ngân sách; đáp ứng kịp thời vốn cho các công trình trọng điểm theo tiến độ, cho các nhiệm vụ quan trọng của Thành phố về phục vụ bầu cử Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Các nguồn vốn phát sinh trong năm, UBND Thành phố

³⁰ Các Chương trình MTQG về: giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới.

³¹ Chương trình công nghệ thông tin, giảm thiểu ùn tắc giao thông.

³² Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 03/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2016; Công văn số 3667/BTC-HCSN ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2016 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ; Chương trình hành động số 17/CTR-UBND ngày 20/01/2016 của UBND Thành phố về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 29/5/2016 của UBND Thành phố về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2016; Công văn số 358/UBND-KT ngày 22/01/2016 của UBND Thành phố về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2016; Công văn số 1362/UBND-KT ngày 10/3/2016 của UBND Thành phố về tăng cường các giải pháp đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn Hà Nội.

đã quyết định phân bổ cho các nhiệm vụ chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước³³ sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND Thành phố.

1. Về chi đầu tư phát triển: Thành phố đã tập trung nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện đầu tư các công trình trọng điểm, quan trọng của Thành phố, như: hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng khu vực nông nghiệp nông thôn, làng nghề, môi trường; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn, vùng xa trung tâm, vốn cho các dự án nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất về giáo dục, y tế, văn hóa theo hướng chuẩn quốc gia và phù hợp với quy hoạch ngành, đảm bảo thực hiện các Chương trình đã được Thành ủy thông qua, HĐND Thành phố quyết nghị. Ngoài ra, đã rà soát cơ cấu lại ngân sách theo hướng ưu tiên dành nguồn, bổ sung thêm cho chi đầu tư phát triển và thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của Thành phố; đã tổ chức họp giao ban và có văn bản đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng³⁴; chỉ đạo quyết liệt các Chủ đầu tư trong công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành trong năm theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và đã đạt được các kết quả tích cực như đã nêu ở trên.

2. Về chi thường xuyên: Ngân sách các cấp đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của Trung ương và Thành phố; đáp ứng đủ, kịp thời theo định mức, chính sách, chế độ và các mục tiêu theo Nghị quyết HĐND Thành phố đề ra; tập trung và chủ động bố trí nguồn lực từ ngân sách giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc, đảm bảo các chế độ chính sách về người có công, các gia đình thương binh liệt sỹ, chăm lo hỗ trợ người nghèo; kinh phí cho lĩnh vực môi trường; lĩnh vực giáo dục đào tạo tiếp tục được quan tâm, các phòng học được tập trung đầu tư nhằm từng bước chuẩn hóa trường lớp học đã tác động có hiệu quả tới chất lượng dạy và học; đảm bảo kinh phí cho lĩnh vực y tế thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân; đảm bảo kinh phí cho lĩnh vực giao thông, đô thị phát triển vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, thực hiện các giải pháp về chống ùn tắc giao thông. Chủ động sử dụng nguồn dự phòng của ngân sách kịp thời xử lý các sự cố về thiên tai, đê kè, ngăn chặn kịp thời các dịch bệnh, không để bùng phát trên diện rộng.

Thành phố đã triển khai quyết liệt và có hiệu quả Chỉ thị của số 22/CT-TTg ngày 03/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách năm 2016, một số nội dung đã đạt được như sau:

(1) Chủ động thực hiện cơ cấu lại ngân sách để đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư phát triển: trong quá trình xây dựng dự toán năm 2016, UBND Thành phố đã quyết liệt chỉ đạo việc tiết kiệm ngay từ khâu lập dự toán và thực hiện cơ cấu

³³ Nguồn tăng thu ngân sách thành phố năm 2015 (2.818 tỷ đồng) và nguồn thường vượt thu NSTW (297,9 tỷ đồng) được bổ sung cho chi đầu tư phát triển 1.698 tỷ đồng, chi thường xuyên 1.739,4 tỷ đồng, thường cho ngân sách quận huyện 545,7 tỷ đồng và tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định 831,1 tỷ đồng.

³⁴ Các Công văn số: 4646/UBND-KH&ĐT ngày 08/8/2016; 5299/UBND-KH&ĐT ngày 12/9/2016.

Ab

lại các khoản chi theo hướng dành nguồn, bổ sung thêm nguồn vốn cho chi đầu tư phát triển và thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của Thành phố, trong đó: đã cắt giảm 1.750 tỷ đồng (1.230 tỷ đồng từ cắt giảm chi thường xuyên và 520 tỷ đồng từ giảm dự phòng ngân sách Thành phố) để bổ sung thêm nguồn vốn cho chi đầu tư phát triển.

(2) Đã thu hồi để bổ sung dự phòng ngân sách Thành phố đối với kinh phí thường xuyên đã giao cho các sở, ngành, đơn vị sử dụng ngân sách thành phố trong dự toán đầu năm nhưng đến ngày 30/6/2016 chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện, chưa phê duyệt dự toán, chưa tổ chức đấu thầu (*cắt giảm 331 tỷ đồng để bổ sung dự phòng ngân sách các cấp*).

(3) Rà soát lại quy trình, định mức, đơn giá duy trì dịch vụ công ích: Thực tế triển khai thực hiện trong giai đoạn vừa qua của Thành phố cho thấy quy trình, định mức duy trì các lĩnh vực công ích đô thị không còn phù hợp, quy trình công nghệ hao phí nhiều lao động thủ công, nhiều hạng mục duy trì thực hiện chồng chéo và bị tách nhỏ,... Do đó, năm 2016, Thành phố đã thực hiện việc rà soát lại quy trình, định mức, đơn giá duy trì 9 lĩnh vực dịch vụ công ích³⁵ theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí, ứng dụng cơ giới hóa và áp dụng khoa học công nghệ mới; đồng thời gộp quy trình, định mức đối với các hạng mục công việc có tính chất tương đồng, nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Kết quả qua rà soát, đã thực hiện giảm, điều chỉnh 130 quy trình, 454 định mức, 1071 hạng mục đơn giá, trong đó đơn giá mới sau rà soát của Thành phố đã tiết kiệm được nhiều chi phí so với đơn giá đã thực hiện trước đây³⁶.

(4) Bên cạnh đó, Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác đấu thầu trong mua sắm tài sản, dịch vụ theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn; thẩm định ban hành các quyết định đấu thầu, đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả sử dụng ngân sách. Từ tháng 10/2016, Thành phố đã triển khai thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung quy định tại Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ đối với danh mục gồm 13 loại tài sản, dịch vụ thực hiện mua sắm tập trung. Qua đó, đã đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, công khai minh bạch, cải cách thủ tục hành chính, giảm đầu mối trong đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công thuộc Thành phố. Là đơn vị đầu tiên của cả nước triển khai thực hiện, trong 03 tháng cuối năm 2016, thành phố Hà Nội đã tổ chức đấu thầu 6 gói thầu mua sắm tài sản với giá trị trúng thầu là 359,6 tỷ đồng, giảm so với đăng ký nhu cầu của các cơ quan, đơn vị là 22,9 tỷ đồng (*khoảng 6%*).

Ngoài ra, Thành phố cũng đã chỉ đạo tiếp tục triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ, Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày

³⁵ Vận tải hành khách công cộng, đường bộ, đê điều, thủy lợi, cây xanh, chiếu sáng công cộng, thoát nước, vệ sinh môi trường, quan trắc môi trường.

³⁶ Cụ thể: lĩnh vực vệ sinh môi trường giảm 29%; thoát nước đô thị giảm 26%; chiếu sáng đô thị giảm 21%; duy trì công viên, cây xanh giảm 40%; duy tu, sửa chữa đê điều giảm 29%; duy trì, vận hành hệ thống tưới tiêu giảm 17%; duy trì hạ tầng giao thông đường bộ giảm 20%; vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt giảm 3,6%; quan trắc và phân tích môi trường giảm 22%.

21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và có Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 20/5/2016 triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP về cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập đến tất cả các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố để thực hiện theo quy định của Chính phủ.

III. CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016:

1. Cân đối ngân sách địa phương³⁷:

1.1. Tổng thu ngân sách địa phương:	119.816.833.935.434 đồng
- Thu trong cân đối ngân sách địa phương:	89.106.311.728.655 đồng
- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2015 sang năm 2016:	23.437.475.127.003 đồng
- Thu kết dư ngân sách năm 2015:	7.273.047.079.776 đồng
1.2. Tổng chi ngân sách địa phương:	103.043.829.623.372 đồng
- Chi trong cân đối ngân sách địa phương:	68.701.892.941.137 đồng
- Chi nộp ngân sách cấp Trung ương:	2.547.482.503 đồng
- Chi chuyển nguồn ngân sách địa phương:	34.339.389.199.732 đồng
1.3. Kết dư ngân sách địa phương:	16.773.004.312.062 đồng

2. Cân đối ngân sách cấp Thành phố³⁸:

2.1. Tổng thu ngân sách cấp Thành phố:	76.439.300.183.444 đồng
- Thu trong cân đối ngân sách cấp Thành phố:	61.641.870.975.492 đồng
- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2015 sang năm 2016:	14.010.957.608.682 đồng
- Thu kết dư ngân sách năm 2015:	682.909.550.012 đồng
- Thu nộp từ ngân sách cấp Quận, Huyện:	103.562.049.258 đồng
2.2. Tổng chi ngân sách cấp Thành phố:	72.022.420.160.382 đồng
- Chi trong cân đối ngân sách cấp Thành phố:	34.866.434.072.718 đồng
- Chi bổ sung cho ngân sách cấp Quận, Huyện:	18.346.693.587.206 đồng

³⁷ Căn cứ các chỉ tiêu thu, chi ngân sách địa phương được UBND Thành phố giao tại Quyết định số 6788/QĐ-UBND và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung trong năm, so với số liệu thu, chi ngân sách địa phương trong Biên bản xác nhận số liệu giữa Kho bạc Nhà nước Hà Nội - Sở Tài chính, số quyết toán thu, chi ngân sách địa phương trong Báo cáo quyết toán không bao gồm các khoản sau: thu (chi) bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp QH: 18.346.693.587.206 đồng; thu (chi) bổ sung từ ngân sách cấp QH cho ngân sách cấp XP: 5.662.746.514.659 đồng; thu (chi) từ ngân sách cấp QH nộp lên ngân sách cấp Thành phố: 103.562.049.258 đồng; thu (chi) từ ngân sách cấp XP nộp lên ngân sách cấp QH: 58.859.907.883 đồng và ghi thu-ghi chi: 3.420.874.310.495 đồng.

³⁸ Căn cứ các chỉ tiêu thu, chi ngân sách cấp Thành phố được UBND Thành phố giao tại Quyết định số 6788/QĐ-UBND và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung trong năm, so với số liệu thu, chi ngân sách cấp Thành phố trong Biên bản xác nhận số liệu giữa Kho bạc Nhà nước Hà Nội - Sở Tài chính, số quyết toán thu, chi ngân sách cấp Thành phố trong Báo cáo quyết toán không bao gồm số ghi thu – ghi chi cấp Thành phố.

- Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2016 sang năm 2017:

18.809.292.500.458 đồng

2.3. Kết dư ngân sách cấp Thành phố:

4.416.880.023.062 đồng

(Chi tiết theo Phụ lục 01, 02 đính kèm)

B. CÁC KHOẢN THU, CHI QUẢN LÝ QUANGÂN SÁCH THÀNH PHỐ:

Quyết toán các khoản thu, chi quản lý qua ngân sách 3.420.874.310.495 đồng, bao gồm các khoản thu phí và lệ phí, thu sự nghiệp, thu khác. Đây là các khoản thu các đơn vị được phép để lại chi theo chế độ quy định và được ghi thu, ghi chi quản lý qua ngân sách nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị trong việc sử dụng nguồn thu này. Trong đó: ngân sách Thành phố 905.371.256.062 đồng; ngân sách quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn 2.515.503.054.433 đồng *(Chi tiết theo Phụ lục số 5 đính kèm)*.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP BÁO CÁO TỔNG QUYẾT TOÁN VÀ MỘT SỐ HẠN CHẾ TRONG ĐIỀU HÀNH THU CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2016:

1. Về quy trình xây dựng Báo cáo: Báo cáo Tổng quyết toán ngân sách Thành phố năm 2016 đã được tổng hợp trên cơ sở Báo cáo quyết toán của 30 quận, huyện, thị xã và các đơn vị dự toán ngân sách cấp Thành phố; đã so sánh, đối chiếu khớp đúng với số liệu hạch toán kế toán của hệ thống Kho bạc Nhà nước Hà Nội.

2. Về kết quả kiểm toán đối với báo cáo Tổng quyết toán ngân sách Thành phố năm 2016:

Thực hiện Quyết định số 1134/QĐ-KTNN ngày 31/7/2017 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của thành phố Hà Nội, các tổ kiểm toán thuộc Đoàn Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của thành phố Hà Nội đã tiến hành kiểm toán tại các đơn vị của Thành phố từ ngày 11/8/2017 đến ngày 08/10/2017.

Sau quá trình làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Kiểm toán nhà nước đã kiểm tra chi tiết và xác định thống nhất với số liệu tổng hợp quyết toán ngân sách năm 2016 của Thành phố.

3. Một số tồn tại, hạn chế:

Qua công tác quyết toán thu, chi ngân sách Thành phố năm 2016, UBND Thành phố nhận thấy còn một số tồn tại: Thu ngân sách tuy đạt tỷ lệ khá so với năm trước nhưng còn một số khoản thu chưa hoàn thành so với dự toán; Số nợ thuế đã giảm mạnh nhưng vẫn còn lớn, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng; Công tác quyết toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã được các cấp quan tâm chỉ đạo, song tại một số đơn vị năng lực về quản lý dự án còn chưa đáp ứng được yêu cầu, do đó còn chậm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành; Số chi chuyển nguồn ngân sách vẫn còn lớn, công tác chuyển nguồn của các dự án đầu tư còn chậm; Những tồn tại trên cần được các ngành, các cấp tập trung quan tâm, khắc phục trong thời gian tới.

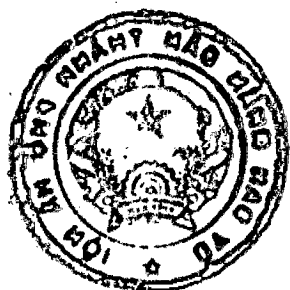
Trên đây là báo cáo Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2016, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê chuẩn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban KT&NS-HĐND Thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP_{T.V.Đũng}, KT, TKBT;
- Lưu: VT.

96702 (40)





DANH MỤC PHỤ LỤC

TT	Tên phụ lục	Ký hiệu
1	Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2016	Phụ lục 1
2	Quyết toán ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp quận, huyện, thị xã năm 2016	Phụ lục 2
3	Quyết toán thu ngân sách Nhà nước theo các sắc thuế năm 2016	Phụ lục 3
4	Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2016	Phụ lục 4
5	Quyết toán chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách năm 2016	Phụ lục 5
6	Quyết toán chi Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu Thành phố năm 2016	Phụ lục 6
7	Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp quận, huyện, thị xã năm 2016	Phụ lục 7
8	Quyết toán chi đơn vị sử dụng ngân sách cấp Thành phố theo các lĩnh vực năm 2016	Phụ lục 8
9	Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản các dự án, công trình thuộc nguồn vốn đầu tư ngân sách cấp Thành phố năm 2016	Phụ lục 9
+	<i>Các dự án nguồn XDCB tập trung và CTMT giải ngân qua Kho bạc Nhà nước Hà Nội</i>	<i>Phụ lục 9.1</i>
+	<i>Các dự án XDCB nguồn xổ số kiến thiết giải ngân qua Kho bạc Nhà nước Hà Nội</i>	<i>Phụ lục 9.2</i>
+	<i>Các dự án XDCB vốn ngân sách giải ngân qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội</i>	<i>Phụ lục 9.3</i>
+	<i>Các dự án XDCB vốn ngân sách giải ngân qua Quỹ Phát triển đất Thành phố Hà Nội</i>	<i>Phụ lục 9.4</i>
+	<i>Các dự án XDCB thực hiện theo hình thức Lệnh chi tiền</i>	<i>Phụ lục 9.5</i>
+	<i>Các dự án đầu tư XDCB bằng nguồn vốn ngoài nước</i>	<i>Phụ lục 9.6</i>
10	Quyết toán chi ngân sách theo một số lĩnh vực của từng quận, huyện, thị xã năm 2016	Phụ lục 10
11	Biểu tổng hợp kinh phí bổ sung cho các Quỹ có nguồn gốc ngân sách của Thành phố năm 2016	Phụ lục 11
12	Tổng hợp sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp Thành phố năm 2016	Phụ lục 12
13	Danh sách các dự án đầu tư XDCB cấp Thành phố chậm nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành năm 2016	Phụ lục 13
14	Tổng hợp kinh phí thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao các đơn vị ngành dọc năm 2016	Phụ lục 14
15	Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán quyết toán ngân sách Thành phố Hà Nội năm 2015	Phụ lục 15

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán
		Trung ương giao	HĐND Thành phố giao	
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	169.420.000.000.000	169.420.000.000.000	179.054.036.841.978
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	152.130.000.000.000	152.130.000.000.000	160.171.076.725.658
2	Thu từ dầu thô	2.300.000.000.000	2.300.000.000.000	1.938.480.304.068
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	14.990.000.000.000	14.990.000.000.000	16.944.479.812.252
II	Thu ngân sách địa phương	73.773.149.000.000	73.773.149.000.000	119.816.833.935.434
1	Thu trong cân đối ngân sách địa phương	73.773.149.000.000	73.773.149.000.000	89.106.311.728.655
a	Thu ngân sách địa phương sau điều tiết từ các khoản thu theo phân cấp	69.977.640.000.000	69.977.640.000.000	85.266.650.991.884
b	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	1.795.509.000.000	1.795.509.000.000	3.839.660.736.771
	- Bổ sung có mục tiêu	1.795.509.000.000	1.795.509.000.000	3.839.660.736.771
c	Thu huy động đầu tư theo quy định tại khoản 3, điều 8 Luật NSNN	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	
2	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2015 sang năm 2016			23.437.475.127.003
3	Thu kết dư ngân sách năm 2015			7.273.047.079.776
III	Chi ngân sách địa phương	73.773.149.000.000	73.773.149.000.000	103.043.829.623.372
III.1	Chi trong cân đối ngân sách địa phương	73.773.149.000.000	73.773.149.000.000	68.701.892.941.137
1	Chi đầu tư phát triển	26.521.313.000.000	26.521.313.000.000	28.408.996.712.901
2	Chi trả nợ	4.591.320.000.000	4.591.320.000.000	4.439.053.317.885
3	Chi thường xuyên	40.975.966.000.000	38.249.080.000.000	35.695.044.748.353
3	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL		2.726.886.000.000	
4	Chi khác (Chi thoái trả tiền thuế theo quy định,...)			148.338.161.998
5	Dự phòng ngân sách	1.674.090.000.000	1.674.090.000.000	
6	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000	10.460.000.000
III.2	Chi nộp ngân sách cấp Trung ương			2.547.482.503
III.3	Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2016 sang năm 2017			34.339.389.199.732
IV	Kết dư ngân sách địa phương			16.773.004.312.062
V	Thu, chi quản lý qua ngân sách			
1	Thu quản lý qua ngân sách		4.053.569.000.000	3.420.874.310.495
2	Chi quản lý qua ngân sách		4.053.569.000.000	3.420.874.310.495

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH CẤP QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Dự toán	Quyết toán
A	NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ		
I	Nguồn thu ngân sách cấp Thành phố	56.350.796.000.000	76.439.300.183.444
1	Thu trong cân đối ngân sách cấp Thành phố	56.306.357.000.000	61.641.870.975.492
a	Thu ngân sách cấp Thành phố sau điều tiết từ các khoản thu theo phân cấp	52.510.848.000.000	57.802.210.238.721
	+ BT	3.300.000.000.000	619.968.811.826
	+ Không bao gồm BT	49.210.848.000.000	57.182.241.426.895
b	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	1.795.509.000.000	3.839.660.736.771
	- Bổ sung có mục tiêu	1.795.509.000.000	3.839.660.736.771
c	Thu huy động đầu tư theo quy định tại khoản 3, điều 8 Luật NSNN	2.000.000.000.000	
2	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2015 sang năm 2016		14.010.957.608.682
3	Thu kết dư ngân sách năm 2015		682.909.550.012
4	Thu ngân sách cấp Quận, Huyện hoàn trả	44.439.000.000	103.562.049.258
II	Chi ngân sách cấp Thành phố	56.350.796.000.000	72.022.420.160.382
1	Chi trong cân đối ngân sách cấp Thành phố	41.943.063.000.000	34.866.434.072.718
2	Chi bổ sung cho ngân sách Quận, Huyện	14.407.733.000.000	18.346.693.587.206
	- Bổ sung cân đối	7.272.405.000.000	7.272.405.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	7.135.328.000.000	11.074.288.587.206
3	Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2016 sang năm 2017		18.809.292.500.458
III	Kết dư ngân sách cấp Thành phố		4.416.880.023.062
B	NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN (GỒM CẢ NGÂN SÁCH XÃ PHƯỜNG)		
I	Nguồn thu ngân sách quận, huyện	31.874.525.000.000	61.827.789.388.454
1	Thu trong cân đối ngân sách Quận, Huyện	31.874.525.000.000	45.811.134.340.369
a	Thu ngân sách Quận, Huyện sau điều tiết từ các khoản thu theo phân cấp	17.466.792.000.000	27.464.440.753.163
b	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố	14.407.733.000.000	18.346.693.587.206
	- Bổ sung cân đối	7.272.405.000.000	7.272.405.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	7.135.328.000.000	11.074.288.587.206
2	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2015 sang năm 2016		9.426.517.518.321
3	Thu kết dư ngân sách năm 2015		6.590.137.529.764
II	Chi ngân sách quận, huyện	31.874.525.000.000	49.471.665.099.454
1	Chi trong cân đối ngân sách Quận, Huyện	31.830.086.000.000	33.835.458.868.419
2	Chi nộp ngân sách cấp Thành phố	44.439.000.000	103.562.049.258
3	Chi nộp ngân sách cấp Trung ương		2.547.482.503
4	Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2016 sang năm 2017		15.530.096.699.274
III	Kết dư ngân sách Quận, Huyện		12.356.124.289.000

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO CÁC SẮC THUẾ NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán UBND Thành phố giao	Quyết toán	Tỷ lệ QT/DT
A	Thu NSNN trên địa bàn	169.420.000.000.000	179.054.036.841.978	105,69%
I	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	14.990.000.000.000	16.944.479.812.252	113,04%
1	Thuế XNK, thuế TTĐB, BVMT hàng nhập khẩu	6.140.000.000.000	5.525.388.563.016	89,99%
2	Thuế VAT hàng nhập khẩu	8.850.000.000.000	11.301.845.343.155	127,70%
3	Thu khác	.	117.245.906.081	
II	Thu nội địa	152.130.000.000.000	160.171.076.725.658	105,29%
1	Thu từ kinh tế quốc doanh	50.450.000.000.000	44.143.764.761.169	87,50%
	- Thuế giá trị gia tăng	13.981.000.000.000	11.267.984.704.820	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.455.000.000.000	4.725.196.484.026	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.550.000.000.000	27.106.340.252.548	
	- Thuế tài nguyên	51.000.000.000	65.251.618.538	
	- Thuế môn bài	10.200.000.000	9.749.823.447	
	- Thu khác	402.800.000.000	969.241.877.790	
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	21.850.000.000.000	18.963.447.684.100	86,79%
	Thuế giá trị gia tăng	7.096.000.000.000	5.644.180.319.915	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.000.000.000.000	3.903.327.540.716	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.400.000.000.000	8.925.400.468.094	
	Thuế môn bài	6.000.000.000	6.744.309.083	
	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	45.000.000.000	89.918.993.894	
	Thuế tài nguyên	2.500.000.000	2.027.953.653	
	Thu từ khí và lãi khí được chia	2.200.000.000.000	246.227.477.221	
	Thu khác	100.500.000.000	145.620.621.524	
3	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ NQD	24.700.000.000.000	27.913.704.388.038	113,01%
	Thuế giá trị gia tăng	14.340.000.000.000	15.203.977.833.552	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	620.000.000.000	877.608.161.201	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.000.000.000.000	9.663.803.870.683	
	Thuế tài nguyên	4.000.000.000	7.412.571.680	
	Thuế môn bài	250.000.000.000	281.466.299.298	
	Thu khác	486.000.000.000	1.879.435.651.624	
4	Lệ phí trước bạ	6.000.000.000.000	6.386.639.658.373	106,44%
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		1.214.905.600	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	340.000.000.000	386.106.172.730	113,56%
7	Thuế Thu nhập cá nhân	14.600.000.000.000	14.425.811.277.108	98,81%
8	Thuế bảo vệ môi trường	5.500.000.000.000	4.953.568.210.788	90,06%
9	Thu phí và lệ phí	6.000.000.000.000	5.807.144.563.356	96,79%
	Phí và lệ phí trung ương	5.615.000.000.000	5.226.457.269.760	
	Phí và lệ phí địa phương	385.000.000.000	580.687.293.596	
10	Tiền sử dụng đất	13.000.000.000.000	26.220.020.171.485	201,69%
11	Tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	100.000.000.000	562.987.638.579	562,99%

STT	Nội dung	Dự toán UBND Thành phố giao	Quyết toán	Tỷ lệ QT/DT
12	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	3.400.000.000.000	4.576.584.955.656	134,61%
13	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích ... tại xã	170.000.000.000	479.979.550.312	282,34%
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		11.125.299.500	
15	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	130.000.000.000	318.622.881.190	245,09%
16	Thu khác ngân sách	5.890.000.000.000	5.020.354.607.674	85,24%
	Trung ương	610.000.000.000	3.369.933.047.847	
	Địa phương (không kể thu tại xã)	690.000.000.000	1.650.421.559.827	
III	Thu từ dầu thô	2.300.000.000.000	1.938.480.304.068	84,28%
B	Thu Xổ số kiến thiết	195.000.000.000	164.902.570.205	84,57%
C	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách	3.858.569.000.000	3.420.874.310.495	88,66%

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Thực hiện 2015	Dự toán đầu năm			Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung			Thực hiện năm 2016			Tỷ lệ % QT/DT điều chỉnh		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó	
				Ngân sách Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		Ngân sách Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		NS Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		NSTP	NSQH (gồm cả NSXP)
*	TỔNG CHI TRONG VÀ NGOÀI CÂN ĐỐI (A+B)	111.678.477.490.264	77.871.157.000.000	60.096.854.000.000	32.182.036.000.000	85.263.613.524.506	45.964.003.556.607	39.299.609.967.899	130.577.706.084.990	72.927.791.416.444	57.649.914.668.546			
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	108.586.826.893.961	73.817.588.000.000	56.350.796.000.000	31.874.525.000.000	79.002.052.470.073	42.217.945.556.607	36.784.106.913.466	127.156.831.774.495	72.022.420.160.382	55.134.411.614.113			
*	CHI CBNS ĐP loại trừ yếu tố hạch toán nội bộ (bổ sung cho cấp dưới, cấp dưới nộp lên)	86.596.699.709.859	73.773.149.000.000	41.943.063.000.000	31.830.086.000.000	79.002.052.470.073	42.217.945.556.607	36.784.106.913.466	103.041.282.140.869	53.675.726.573.176	49.365.555.567.693			
*	CHI CÂN ĐỐI NS ĐP (loại trừ yếu tố hạch toán nội bộ và chi chuyển nguồn)	63.159.224.582.856	73.773.149.000.000	41.943.063.000.000	31.830.086.000.000	79.002.052.470.073	42.217.945.556.607	36.784.106.913.466	68.701.892.941.137	34.866.434.072.718	33.835.458.868.419	86,96%	82,59%	91,98%
I	Chi đầu tư phát triển	26.966.654.662.810	26.521.313.000.000	15.705.183.000.000	10.816.130.000.000	33.804.038.553.998	20.903.114.291.605	12.900.924.262.393	28.408.996.712.901	15.779.231.350.057	12.629.765.362.844	84,04%	75,49%	97,90%
I	Chi đầu tư XDCB	26.503.493.997.566	25.721.313.000.000	14.905.183.000.000	10.816.130.000.000	33.474.038.553.998	20.573.114.291.605	12.900.924.262.393	28.156.207.970.217	15.526.442.607.373	12.629.765.362.844	84,11%	75,47%	97,90%
a	Chi XDCB bằng nguồn vốn trong nước	24.610.246.113.777	24.116.963.000.000	13.300.833.000.000	10.816.130.000.000	30.312.588.843.098	17.411.664.580.705	12.900.924.262.393	24.994.758.259.317	12.364.992.896.473	12.629.765.362.844	82,46%	71,02%	97,90%
	+ Trong đó: GTGC dự án BT	73.386.282.424	3.500.000.000.000	3.500.000.000.000		3.357.001.626.639	3.357.001.626.639		437.419.782.212	437.419.782.212		13,03%	13,03%	
	+ Không kê BT	24.536.859.831.353	9.800.833.000.000	9.800.833.000.000		26.955.587.216.459	14.054.662.954.066	12.900.924.262.393	24.557.338.477.103	11.927.573.114.261	12.629.765.362.844	91,10%	84,87%	97,90%
b	Chi XDCB bằng nguồn vốn ngoài nước	1.893.247.883.789	1.604.350.000.000	1.604.350.000.000		3.161.449.710.900	3.161.449.710.900		3.161.449.710.900	3.161.449.710.900		100,00%	100,00%	
2	Chi bổ sung vốn cho các Quỹ	350.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000		200.000.000.000	200.000.000.000		200.000.000.000	200.000.000.000		100,00%	100,00%	
3	Chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	63.160.665.244	100.000.000.000	100.000.000.000		100.000.000.000	100.000.000.000		22.788.742.684	22.788.742.684		22,79%	22,79%	
4	Chi đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất	50.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000		30.000.000.000	30.000.000.000		30.000.000.000	30.000.000.000		100,00%	100,00%	
II	Chi trả nợ và hoàn trả các khoản huy động	746.091.212.743	4.591.320.000.000	4.591.320.000.000		4.591.320.000.000	4.591.320.000.000		4.439.053.317.885	4.439.053.317.885		96,68%	96,68%	
III	Chi thường xuyên	35.358.203.528.813	38.249.080.000.000	18.084.996.000.000	20.164.084.000.000	40.596.233.916.076	16.713.051.265.002	23.883.182.651.074	35.695.044.748.353	14.489.351.242.778	21.205.693.505.575	87,93%	86,69%	88,79%
I	Chi an ninh	1.433.009.017.800	487.166.000.000	194.820.000.000	292.346.000.000	892.355.724.517	333.664.635.055	558.691.089.462	834.884.999.579	289.602.496.264	545.282.503.315	93,56%	86,79%	97,60%
2	Chi quốc phòng		844.402.000.000	372.550.000.000	471.852.000.000	896.303.648.433	396.980.148.163	499.323.500.270	881.823.266.925	396.980.148.163	484.843.118.762	98,38%	100,00%	97,10%
3	Chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	9.988.767.451.363	10.556.278.000.000	2.237.634.000.000	8.318.644.000.000	11.787.383.122.301	2.297.418.184.693	9.489.964.937.608	10.979.129.482.986	2.167.461.112.106	8.811.668.370.880	93,14%	94,34%	92,85%
4	Chi sự nghiệp Y tế	2.956.842.467.322	3.452.497.000.000	3.248.829.000.000	203.668.000.000	3.315.347.042.060	3.106.502.570.075	208.844.471.985	3.062.210.047.075	2.864.305.878.258	197.904.168.817	92,36%	92,20%	94,76%
5	Chi sự nghiệp khoa học- công nghệ	261.645.468.949	455.914.000.000	455.914.000.000	-	307.109.487.138	300.490.740.538	6.618.746.600	180.024.005.545	175.405.258.945	4.618.746.600	58,62%	58,37%	69,78%
6	Chi sự nghiệp môi trường	2.456.295.196.763	2.930.968.000.000	1.423.245.000.000	1.507.723.000.000	2.687.340.472.421	1.187.258.706.202	1.500.081.766.219	2.193.290.083.487	1.026.536.860.369	1.166.753.223.118	81,62%	86,46%	77,78%
7	Chi sự nghiệp văn hoá- thông tin	812.008.150.785	664.275.000.000	392.448.000.000	271.827.000.000	811.777.624.454	425.106.768.239	386.670.856.215	759.359.167.397	396.121.707.504	363.237.459.893	93,54%	93,18%	93,94%
8	Chi sự nghiệp phát thanh- truyền hình	175.585.275.321	120.716.000.000	57.900.000.000	62.816.000.000	170.023.707.877	64.803.000.000	105.220.707.877	165.822.177.592	62.483.635.894	103.338.541.698	97,53%	96,42%	98,21%
9	Chi sự nghiệp thể dục- thể thao	514.707.218.455	580.475.000.000	457.168.000.000	123.307.000.000	554.991.967.317	455.991.573.588	99.000.393.729	534.104.915.031	437.783.189.862	96.321.725.169	96,24%	96,01%	97,29%
10	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	2.194.159.984.777	2.462.175.000.000	737.766.000.000	1.724.409.000.000	2.482.269.136.030	481.788.313.051	2.000.480.822.979	2.274.262.985.905	434.304.690.559	1.839.958.295.346	91,62%	90,14%	91,98%
11	Chi sự nghiệp kinh tế	6.550.606.976.769	6.791.028.000.000	4.963.077.000.000	1.827.951.000.000	6.768.677.420.578	4.410.310.534.742	2.358.366.885.836	5.247.752.694.326	3.422.481.571.081	1.825.271.123.245	77,53%	77,60%	77,40%
12	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	6.243.965.276.296	6.802.874.000.000	1.825.108.000.000	4.977.766.000.000	7.770.903.365.757	1.854.656.757.338	5.916.246.608.419	6.821.814.410.581	1.598.080.445.783	5.223.733.964.798	87,79%	86,17%	88,29%
13	Chi trợ giá	1.122.670.861.479	1.256.500.000.000	1.256.500.000.000	-	1.111.571.261.962	1.058.144.850.000	53.426.411.962	1.060.268.171.962	1.006.841.760.000	53.426.411.962	95,38%	95,15%	100,00%
14	Chi thường xuyên khác	647.940.182.734	843.812.000.000	462.037.000.000	381.775.000.000	1.040.179.935.230	339.934.483.318	700.245.451.912	700.298.339.962	210.962.487.990	489.335.851.972	67,32%	62,06%	69,88%
IV	Chi khác (Chi thoái trả tiền thuế theo quy định,...)	77.815.178.490							148.338.161.998	148.338.161.998				
V	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương		2.726.886.000.000	2.420.722.000.000	306.164.000.000									
VI	Dự phòng ngân sách		1.674.090.000.000	1.130.382.000.000	543.708.000.000									
VII	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000	10.460.000.000		10.460.000.000	10.460.000.000		10.460.000.000	10.460.000.000		100,00%	100,00%	
VIII	Chi chuyển nguồn ngân sách từ năm 2016 sang năm 2017	23.437.475.127.003							34.339.389.199.732	18.809.292.500.458	15.530.096.699.274			
IX	Chi bổ sung cho cấp dưới	21.916.156.250.412		14.407.733.000.000					24.009.440.101.865	18.346.693.587.206	5.662.746.514.659			
I	Bổ sung cân đối	8.849.687.597.911		7.272.405.000.000					8.877.329.613.000	7.272.405.000.000	1.604.924.613.000			
2	Bổ sung có mục tiêu	13.066.468.652.501		7.135.328.000.000					15.132.110.488.865	11.074.288.587.206	4.057.821.901.659			
X	Chi hoàn trả các cấp NS	73.970.933.690	44.439.000.000		44.439.000.000				106.109.531.761		106.109.531.761			
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NS	3.091.650.596.303	4.053.569.000.000	3.746.058.000.000	307.511.000.000	6.261.561.054.433	3.746.058.000.000	2.515.503.054.433	3.420.874.310.495	905.371.256.062	2.515.503.054.433	54,63%	24,17%	100,00%

QUYẾT TOÁN CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số	Trong đó	
			Thành phố	Quận, huyện, thị xã (bao gồm cả xã, phường, thị trấn)
I	Dự toán	4.053.569.000.000	3.746.058.000.000	307.511.000.000
II	Quyết toán	3.420.874.310.495	905.371.256.062	2.515.503.054.433
1	Chi quản lý hành chính	177.156.233.127	149.699.619.053	27.456.614.074
2	Chi sự nghiệp kinh tế	121.111.874.191	57.384.923.695	63.726.950.496
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	2.828.781.433.589	510.444.473.583	2.318.336.960.006
4	Chi sự nghiệp y tế	54.815.217.490	54.734.826.865	80.390.625
5	Chi sự nghiệp văn hóa	136.918.615.380	118.485.570.980	18.433.044.400
6	Chi sự nghiệp PTTH	829.959.100		829.959.100
7	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	521.648.332	521.648.332	
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	7.905.701.854	115.047.468	7.790.654.386
9	Chi đảm bảo xã hội	13.617.998.086	12.998.939.086	619.059.000
10	Sự nghiệp môi trường	1.296.598.000	986.207.000	310.391.000
11	Sự nghiệp khác	77.919.031.346		77.919.031.346

Ghi chú: Số ghi chi từ nguồn thu để lại quản lý qua ngân sách cấp Thành phố giảm so với dự toán chủ yếu do giảm số ghi chi viện phí chuyển thành giá dịch vụ khám chữa bệnh, không phản ánh vào ngân sách Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính.

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH CẤP QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên quận, huyện, thị xã	Dự toán năm 2016					Quyết toán 2016 (số quận, huyện thực rút trong năm 2016)			So sánh QT/DT (%)	
		Tổng số	Bổ sung cân đối	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			
				Bổ sung mục tiêu				Bổ sung cân đối	Bổ sung mục tiêu		
				Tổng số	QĐ 6788/QĐ-UBND	Bổ sung trong năm				Bổ sung cân đối	Bổ sung mục tiêu
	Tổng số	18.366.725.613.992	7.272.405.000.000	11.094.320.613.992	7.135.328.000.000	3.958.992.613.992	18.346.693.587.206	7.272.405.000.000	11.074.288.587.206	100,0	99,8
1	Quận Hoàn Kiếm	74.517.762.374		74.517.762.374	1.892.000.000	72.625.762.374	74.517.762.374		74.517.762.374		100,0
2	Quận Ba Đình	119.000.180.170		119.000.180.170	2.923.000.000	116.077.180.170	119.000.180.170		119.000.180.170		100,0
3	Quận Đống Đa	110.843.097.426		110.843.097.426	4.892.000.000	105.951.097.426	110.843.097.426		110.843.097.426		100,0
4	Quận Hai Bà Trưng	73.216.152.625		73.216.152.625	5.048.000.000	68.168.152.625	73.216.152.625		73.216.152.625		100,0
5	Quận Thanh Xuân	57.833.931.683		57.833.931.683	3.251.000.000	54.582.931.683	56.882.128.683		56.882.128.683		98,4
6	Quận Tây Hồ	135.605.340.981	61.467.000.000	74.138.340.981	27.929.000.000	46.209.340.981	135.605.340.981	61.467.000.000	74.138.340.981	100,0	100,0
7	Quận Cầu Giấy	98.790.834.291		98.790.834.291	3.076.000.000	95.714.834.291	98.790.834.291		98.790.834.291		100,0
8	Quận Hoàng Mai	53.699.604.926	13.220.000.000	40.479.604.926	4.356.000.000	36.123.604.926	52.864.674.326	13.220.000.000	39.644.674.326	100,0	97,9
9	Quận Long Biên	173.446.223.710	61.980.000.000	111.466.223.710	8.534.000.000	102.932.223.710	173.446.223.710	61.980.000.000	111.466.223.710	100,0	100,0
10	Quận Hà Đông	236.956.545.987	193.036.000.000	43.920.545.987	12.796.000.000	31.124.545.987	236.956.545.987	193.036.000.000	43.920.545.987	100,0	100,0
11	Quận Nam Từ Liêm	154.973.151.483		154.973.151.483	94.338.000.000	60.635.151.483	143.298.791.483		143.298.791.483		92,5
12	Quận Bắc Từ Liêm	174.593.836.000	67.880.000.000	106.713.836.000	87.883.000.000	18.830.836.000	174.593.836.000	67.880.000.000	106.713.836.000	100,0	100,0
13	Thị xã Sơn Tây	799.961.329.100	333.968.000.000	465.993.329.100	317.339.000.000	148.654.329.100	798.606.289.100	333.968.000.000	464.638.289.100	100,0	99,7
14	Huyện Thanh Trì	475.833.668.673	272.958.000.000	202.875.668.673	176.491.000.000	26.384.668.673	475.833.668.673	272.958.000.000	202.875.668.673	100,0	100,0
15	Huyện Gia Lâm	652.353.388.667	339.036.000.000	313.317.388.667	179.677.000.000	133.640.388.667	650.041.293.667	339.036.000.000	311.005.293.667	100,0	99,3
16	Huyện Sóc Sơn	1.277.998.306.000	470.974.000.000	807.024.306.000	433.238.000.000	373.786.306.000	1.276.367.557.814	470.974.000.000	805.393.557.814	100,0	99,8
17	Huyện Đông Anh	872.619.343.389	394.008.000.000	478.611.343.389	300.493.000.000	178.118.343.389	872.619.343.389	394.008.000.000	478.611.343.389	100,0	100,0
18	Huyện Mê Linh	732.644.701.246	326.055.000.000	406.589.701.246	288.225.000.000	118.364.701.246	732.644.701.246	326.055.000.000	406.589.701.246	100,0	100,0
19	Huyện Quốc Oai	1.117.162.772.131	341.722.000.000	775.440.772.131	513.166.000.000	262.274.772.131	1.117.090.772.131	341.722.000.000	775.368.772.131	100,0	100,0
20	Huyện Chương Mỹ	1.129.212.603.273	450.664.000.000	678.548.603.273	445.196.000.000	233.352.603.273	1.129.212.603.273	450.664.000.000	678.548.603.273	100,0	100,0
21	Huyện Thanh Oai	905.114.749.300	380.216.000.000	524.898.749.300	336.291.000.000	188.607.749.300	904.267.099.300	380.216.000.000	524.051.099.300	100,0	99,8

STT	Tên quận, huyện, thị xã	Dự toán năm 2016					Quyết toán 2016 (số quận, huyện thực rút trong năm 2016)			So sánh QT/DT (%)	
		Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm			
			Bổ sung cân đối	Bổ sung mục tiêu				Bổ sung cân đối	Bổ sung mục tiêu		
				Tổng số	Trong đó						
				Tổng số	QĐ 6788/QĐ-UBND	Bổ sung trong năm				Bổ sung cân đối	Bổ sung mục tiêu
22	Huyện Ứng Hòa	1.036.867.775.594	451.372.000.000	585.495.775.594	409.710.000.000	175.785.775.594	1.036.867.775.594	451.372.000.000	585.495.775.594	100,0	100,0
23	Huyện Mỹ Đức	1.167.634.562.247	406.736.000.000	760.898.562.247	564.985.000.000	195.913.562.247	1.167.634.562.247	406.736.000.000	760.898.562.247	100,0	100,0
24	Huyện Thường Tín	880.704.128.800	419.992.000.000	460.712.128.800	302.893.000.000	157.819.128.800	880.704.128.800	419.992.000.000	460.712.128.800	100,0	100,0
25	Huyện Phú Xuyên	1.040.969.983.563	443.601.000.000	597.368.983.563	373.268.000.000	224.100.983.563	1.040.969.983.563	443.601.000.000	597.368.983.563	100,0	100,0
26	Huyện Ba Vì	1.575.646.023.606	528.507.000.000	1.047.139.023.606	831.025.000.000	216.114.023.606	1.575.646.023.606	528.507.000.000	1.047.139.023.606	100,0	100,0
27	Huyện Phúc Thọ	834.289.674.359	366.532.000.000	467.757.674.359	325.494.000.000	142.263.674.359	834.289.674.359	366.532.000.000	467.757.674.359	100,0	100,0
28	Huyện Thạch Thất	985.571.316.090	380.586.000.000	604.985.316.090	446.432.000.000	158.553.316.090	985.217.916.090	380.586.000.000	604.631.916.090	100,0	99,9
29	Huyện Đan Phượng	649.459.684.641	294.409.000.000	355.050.684.641	305.584.000.000	49.466.684.641	649.459.684.641	294.409.000.000	355.050.684.641	100,0	100,0
30	Huyện Hoài Đức	769.204.941.657	273.486.000.000	495.718.941.657	328.903.000.000	166.815.941.657	769.204.941.657	273.486.000.000	495.718.941.657	100,0	100,0

QUYẾT TOÁN CHI ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC NĂM 2016

Đơn vị tính: Đồng

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán đầu năm															
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực														
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác	
	Tổng cộng	20.505.718.000.000	1.825.108.000.000	1.256.500.000.000	1.423.245.000.000	4.963.077.000.000	2.237.634.000.000	3.248.829.000.000	455.914.000.000	392.448.000.000	66.851.000.000	457.168.000.000	737.766.000.000	194.820.000.000	372.550.000.000	2.873.808.000.000	
1	Các Sở, ban, ngành	15.191.210.000.000	1.578.122.000.000	1.206.500.000.000	1.423.245.000.000	4.779.477.000.000	2.226.634.000.000	2.253.829.000.000	295.914.000.000	380.448.000.000	66.851.000.000	457.168.000.000	422.766.000.000			100.256.000.000	
1	Văn phòng UBND Thành phố	97.506.000.000	71.743.000.000						24.934.000.000							829.000.000	
2	Văn phòng HĐND Thành phố	48.157.000.000	48.157.000.000														
3	Sở Ngoại vụ Hà Nội	52.286.000.000	51.579.000.000			707.000.000											
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	94.812.000.000	30.651.000.000			12.702.000.000			51.459.000.000								
5	Sở Tư pháp Hà Nội	53.090.000.000	27.675.000.000				985.000.000									24.430.000.000	
6	Sở Công thương	230.331.000.000	127.284.000.000			98.816.000.000	1.217.000.000									3.014.000.000	
7	Sở Khoa học công nghệ	183.868.000.000	21.842.000.000						162.026.000.000								
8	Sở Tài chính	65.193.000.000	63.948.000.000			1.077.000.000	168.000.000										
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.630.201.000.000	24.568.000.000				1.605.633.000.000										
10	Sở Y tế	2.301.048.000.000	25.256.000.000				39.000.000.000	2.236.792.000.000									
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	559.468.000.000	36.022.000.000		5.000.000.000		104.878.000.000						413.568.000.000				
12	Sở Văn hoá Thể thao	712.813.000.000	22.267.000.000				248.000.000			233.130.000.000		457.168.000.000					
13	Sở Thông tin và truyền thông	148.123.000.000	30.549.000.000				4.031.000.000		36.643.000.000		57.900.000.000					19.000.000.000	
14	Sở Nội vụ	127.816.000.000	76.417.000.000			31.399.000.000	20.000.000.000										
15	Thanh tra Thành phố	30.710.000.000	30.710.000.000														
16	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	9.418.000.000	9.418.000.000														

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán đầu năm														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
17	Văn phòng Thành ủy	209.773.000.000	181.821.000.000				5.908.000.000	16.061.000.000								5.983.000.000
18	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	29.229.000.000	29.229.000.000													
19	Thành đoàn Hà Nội	109.235.000.000	23.253.000.000			2.827.000.000	24.208.000.000			58.947.000.000						
20	Hội liên hiệp phụ nữ	22.141.000.000	21.355.000.000				786.000.000									
21	Hội Nông dân	10.601.000.000	10.601.000.000													
22	Hội cựu chiến binh	9.916.000.000	9.487.000.000				429.000.000									
23	Trường cao đẳng nghệ thuật Hà Nội	27.136.000.000					27.136.000.000									
24	Trường đại học Thủ đô	58.039.000.000					58.039.000.000									
25	Trường đào tạo CB Lê Hồng Phong	80.943.000.000					80.943.000.000									
26	Trường cao đẳng y tế Hà Nội	11.411.000.000					11.411.000.000									
27	Trường cao đẳng cộng đồng Hà Nội	16.367.000.000					16.367.000.000									
28	Trường cao đẳng cộng đồng Hà Tây	13.297.000.000					13.297.000.000									
29	Trường cao đẳng nghề công nghiệp	42.195.000.000					42.195.000.000									
30	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	88.714.000.000					343.000.000			88.371.000.000						
31	Trường CD điện tử điện lạnh HN	9.655.000.000					9.655.000.000									
32	Trường cao đẳng thương mại du lịch	12.892.000.000					12.892.000.000									
33	Trường cao đẳng công nghệ công nghệ cao	37.283.000.000					37.283.000.000									
34	Trường cao đẳng sư phạm Hà Tây	58.401.000.000					58.401.000.000									
35	Trường cao đẳng y tế Hà Đông	17.851.000.000					16.875.000.000	976.000.000								

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán đầu năm														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
36	Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	12.826.000.000					12.826.000.000									
37	Trường cao đẳng công nghệ và môi trường	13.763.000.000					13.763.000.000									
38	TT giáo dục lao động hướng nghiệp thanh niên	9.198.000.000											9.198.000.000			
39	Ban Dân tộc Thành phố Hà nội	9.155.000.000	9.155.000.000													
40	Đài phát thanh truyền hình Hà nội															
41	Viện nghiên cứu phát triển KT-XH Thành phố	20.352.000.000						1.190.000.000		19.162.000.000						
42	Bảo Kinh tế và Đô thị	8.951.000.000										8.951.000.000				
43	Sở Du lịch	67.270.000.000	19.870.000.000				400.000.000									47.000.000.000
44	Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch	91.081.000.000					91.081.000.000									
45	Sở Giao thông vận tải	2.442.738.000.000	158.576.000.000	1.200.000.000.000			1.080.104.000.000	4.058.000.000								
46	Ban quản lý các KCN và CX	23.267.000.000	21.526.000.000				1.741.000.000									
47	Quỹ Phát triển đất Thành phố (nay là Quỹ ĐTPT TP)	1.530.000.000					1.530.000.000									
48	Ban chỉ đạo GPMB TP	5.787.000.000	5.727.000.000					60.000.000								
49	Sở Tài nguyên và Môi trường	292.627.000.000	35.476.000.000		164.045.000.000	92.226.000.000	880.000.000									
50	Sở Quy hoạch kiến trúc Hà Nội	77.055.000.000	22.709.000.000				52.630.000.000	26.000.000		1.690.000.000						
51	Viện Quy hoạch xây dựng	50.762.000.000					50.762.000.000									
52	Ban Quản lý đầu tư và xây dựng khu đô thị mới HN	6.715.000.000	5.322.000.000				1.393.000.000									
53	Sở Xây dựng	3.066.278.000.000	179.021.000.000	6.500.000.000	1.254.200.000.000	1.626.468.000.000	89.000.000									
54	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.781.936.000.000	146.908.000.000				1.633.614.000.000	1.414.000.000								
II	Khối hội, đoàn thể	47.486.000.000	34.086.000.000													13.400.000.000

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán đầu năm														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
1	Hội chữ thập đỏ	6.638.000.000	6.638.000.000													
2	Hội liên hiệp văn học nghệ thuật	10.838.000.000	10.838.000.000													
3	Hội Luật gia	928.000.000	928.000.000													
4	Hội người mù	3.269.000.000	3.269.000.000													
5	Hội nhà báo	1.789.000.000	1.789.000.000													
6	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật	1.979.000.000	1.979.000.000													
7	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	5.365.000.000	5.365.000.000													
8	Hội Đông y	3.280.000.000	3.280.000.000													
9	Hội Cựu thanh niên xung phong	1.600.000.000														1.600.000.000
10	Hội Nạn nhân chất độc Da cam	1.050.000.000														1.050.000.000
11	Hội Bảo trợ người TT và trẻ mồ côi	1.200.000.000														1.200.000.000
12	Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật	1.000.000.000														1.000.000.000
13	Hội Người khuyết tật	1.350.000.000														1.350.000.000
14	Hội Khuyến học	800.000.000														800.000.000
15	Ban đại diện Hội người cao tuổi Thành phố Hà Nội	1.400.000.000														1.400.000.000
16	Hỗ trợ các Hội khác	5.000.000.000														5.000.000.000
III	Các đơn vị khác	1.820.300.000.000	62.900.000.000	50.000.000.000		39.600.000.000	11.000.000.000	995.000.000.000		12.000.000.000			3.000.000.000	194.820.000.000	372.550.000.000	79.430.000.000
1	Công an Thành phố													148.333.000.000		
	Trong đó: NSTP hỗ trợ													25.877.000.000		
2	Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy													46.487.000.000		
	Trong đó: NSTP hỗ trợ													22.482.000.000		
3	Bộ Tư lệnh Thủ đô														372.550.000.000	
	Trong đó: NSTP hỗ trợ														74.900.000.000	
4	Câu lạc bộ Thăng Long	1.400.000.000														1.400.000.000
5	Ngân hàng chính sách xã hội Hà Nội	27.230.000.000														27.230.000.000
6	Công ty TNHH nhà nước MTV Nhà xuất bản Hà Nội	12.000.000.000								12.000.000.000						
7	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	1.000.000.000														1.000.000.000
8	Cục Thuế Hà Nội	6.030.000.000														6.030.000.000
9	Tòa án nhân dân Thành phố	5.830.000.000														5.830.000.000
10	Cục Thi hành án dân sự TP	2.720.000.000														2.720.000.000
11	Kho bạc nhà nước HN	3.800.000.000														3.800.000.000

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán đầu năm														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp lĩnh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
12	Viện Kiểm sát nhân dân TP	10.690.000.000													10.690.000.000	
13	Cục Thống kê HN	3.910.000.000													3.910.000.000	
14	Liên đoàn Lao động TP	11.820.000.000													11.820.000.000	
15	Chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động	3.000.000.000										3.000.000.000				
16	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	18.900.000.000	18.900.000.000													
17	Kinh phí đền bù hoa màu đất Văn Tảo	3.800.000.000				3.800.000.000										
18	Thanh toán kinh phí mua BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, ... do Thành phố quản lý	995.000.000.000						995.000.000.000								
19	Chi đào tạo thu hút nhân tài (Quý ưu đãi khuyến khích tài năng)	11.000.000.000					11.000.000.000									
20	Chi thi đua khen thưởng (Quý Khen thưởng)	44.000.000.000	44.000.000.000													
21	Kinh phí thực hiện các dự án quy hoạch (khối QH)	33.800.000.000				33.800.000.000										
22	Vốn ngoài nước	2.000.000.000				2.000.000.000										
23	Trợ giá vận tải hành khách công cộng tuyến xe điện trên cao Cát Linh - Hà Đông	50.000.000.000		50.000.000.000												
24	Các đơn vị ngành dọc khác	5.000.000.000													5.000.000.000	
IV	Những nhiệm vụ đã xác định, UBND Thành phố tổ chức thực hiện theo quy định	772.000.000.000	150.000.000.000			60.000.000.000			70.000.000.000				312.000.000.000		180.000.000.000	
1	Kinh phí tặng quà cho cán bộ hưu trí, mất sức, quà cho các đối tượng chính sách nhân ngày tết và các ngày lễ lớn	282.000.000.000											282.000.000.000			
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ liên kết, hợp tác với tỉnh bạn	100.000.000.000													100.000.000.000	
3	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp; Kinh phí tổ chức các hoạt động phục vụ Đại hội đảng, các sự kiện chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn	150.000.000.000	150.000.000.000													
4	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành (các dự án sử dụng vốn sự nghiệp)	50.000.000.000													50.000.000.000	

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán đầu năm														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
5	Kinh phí thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Nghị quyết 03/2015/NQ-HĐND	60.000.000.000				60.000.000.000										
6	Kinh phí tặng và truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	30.000.000.000											30.000.000.000			
7	Kinh phí thực hiện Đề án số hóa truyền hình, phát sóng truyền hình số mặt đất đến năm 2020 trên địa bàn thành phố	70.000.000.000							70.000.000.000							
8	Kinh phí mua xe ô tô chuyên dùng cho các sở, ngành	30.000.000.000														30.000.000.000
V	Hoàn trả các khoản thu ngân sách	80.000.000.000														80.000.000.000
VI	Chương trình mục tiêu Thành phố	174.000.000.000				84.000.000.000			90.000.000.000							
VII	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	2.420.722.000.000														2.420.722.000.000

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
	Tổng cộng	16.864.015.872.667	1.860.313.391.474	1.058.144.850.000	1.187.258.706.202	4.439.873.763.442	2.300.532.661.253	3.106.525.133.320	367.586.440.748	438.682.368.239	64.803.000.000	457.089.367.378	481.788.313.051	333.664.635.055	427.770.148.163	339.983.094.342
1	Các Sở, ban, ngành	14.537.553.119.694	1.760.243.857.700	1.008.144.850.000	1.187.258.706.202	4.242.788.685.674	2.289.532.661.253	2.156.506.933.970	367.586.440.748	419.392.780.349	64.803.000.000	457.089.367.378	478.788.313.051			105.417.523.369
1	Văn phòng UBND Thành phố	107.627.181.878	80.787.053.151						25.728.882.051							1.111.246.676
2	Văn phòng HĐND Thành phố	48.968.457.270	48.968.457.270													
3	Sở Ngoại vụ Hà Nội	53.459.329.461	52.735.702.014			723.627.447										
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	98.435.659.471	38.240.781.031			8.735.878.440			51.459.000.000							
5	Sở Tư pháp Hà Nội	69.910.176.319	40.601.651.319				985.000.000									28.323.525.000
6	Sở Công thương	234.650.272.996	129.564.585.665			100.798.687.331	1.217.000.000									3.070.000.000
7	Sở Khoa học công nghệ	173.595.459.515	20.601.765.415						152.993.694.100							
8	Sở Tài chính	69.517.488.868	64.909.244.811			4.371.764.057	168.000.000		68.480.000							
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.645.993.129.625	26.061.538.142				1.619.931.591.483									
10	Sở Y tế	2.182.319.797.341	25.559.042.000				18.701.000.000	2.138.059.755.341								
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	640.519.994.906	42.533.827.745		5.000.000.000		122.640.524.578						469.745.642.583			600.000.000
12	Sở Văn hoá Thể thao	751.945.923.680	22.231.419.199			1.511.700.000	248.000.000			270.865.437.103		457.089.367.378				
13	Sở Thông tin và truyền thông	212.756.357.621	33.253.205.548			739.057.150	1.820.000.000		102.744.094.923		57.900.000.000					16.300.000.000
14	Sở Nội vụ	153.538.506.496	95.542.606.496			37.995.900.000	20.000.000.000									
15	Thanh tra Thành phố	29.400.806.000	29.182.441.000						218.365.000							
16	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	9.894.289.000	9.894.289.000													
17	Văn phòng Thành ủy	302.806.616.101	260.809.560.193				5.908.000.000	17.406.453.129	11.907.797.204							6.774.805.575
18	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	30.592.040.668	30.592.040.668													

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
19	Thành đoàn Hà Nội	115.664.032.170	25.985.000.000			2.866.359.000	24.661.294.592			62.151.378.578						
20	Hội liên hiệp phụ nữ	24.097.658.491	23.283.389.511				814.268.980									
21	Hội Nông dân	11.457.205.052	11.457.205.052													
22	Hội cựu chiến binh	10.477.001.441	10.000.469.362				476.532.079									
23	Trường cao đẳng nghệ thuật Hà Nội	24.918.000.000					24.918.000.000									
24	Trường đại học Thủ đô	61.119.887.404					61.119.887.404									
25	Trường đào tạo CB Lê Hồng Phong	72.115.334.704					72.115.334.704									
26	Trường cao đẳng y tế Hà Nội	10.919.000.000					10.919.000.000									
27	Trường cao đẳng cộng đồng Hà Nội	16.520.353.000					16.520.353.000									
28	Trường cao đẳng cộng đồng Hà Tây	13.383.000.000					13.383.000.000									
29	Trường cao đẳng nghề công nghiệp	55.648.000.000					55.648.000.000									
30	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	89.058.930.793				2.339.966.125	343.000.000			86.375.964.668						
31	Trường CĐ điện tử điện lạnh HN	9.157.000.000					9.157.000.000									
32	Trường cao đẳng thương mại du lịch	14.797.995.000					14.797.995.000									
33	Trường cao đẳng công nghệ công nghệ cao	88.407.000.000					88.407.000.000									
34	Trường cao đẳng sư phạm Hà Tây	56.522.645.896					56.522.645.896									
35	Trường cao đẳng y tế Hà Đông	15.607.725.500					14.567.000.000	1.040.725.500								
36	Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	12.000.000.000					12.000.000.000									
37	Trường cao đẳng công nghệ và môi trường	13.763.000.000					13.763.000.000									

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
38	TT giáo dục lao động hướng nghiệp thanh niên	9.042.670.468										*	9.042.670.468			
39	Ban Dân tộc Thành phố Hà nội	13.059.344.611	13.059.344.611													
40	Đài phát thanh truyền hình Hà nội															
41	Viện nghiên cứu phát triển KT-XH Thành phố	22.129.361.007					1.353.233.537		20.776.127.470							
42	Bảo Kinh tế và Đô thị	6.903.000.000									6.903.000.000					
43	Sở Du lịch	68.569.782.673	21.169.782.673			400.000.000										47.000.000.000
44	Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch	80.338.643.560				80.338.643.560										
45	Sở Giao thông vận tải	1.894.164.000.000	153.954.000.000	1.000.000.000.000		736.152.000.000	4.058.000.000									
46	Ban quản lý các KCN và CX	24.068.065.000	21.729.608.000			2.338.457.000										
47	Quỹ Phát triển đất Thành phố (nay là Quỹ ĐTPT TP)	1.530.000.000				1.530.000.000										
48	Ban chỉ đạo GPMB TP	6.022.875.452	5.962.875.452				60.000.000									
49	Sở Tài nguyên và Môi trường	370.655.213.269	46.138.920.169		229.635.000.000	94.001.293.100	880.000.000									
50	Sở Quy hoạch kiến trúc Hà Nội	72.953.494.680	23.611.304.000			47.626.190.680	26.000.000		1.690.000.000			*				
51	Viện Quy hoạch xây dựng	67.899.605.459				67.899.605.459										
52	Ban Quản lý đầu tư và xây dựng khu đô thị mới HN	8.848.377.412	5.262.305.912			3.586.071.500										
53	Sở Xây dựng	2.496.598.519.670	199.095.012.291	8.144.850.000	952.623.706.202	1.334.408.005.059	89.000.000									2.237.946.118
54	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.863.204.909.766	147.465.430.000			1.714.425.479.766	1.314.000.000									
II	Khối hội, đoàn thể	50.814.533.774	37.169.533.774													13.645.000.000
1	Hội chữ thập đỏ	6.638.000.000	6.638.000.000													
2	Hội liên hiệp văn học nghệ thuật	13.284.456.908	13.284.456.908													
3	Hội Luật gia	1.158.360.000	1.158.360.000													

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
4	Hội người mù	3.335.470.000	3.335.470.000													
5	Hội nhà báo	2.004.644.280	2.004.644.280													
6	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật	2.029.000.000	2.029.000.000													
7	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	5.383.729.586	5.383.729.586													
8	Hội Đông y	3.335.873.000	3.335.873.000													
9	Hội Cựu thanh niên xung phong	1.845.000.000														1.845.000.000
10	Hội Nạn nhân chất độc Da cam	1.050.000.000														1.050.000.000
11	Hội Bảo trợ người TT và trẻ mồ côi	1.200.000.000														1.200.000.000
12	Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật	1.000.000.000														1.000.000.000
13	Hội Người khuyết tật	1.350.000.000														1.350.000.000
14	Hội Khuyến học	800.000.000														800.000.000
15	Ban đại diện Hội người cao tuổi Thành phố Hà Nội	1.400.000.000														1.400.000.000
16	Hỗ trợ các Hội khác	5.000.000.000														5.000.000.000
III	Các đơn vị khác	2.145.648.219.199	62.900.000.000	50.000.000.000		197.085.077.768	11.000.000.000	950.018.199.350		19.289.587.890			3.000.000.000	333.664.635.055	427.770.148.163	90.920.570.973
1	Công an Thành phố	250.957.502.787												250.957.502.787		
	Trong đó: NSTP hỗ trợ	38.743.882.787												38.743.882.787		
2	Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy	82.707.132.268												82.707.132.268		
	Trong đó: NSTP hỗ trợ	53.367.466.049												53.367.466.049		
3	Bộ Tư lệnh Thủ đô	427.770.148.163													427.770.148.163	
	Trong đó: NSTP hỗ trợ	74.900.000.000													74.900.000.000	
4	Cầu lạc bộ Thăng Long	1.400.000.000														1.400.000.000
5	Ngân hàng chính sách xã hội Hà Nội	27.230.000.000														27.230.000.000
6	Công ty TNHH nhà nước MTV Nhà xuất bản Hà Nội	19.289.587.890								19.289.587.890						
7	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	1.000.000.000														1.000.000.000
8	Cục Thuế Hà Nội	11.180.000.000														11.180.000.000
9	Tòa án nhân dân Thành phố	5.962.910.000														5.962.910.000
10	Cục Thi hành án dân sự TP	3.782.704.418														3.782.704.418
11	Kho bạc nhà nước HN	4.641.812.994														4.641.812.994
12	Viện Kiểm sát nhân dân TP	10.690.000.000														10.690.000.000
13	Cục Thống kê HN	5.450.000.000														5.450.000.000
14	Liên đoàn Lao động TP	14.583.143.561														14.583.143.561

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
15	Chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động	3.000.000.000										3.000.000.000				
16	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	18.900.000.000	18.900.000.000													
17	Kinh phí đền bù hoa màu đất Văn Tảo	3.800.000.000			3.800.000.000											
18	Thanh toán kinh phí mua BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cần nghèo, ... do Thành phố quản lý	915.000.000.000					915.000.000.000									
19	Chi đào tạo thu hút nhân tài (Quỹ ưu đãi khuyến khích tài năng)	11.000.000.000				11.000.000.000										
20	Chi thi đua khen thưởng (Quỹ Khen thưởng)	44.000.000.000	44.000.000.000													
21	Kinh phí thực hiện các dự án quy hoạch (khối QH)	184.572.295.000			184.572.295.000											
22	Vốn ngoài nước	43.730.982.118			8.712.782.768		35.018.199.350									
23	Trợ giá vận tải hành khách công cộng tuyến xe điện trên cao Cát Linh - Hà Đông	50.000.000.000		50.000.000.000												
24	Các đơn vị ngành dọc khác	5.000.000.000													5.000.000.000	
IV	Những nhiệm vụ đã xác định, UBND Thành phố tổ chức thực hiện theo quy định	130.000.000.000													130.000.000.000	
I	Kinh phí tặng quà cho cán bộ hưu trí, mất sức, quà cho các đối tượng chính sách nhân ngày tết và các ngày lễ lớn															
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ liên kết, hợp tác với tỉnh bạn	100.000.000.000													100.000.000.000	
3	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp; Kinh phí tổ chức các hoạt động phục vụ Đại hội đảng, các sự kiện chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn															
4	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành (các dự án sử dụng vốn sự nghiệp)															
5	Kinh phí thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Nghị quyết 03/2015/NQ-HĐND															

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
6	Kinh phí tặng và truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"															
7	Kinh phí thực hiện Đề án số hóa truyền hình, phát sóng truyền hình số mặt đất đến năm 2020 trên địa bàn thành phố															
8	Kinh phí mua xe ô tô chuyên dùng cho các sở, ngành	30.000.000.000														30.000.000.000
V	Hoàn trả các khoản thu ngân sách															
VI	Chương trình mục tiêu Thành phố															
VII	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương															

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Quyết toán năm														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
	Tổng cộng	14.489.351.242.778	1.598.080.445.783	1.006.841.760.000	1.026.536.860.369	3.422.481.571.081	2.167.461.112.106	2.864.305.878.258	175.405.258.945	396.121.707.504	62.483.635.894	437.783.189.862	434.304.690.559	289.602.496.264	396.980.148.163	210.962.487.990
I	Các Sở, ban, ngành	12.675.669.487.852	1.519.832.798.691	1.006.841.760.000	1.026.536.860.369	3.266.323.048.313	2.156.461.112.106	2.104.370.912.575	175.405.258.945	391.452.219.038	62.483.635.894	437.783.189.862	434.304.690.559			93.874.001.500
1	Văn phòng UBND Thành phố	73.115.577.211	58.102.387.917						13.903.573.818							1.109.615.476
2	Văn phòng HĐND Thành phố	33.372.540.602	33.372.540.602													
3	Sở Ngoại vụ Hà Nội	38.311.440.949	37.608.564.353			702.876.596										
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	43.227.168.726	32.074.935.148			8.318.546.378			2.833.687.200							
5	Sở Tư pháp Hà Nội	66.634.835.745	38.942.657.214				920.954.000									26.771.224.531
6	Sở Công thương	211.102.073.067	120.139.761.245			87.664.366.567	508.500.000									2.789.445.255
7	Sở Khoa học công nghệ	71.827.114.860	17.620.327.833						54.206.787.027							
8	Sở Tài chính	53.185.163.790	49.958.964.333			3.157.719.457			68.480.000							
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.615.352.430.641	25.567.786.688				1.589.784.643.953									
10	Sở Y tế	2.128.022.646.256	24.139.251.799				16.743.963.223	2.087.139.431.234								
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	581.651.011.305	33.348.983.505		4.868.955.404		115.967.767.114						427.465.305.282			
12	Sở Văn hoá Thể thao	706.643.353.993	19.958.897.609			425.100.000	247.950.000			248.228.216.522		437.783.189.862				
13	Sở Thông tin và truyền thông	182.841.330.445	24.761.710.431			366.508.208	1.554.778.742		82.523.386.064		57.366.712.000					16.268.235.000
14	Sở Nội vụ	104.146.548.674	82.856.274.324			14.725.820.000	6.564.454.350									
15	Thanh tra Thành phố	29.366.296.000	29.182.441.000						183.855.000							
16	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	9.834.257.669	9.834.257.669													
17	Văn phòng Thành ủy	216.257.463.229	185.237.596.210				5.908.000.000	16.431.093.641	1.965.230.415							6.715.542.963
18	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	30.409.104.008	30.409.104.008													

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Quyết toán năm														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
19	Thành đoàn Hà Nội	109.917.281.359	24.354.444.838			2.858.659.621	22.777.544.918			59.926.631.982						
20	Hội liên hiệp phụ nữ	23.328.872.020	22.515.173.040				813.698.980									
21	Hội Nông dân	11.424.964.797	11.424.964.797													
22	Hội cựu chiến binh	10.047.176.131	9.570.644.052				476.532.079									
23	Trường cao đẳng nghệ thuật Hà Nội	23.274.895.510					23.274.895.510									
24	Trường đại học Thủ đô	54.386.058.881					54.386.058.881									
25	Trường đào tạo CB Lê Hồng Phong	60.898.818.674					60.898.818.674									
26	Trường cao đẳng y tế Hà Nội	10.918.900.000					10.918.900.000									
27	Trường cao đẳng cộng đồng Hà Nội	16.165.523.355					16.165.523.355									
28	Trường cao đẳng cộng đồng Hà Tây	12.435.211.506					12.435.211.506									
29	Trường cao đẳng nghề công nghiệp	26.633.450.000					26.633.450.000									
30	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	84.420.483.534				886.251.000	236.862.000			83.297.370.534						
31	Trường CD điện tử điện lạnh HN	9.157.000.000					9.157.000.000									
32	Trường cao đẳng thương mại du lịch	14.534.977.469					14.534.977.469									
33	Trường cao đẳng công nghệ công nghệ cao	67.410.376.000					67.410.376.000									
34	Trường cao đẳng sư phạm Hà Tây	52.133.542.130					52.133.542.130									
35	Trường cao đẳng y tế Hà Đông	14.174.727.800					13.374.340.100	800.387.700								
36	Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	11.866.206.282					11.866.206.282									
37	Trường cao đẳng công nghệ và môi trường	13.743.165.000					13.743.165.000									

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Quyết toán năm														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
38	TT giáo dục lao động hướng nghiệp thanh niên	6.839.385.277											6.839.385.277			
39	Ban Dân tộc Thành phố Hà nội	12.378.549.321	12.378.549.321													
40	Đài phát thanh truyền hình Hà nội															
41	Viện nghiên cứu phát triển KT-XH Thành phố	19.284.984.602						906.588.991		18.378.395.611						
42	Báo Kinh tế và Đô thị	5.116.923.894										5.116.923.894				
43	Sở Du lịch	50.732.855.773	10.512.917.498													40.219.938.275
44	Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch	59.696.499.666				59.696.499.666										
45	Sở Giao thông vận tải	1.790.461.358.611	146.778.319.075	1.000.000.000.000		639.717.810.536	3.965.229.000									
46	Ban quản lý các KCN và CX	23.806.183.027	21.467.726.027			2.338.457.000										
47	Quỹ Phát triển đất Thành phố (nay là Quỹ DTPT TP)	1.359.020.803				1.359.020.803										
48	Ban chỉ đạo GPMB TP	4.845.837.790	4.785.837.790					60.000.000								
49	Sở Tài nguyên và Môi trường	315.701.261.220	42.249.378.945		202.220.039.209	70.378.222.066	853.621.000									
50	Sở Quy hoạch kiến trúc Hà Nội	54.735.786.552	22.014.380.355			31.379.542.387				1.341.863.810						
51	Viện Quy hoạch xây dựng	41.645.698.812				41.645.698.812										
52	Ban Quản lý đầu tư và xây dựng khu đô thị mới HN	6.281.136.638	5.065.042.138			1.216.094.500										
53	Sở Xây dựng	2.169.574.973.077	188.804.085.381	6.841.760.000	819.447.865.756	1.154.441.261.940	40.000.000									
54	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.291.037.045.171	144.794.893.546			1.145.044.592.776	1.197.558.849									
II	Khối hội, đoàn thể	43.863.647.092	34.247.647.092													9.616.000.000
1	Hội chữ thập đỏ	6.580.245.174	6.580.245.174													
2	Hội liên hiệp văn học nghệ thuật	11.340.932.211	11.340.932.211													
3	Hội Luật gia	1.094.081.673	1.094.081.673													

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Quyết toán năm														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
4	Hội người mù	3.317.211.829	3.317.211.829													
5	Hội nhà báo	1.660.759.995	1.660.759.995													
6	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật	1.690.581.280	1.690.581.280													
7	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	5.227.961.930	5.227.961.930													
8	Hội Đồng ý	3.335.873.000	3.335.873.000													
9	Hội Cựu thanh niên xung phong	1.845.000.000														1.845.000.000
10	Hội Nạn nhân chất độc Da cam	1.050.000.000														1.050.000.000
11	Hội Bảo trợ người TT và trẻ mồ côi	1.000.000.000														1.000.000.000
12	Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật	800.000.000														800.000.000
13	Hội Người khuyết tật	1.350.000.000														1.350.000.000
14	Hội Khuyến học	800.000.000														800.000.000
15	Ban đại diện Hội người cao tuổi Thành phố Hà Nội	1.200.000.000														1.200.000.000
16	Hỗ trợ các Hội khác	1.571.000.000														1.571.000.000
III	Các đơn vị khác	1.743.818.107.834	44.000.000.000			156.158.522.768	11.000.000.000	759.934.965.683		4.669.488.466				289.602.496.264	396.980.148.163	81.472.486.490
1	Công an Thành phố	234.164.582.287												234.164.582.287		
	Trong đó: NSTP hỗ trợ	35.766.272.080												35.766.272.080		
2	Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy	55.437.913.977												55.437.913.977		
	Trong đó: NSTP hỗ trợ	39.071.673.177												39.071.673.177		
3	Bộ Tư lệnh Thủ đô	396.980.148.163													396.980.148.163	
	Trong đó: NSTP hỗ trợ															
4	Cầu lạc bộ Thăng Long	1.300.000.000														1.300.000.000
5	Ngân hàng chính sách xã hội Hà Nội	21.450.380.000														21.450.380.000
6	Công ty TNHH nhà nước MTV Nhà xuất bản Hà Nội	4.669.488.466								4.669.488.466						
7	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	1.000.000.000														1.000.000.000
8	Cục Thuế Hà Nội	11.164.987.000														11.164.987.000
9	Tòa án nhân dân Thành phố	5.542.910.000														5.542.910.000
10	Cục Thi hành án dân sự TP	3.501.101.929														3.501.101.929
11	Kho bạc nhà nước HN	4.611.462.000														4.611.462.000
12	Viện Kiểm sát nhân dân TP	10.690.000.000														10.690.000.000
13	Cục Thống kê HN	5.450.000.000														5.450.000.000
14	Liên đoàn Lao động TP	13.061.645.561														13.061.645.561

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Quyết toán năm														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
15	Chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động															
16	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật															
17	Kinh phí đền bù hoa màu đất Văn Tảo															
18	Thanh toán kinh phí mua BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, ... do Thành phố quản lý	724.916.766.333						724.916.766.333								
19	Chi đào tạo thu hút nhân tài (Quỹ ưu đãi khuyến khích tài năng)	11.000.000.000					11.000.000.000									
20	Chi thi đua khen thưởng (Quỹ Khen thưởng)	44.000.000.000	44.000.000.000													
21	Kinh phí thực hiện các dự án quy hoạch (khối QH)	147.445.740.000				147.445.740.000										
22	Vốn ngoài nước	43.730.982.118				8.712.782.768		35.018.199.350								
23	Trợ giá vận tải hành khách công cộng tuyến xe điện trên cao Cát Linh - Hà Đông															
24	Các đơn vị ngành dọc khác	3.700.000.000														3.700.000.000
IV	Những nhiệm vụ đã xác định, UBND Thành phố tổ chức thực hiện theo quy định	26.000.000.000														26.000.000.000
1	Kinh phí tặng quà cho cán bộ hưu trí, mất sức, quà cho các đối tượng chính sách nhân ngày tết và các ngày lễ lớn															
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ liên kết, hợp tác với tỉnh bạn	26.000.000.000														26.000.000.000
3	Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp; Kinh phí tổ chức các hoạt động phục vụ Đại hội đảng, các sự kiện chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn															
4	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành (các dự án sử dụng vốn sự nghiệp)															
5	Kinh phí thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Nghị quyết 03/2015/NQ-HĐND															

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Quyết toán năm														
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
			Chi quản lý hành chính	Chi trợ giá	Chi SN môi trường	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Chi sự nghiệp văn hoá	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	Chi an ninh	Chi quốc phòng	Chi sự nghiệp khác
6	Kinh phí tặng và truy tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"															
7	Kinh phí thực hiện Đề án số hóa truyền hình, phát sóng truyền hình số mặt đất đến năm 2020 trên địa bàn thành phố															
8	Kinh phí mua xe ô tô chuyên dùng cho các sở, ngành															
V	Hoàn trả các khoản thu ngân sách															
VI	Chương trình mục tiêu Thành phố															
VII	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương															

**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH
THUỘC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2016**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số quyết toán	Ghi chú
1	Quyết toán các dự án nguồn XDCB tập trung và chương trình mục tiêu giải ngân qua kho bạc	8.733.537.563.298	Phụ lục 9.1
2	Quyết toán các dự án nguồn XSKT giải ngân qua kho bạc	172.994.182.700	Phụ lục 9.2
3	Quyết toán các dự án XDCB vốn ngân sách giải ngân qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (cũ)	822.005.538.287	Phụ lục 9.3
4	Quyết toán các dự án XDCB vốn ngân sách giải ngân qua Quỹ Phát triển đất Thành phố (cũ)	2.041.728.986.064	Phụ lục 9.4
5	Tổng hợp chi đầu tư XDCB bằng Lệnh chi tiền	476.970.438.465	Phụ lục 9.5
6	Tổng hợp chi đầu tư XDCB nguồn vốn ODA	3.161.449.710.900	Phụ lục 9.6
	Tổng số	15.408.686.419.714	

**QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG
VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIẢI NGÂN QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC HÀ NỘI**

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng	14.051.009.608.718	4.761.898.661.530	9.289.110.947.188	8.733.537.563.298
1	Dự án Năng lượng nông thôn 2 Hà Nội (giai đoạn II)	3.763.048.545	178.953.217	3.584.095.328	3.763.048.541
2	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II. Phần GPMB: Quận Hai Bà Trưng (sông Sét trên địa bàn phường Đồng Tâm)	7.333.832.450	7.333.832.450		5.755.467.590
3	Mở rộng, nâng cấp đường Thanh Nhân (đoạn từ đường Bạch Mai đến Kim Ngưu)	12.549.470.990	12.549.470.990		3.822.866.310
4	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II. Phần GPMB: Quận Đống Đa (đoạn thượng lưu sông Lừ trên địa bàn phường Nam Đồng, Trung Tự, Khương Thượng, Kim Liên và Phương Mai)	47.545.938.937	47.545.938.937		3.639.183.647
5	Đường qua Chùa Láng	973.303.806	973.303.806		648.598.000
6	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II. Phần GPMB: Quận Cầu Giấy (đường bờ phải sông Tô Lịch trên địa bàn các phường Yên Hòa, Nghĩa Đô)	1.659.786.908	1.659.786.908		758.549.410
7	Xây dựng đường Tô Hiệu kéo dài, quận Cầu Giấy	91.283.000	91.283.000		412.000
8	GPMB đường 32	249.338.117	249.338.117		249.338.117
9	Đường đê Bưởi - Ngọc Khánh - Nghĩa Đô	501.900.000	501.900.000		434.149.000
10	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II. Phần GPMB: Quận Thanh Xuân (đường bờ phải sông Tô Lịch trên địa bàn các phường Khương Trung, Khương Đình, Thượng Đình, Nhân Chính, Hạ Đình và đường ven sông Lừ trên địa bàn các phường Phương Liệt	11.689.677.744	11.689.677.744		7.243.883.302
11	Trung học cơ sở Nam Thanh Xuân	2.923.000	2.923.000		2.923.000
12	Hạ tầng kỹ thuật xung quanh Hồ Tây	28.024.195.000	8.024.195.000	20.000.000.000	26.362.169.473

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
13	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II. Phần GPMB: Quận Tây Hồ (Mương Thụy Khuê trên địa bàn phường Thụy Khuê và phường Bưởi)	2.411.667.439	2.411.667.439		1.558.663.647
14	Xây dựng tuyến đường từ Ngọc Thụy đi khu đô thị mới Thạch Bàn (đoạn từ đường Thạch Bàn đến khu Đô thị mới Thạch Bàn) quận Long Biên	23.491.380.000	491.380.000	23.000.000.000	23.491.380.000
15	Xây dựng đường trên tuyến đề tả Hồng, hữu Đuống đoạn từ cầu Chương Dương đến đường 5 kéo dài	88.742.069.675	342.069.675	88.400.000.000	88.740.172.758
16	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Nguyễn Văn Cừ với đề Tả Ngạn Sông Hồng (đoạn 2, đường 40m)	154.342.000.000		154.342.000.000	154.342.000.000
17	GPMB và san nền sơ bộ khu đất để đấu giá QSD đất tại phường Thạch Bàn quận Long Biên (DA1)	19.000.000	19.000.000	.	19.000.000
18	XD HTKT khu đất để đấu giá QSD đất tại phường Thạch Bàn, quận Long Biên (DA2)	23.000.000	23.000.000		23.000.000
19	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Cầu Chui-Cầu Đuống (phố Ngô Gia Tự)	5.852.346.389	5.852.346.389		3.578.405.389
20	XD tuyến đường từ Ngọc Thụy đi ĐTM Thạch Bàn (đoạn từ đề tả ngạn sông Hồng đến nút giao với đường lên cầu Vĩnh Tuy)	508.851.780	508.851.780		240.253.780
21	Cải tạo hệ thống thoát nước trên địa bàn các phường Ngọc Lâm, Gia Thụy, Bồ Đề- quận Long Biên- Hà Nội	128.154.535	128.154.535		128.154.535
22	Xây dựng tuyến đường từ đường Ngô Gia Tự đến đề Sông Đuống phường Thượng Thanh, quận Long Biên	26.499.999	26.499.999		26.499.999
23	Chỉnh trang tuyến đường Nguyễn Sơn, quận Long Biên	711.829.533	711.829.533		711.829.533
24	Chỉnh trang tuyến đường Ngọc Lâm, quận Long Biên	4.368.933.911	3.041.884.422	1.327.049.489	3.259.874.018
25	Tuyến đường 1/2 cầu Đền Lũ và đoạn đường phía Bắc khu CN Vĩnh	23.000.000.000		23.000.000.000	17.869.972.700
26	Xây dựng tuyến đường nối tiếp từ khu Đền Lũ II đến đường Trương Định - Giáp Bát	36.891.724.878	36.891.724.878		10.740.609.740
27	Chuẩn bị mặt bằng, san nền và xây dựng HTKT khu trung tâm hành chính quận Hoàng Mai	1.593.071.000	1.593.071.000		1.593.071.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
28	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II. Phần GPMB: Quận Hoàng Mai (đường ven sông Sét trên địa bàn các phường Tân Mai, Thịnh Liệt, Tương Mai và Giáp Bát)	40.191.524.077	40.191.524.077		31.769.085.650
29	Đường Ngô Quyền (GD1)	1.795.297.000	1.795.297.000		59.000.000
30	Xây dựng chợ Hà Đông	45.000.000	45.000.000		45.000.000
31	Dự án hạ tầng xã hội khu dân cư 2 khối văn Quán- Mỗ Lao; hạng mục: Trùng tu các công trình di tích, lịch sử nhà hội trường các tổ .	8.000.000.000		8.000.000.000	8.000.000.000
32	GPMB và san nền sơ bộ khu đất 49,1 ha tại Khu đô thị mới Xuân Phương, huyện Từ Liêm để đấu giá QSD đất (DA 1)	5.760.956.000	5.760.956.000		682.175.000
33	Xây dựng tuyến đường vào Khu công nghiệp Nam Thăng Long (nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài)	30.133.146.446	30.133.146.446		4.868.648.242
34	Xây dựng tuyến đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long đi vành đai 4, Quận Bắc Từ Liêm	27.404.614.846	27.404.614.846		9.563.772.846
35	GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ xây dựng tuyến đường số 5 vào trung tâm Khu ĐTM Tây Hồ Tây	200.879.000	200.879.000		57.879.000
36	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá tại xã Nguyên Khê (DA2)	146.700.000	146.700.000		146.700.000
37	XD hạ tầng kỹ thuật khu đất XD nhà ở để đấu giá QSD đất tại khu TT thương mại Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh	19.108.000	19.108.000		19.108.000
38	XD vùng SX rau an toàn huyện Đông Anh	100.000.000	100.000.000		100.000.000
39	GPMB và san nền sơ bộ khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất Bắc đường 23B huyện Đông Anh	531.863.488	531.863.488		531.863.488
40	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất Bắc đường 23B huyện Đông Anh	927.221.000	927.221.000		927.221.000
41	Đường Bệnh viện Đông Anh - Đền Sái	71.603.000	71.603.000		71.603.000
42	Xây dựng tuyến đường chính hướng Đông tây thuộc cụm công nghiệp vừa và nhỏ huyện Sóc Sơn	15.000.000.000		15.000.000.000	109.997.000
43	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Vĩnh Quỳnh - Ngọc Hồi - Đại Áng	13.558.787.600	12.573.950.600	984.837.000	13.558.787.600
44	Xây dựng đường nối Pháp Vân tới khu đất đấu giá Tứ Hiệp, Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì	21.071.687.000	1.071.687.000	20.000.000.000	20.896.141.000
45	Gia cố bờ tả sông Nhuệ huyện Thanh Trì	564.134.000	564.134.000		564.134.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
46	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II. Phần GPMB: Huyện Thanh Trì (đường bờ trái sông Tô Lịch trên địa bàn xã Thanh Liệt)	8.768.781.900	8.768.781.900		5.484.594.900
47	Xây dựng tuyến đường nối đường 70 chạy dọc nương Hoà Bình	16.800.968.000	6.800.968.000	10.000.000.000	10.796.544.000
48	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy, xã Xuy Xá, Mỹ Đức	375.827.000		375.827.000	375.827.000
49	Kè chống sạt lở kết hợp làm đường giao thông bờ hữu sông Đáy từ hạ lưu cầu Tế Tiêu đến bệnh viện huyện Mỹ Đức	16.144.000.000	3.144.000.000	13.000.000.000	12.900.000.000
50	Cải tạo, nâng cấp mặt và chân đê xung yếu sông Nhuệ đoạn thuộc xã Khánh Hà, Huyện Thường Tín	213.205.000	213.205.000		213.205.000
51	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 421 (ĐT 81 cũ) đoạn Thạch Thán đến Xuân Mai(Km5+196- KM17)	33.087.150.000	3.087.150.000	30.000.000.000	30.688.840.300
52	Dự án đầu tư xây dựng đường trục chính Bắc - Nam, đô thị Quốc Oai	59.000.000.000	9.000.000.000	50.000.000.000	37.632.865.651
53	Đường Chúc Sơn - Lam Điền	606.679.900		606.679.900	586.679.900
54	Chỉnh trang chiếu sáng từ quốc lộ 6A đoạn từ Chúc Sơn đi Xuân Mai, huyện Chương Mỹ	193.762.000	193.762.000		193.762.000
55	Củng cố cơ đê bao Liên Trung, huyện Đan Phượng	10.317.225.912	317.225.912	10.000.000.000	10.000.000.000
56	Đường nối với đường Hoàng Quốc Việt kéo dài đoạn qua địa phận xã Tân Lập, huyện Đan Phượng	10.000.000.000		10.000.000.000	1.713.677.000
57	Củng cố mặt đê kết hợp làm đường giao thông cơ đê tả Đáy, huyện Hoài Đức	1.000.000.000		1.000.000.000	350.000.000
58	Đường tỉnh 419 đoạn qua thị trấn Liên quan, huyện Thạch Thất (K4+842-K5+587 và đoạn K6+874- K7+730)	237.021.930	237.021.930		180.840.000
59	Trạm y tế xã Bình Phú	132.996.889		132.996.889	132.996.889
60	Đầu tư xây dựng Đường từ Khu Trung tâm hành chính huyện Mê Linh đi thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh	20.787.387.000	3.787.387.000	17.000.000.000	8.329.956.101
61	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Mê Linh	8.700.000	8.700.000		8.700.000
62	Nâng cấp hồ chứa nước Linh Khiêu	29.100.000		29.100.000	29.100.000
63	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Xém	32.531.596.000	4.531.596.000	28.000.000.000	28.195.756.000
64	Trạm bơm tưới Cao Bộ	34.668.000		34.668.000	34.668.000
65	Cải tạo, nâng cấp đường bộ 5m và hệ thống tiêu thoát nước dọc hai bên đê to đũa bàn phường Yên Phụ đôn phường Phú Thượng	127.500.000	127.500.000		127.500.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
66	Củng hóa mặt đê kết hợp giao thông tuyến tả, hữu sông Cà Lồ	3.518.978.500	3.518.978.500		3.269.692.000
67	Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	238.302.288.742	98.302.288.742	140.000.000.000	182.229.491.222
68	Cải tạo thoát nước sông Pheo, huyện Từ Liêm	3.600.000.000	100.000.000	3.500.000.000	3.270.623.000
69	Đập điều tiết Hà đông	32.705.000	32.705.000		180.000
70	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu dịch vụ chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ	49.750.000.000	1.750.000.000	48.000.000.000	49.420.864.699
71	XD Trung tâm công nghệ sinh học và công nghệ thực phẩm	1.500.000.000		1.500.000.000	1.180.386.000
72	XD trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên Hà Nội	149.363.818.000	19.363.818.000	130.000.000.000	97.281.779.000
73	Xây dựng, cải tạo hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Kim Liên	15.000.000.000		15.000.000.000	7.001.861.009
74	Thi điểm hạ ngầm các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin tại pho Trang Tiên - Hàng Khay - Trang Thi - Điện Biên Phủ	540.000.000	540.000.000		540.000.000
75	Thi điểm hạ ngầm hệ thống các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin tại pho Vạn Cao - Liễu Giai - Nguyễn Chí Thanh - Trần Duy Hưng	67.000.000	67.000.000		67.000.000
76	Thi điểm hạ ngầm hệ thống các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin tại pho Kim Mã - Nguyễn Thái Học	54.000.000	54.000.000		54.000.000
77	Thi điểm hạ ngầm hệ thống các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin tại pho Hai Bà Trưng	1.483.439.000	1.483.439.000		1.439.439.000
78	Thi điểm hạ ngầm hệ thống các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin tại khu vực xung quanh hồ Hoàn Kiếm (pho Đinh Tiên Hoàng - Lê Thái Tổ)	2.246.228.000	2.246.228.000		2.226.228.000
79	Xây dựng hệ thống cấp nước cho 03 xã: Bắc Sơn, Nam Sơn, Hồng Kỳ phục vụ Khu chôn lấp rác thải Nam Sơn	12.200.000.000	200.000.000	12.000.000.000	10.001.734.000
80	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu Công viên hồ Ba Mẫu	1.757.400.000	1.757.400.000		1.737.000.000
81	Dự án cải tạo, XD HTCN KV kho khan Cầu Giấy	539.115.369		539.115.369	539.115.369
82	Trường Phổ thông năng khiếu TDTT Hà Nội	194.872.000	194.872.000		194.872.000
83	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II	263.662.061.172	163.662.061.172	100.000.000.000	202.165.655.636
84	Rạp Đại Nam	756.426.500	756.426.500		756.426.500
85	Thi điểm hạ ngầm hệ thống các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin tại phố Kim Mã - Nguyễn Thái Học	1.223.729.000	1.223.729.000		1.223.729.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
86	Hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi tuyến Văn Cao - Liễu Giai - Nguyễn Chí Thanh - Trần Duy Hưng (trên địa bàn Ba Đình, Cầu Giấy,	5.828.579.000	5.828.579.000	.	5.828.579.000
87	Chỉnh trang đồng bộ hệ đường kết hợp hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi tuyến Giảng Võ - Láng Hạ (phần hạ ngầm các đường dây cáp thông tin viễn thông giao cho TCT Viettel thực hiện)	50.894.520		50.894.520	50.894.520
88	Đường Thanh Nhân - Minh Khai (Võ Thị Sáu kéo dài)	30.000.000	30.000.000		30.000.000
89	Xây dựng đường Trần Phú - Kim Mã	12.267.836.600	267.836.600	12.000.000.000	4.951.741.860
90	Cải tạo, nâng cấp đoạn còn lại của tuyến đường 23B trên địa bàn huyện Mê Linh (từ nghĩa trang Thanh Tróc đến hết địa phận huyện Mê Linh)	1.180.000.000	1.180.000.000		276.463.000
91	Xây dựng mới cầu Ngà trên đường 70, huyện Từ Liêm	4.200.000.000		4.200.000.000	4.200.000.000
92	Duong 70 (đoạn Ngoc trưc - Lang Hoa lac-Nhon-Doc ke)	142.000.000	142.000.000		142.000.000
93	Phát triển GTĐT Hà Nội	327.742.675.058	235.242.675.058	92.500.000.000	208.237.987.786
94	Xây dựng đường gom phía đông đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ đoạn qua huyện Thường tín, phủ Xuyên TPHN	1.700.000.000		1.700.000.000	1.672.375.000
95	Đường vào Trung tâm giáo dục Quốc phòng An Ninh - Bộ Tư lệnh Thủ đô	62.292.000	62.292.000		62.292.000
96	Xén, củng cố hoá đê để mở rộng Quốc lộ 32, Km 21+992 đến Km 23+450,	208.987.000		208.987.000	208.987.000
97	Xây dựng trụ sở đội Thanh tra Giao thông Vận tải quận Long Biên, huyện Gia Lâm và kho tạm giữ tang vật vi phạm trực thuộc Sở GTVT Hà Nội	2.487.234.434		2.487.234.434	2.487.231.000
98	Xây dựng cầu, đường giao thông từ Khu đô thị Mỗ Lao nối với đường Lê Văn Lương kéo dài	8.604.000.000	4.000.000	8.600.000.000	8.604.000.000
99	Xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Vân Từ (tuyến phía Tây đường sắt), huyện Phú Xuyên, HN	45.809.614.000	5.809.614.000	40.000.000.000	27.074.214.000
100	Nâng cấp cải tạo tuyến đường Xuân Diệu	99.600.000	99.600.000		3.600.000
101	Cổng hoá và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây	20.000.000.000	6.000.000.000	14.000.000.000	5.035.936.000
102	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 23B - Giai đoạn I (Hà Nội - nghĩa trang Thanh Tróc)	10.773.760.340	6.473.760.340	4.300.000.000	8.449.329.000
103	Mở rộng, nâng cấp đường 35 Sóc Sơn	20.760.563.558	5.560.563.558	15.200.000.000	17.136.896.185

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
104	Đường Cát Linh - La Thành	239.880.000	239.880.000		200.880.000
105	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 5 vào Khu công nghiệp HAPRO	36.422.665.474	5.422.665.474	31.000.000.000	31.769.726.813
106	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	36.860.925.908	28.960.925.908	7.900.000.000	1.981.773.501
107	Đường Lạc Long Quân (từ ngã ba giao với đê Nhật Tân đến nút Bưởi)	2.374.837.086	2.374.837.086		2.374.837.086
108	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn Vạn Bảo đến nút Núi Trúc)	5.280.012.200	2.169.012.200	3.111.000.000	3.110.347.280
109	Xây dựng đường Cát Linh - La Thành - Yên Lãng (đoạn La Thành - Thái Hà - Láng)	11.613.009.417	7.613.009.417	4.000.000.000	4.370.000.000
110	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh	400.000.000		400.000.000	150.000.000
111	Xây dựng cầu Lạc Trung (đường Lạc Trung - Thanh Nhân)	4.613.402.267	4.613.402.267		4.613.402.267
112	Xây dựng tuyến đường thoát nước P. Phúc Xá	12.432.240	12.432.240		12.432.240
113	XD khu tái định cư CT1 và CT5	788.873.900	588.873.900	200.000.000	200.000.000
114	Đường tỉnh 428 B (đường 77 cũ)	1.077.366.150		1.077.366.150	1.077.366.150
115	Đường tỉnh 420 đoạn Km 7,43 - Km 15,23 (đường 84 cũ)	205.290.000	205.290.000		205.290.000
116	Cầu Hòa Viên	6.471.226.700	4.971.226.700	1.500.000.000	6.471.226.700
117	Cầu Ba Thá Km24+010 ĐT429 (ĐT73)	5.000.000.000		5.000.000.000	2.551.921.000
118	Xây dựng đường tỉnh 421B (ĐT 81 cũ) đoạn công trường quân sự đến QL6 (Km15-km17)	734.349.300	734.349.300		140.686.000
119	Xây dựng cầu Am	118.125.320	118.125.320		6.931.600
120	Đường tỉnh 429 (73 cũ) đoạn Km6- Km11+400	562.284.000	562.284.000		562.284.000
121	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 417 (ĐT 83 cũ) Km8+570 - Km22+600, huyện Phúc Thọ	94.616.000	94.616.000		94.576.000
122	XD công trình cầu Trôi Km3+479 trên đường tỉnh 418(ĐT82 cũ)	13.102.350	13.102.350		13.102.350
123	Bến xe trung tâm	3.872.257.000	3.872.257.000		225.180.000
124	Cầu Văn Phương Chương Mỹ	410.493.000	410.493.000		352.000.000
125	Đường tỉnh 418 (đường tỉnh 82) km4+500-km10	9.712.304.000	9.712.304.000		940.075.000
126	Đường 446 (từ Km 0+00 đến Km 15+300)	324.541.200	324.541.200		181.897.800
127	XD công trình đường trục phát triển huyện Phúc Thọ Km 0+00 đến km13+740,61	18.100.000	18.100.000		18.100.000
128	XD công trình đường trục phát triển Thị xã Sơn Tây lý trình km13+740,6 đến km14+704	3.877.325.000	1.675.325.000	2.202.000.000	2.601.362.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
129	Đường trục phát triển Đan Phượng	19.000.000	19.000.000		19.000.000
130	Cầu Phùng Xá	77.171.000	77.171.000		34.533.000
131	Trung tâm đăng kiểm	1.394.553.694	1.394.553.694		722.225.800
132	Cải tạo, chỉnh trang đồng bộ hạ tầng kỹ thuật tuyến phố Tôn Đức Thắng - Nguyễn Lương Bằng - Tây Sơn.	2.475.128.196		2.475.128.196	2.475.128.196
133	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Lê Duẩn - Giải Phang - Bắc Linh Đàm	979.694.500	979.694.500		979.694.500
134	Hạ ngầm các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin hiện đang đi nổi trên tuyến đường Nguyễn Lương Bằng - Tây Sơn	69.000.000	69.000.000		69.000.000
135	Hạ ngầm các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin hiện đang đi nổi trên tuyến đường Tôn Đức Thắng	937.000.000	937.000.000		487.418.000
136	Hạ ngầm các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin hiện đang đi nổi trên tuyến Phạm Văn Đồng (bên xe Nam Thăng Long - Xuân Thủy)	8.769.870.000		8.769.870.000	8.769.870.000
137	Hạ ngầm các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin hiện đang đi nổi trên tuyến đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân	483.195.200	483.195.200		483.195.200
138	Hạ ngầm các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin hiện đang đi nổi trên tuyến phố Lu Thường Kiệt	4.776.265.890		4.776.265.890	4.776.265.890
139	Trường THPT Lê Quý Đôn	841.849.000	841.849.000		841.849.000
140	Trường THPT Yên Viên	22.465.000.000	12.465.000.000	10.000.000.000	22.364.175.000
141	Trường THPT Hai Bà Trưng (Trường THPT Đoàn kết Hai Bà Trưng)	611.808.000		611.808.000	611.808.000
142	Trường THCN đa ngành Sóc Sơn	6.781.633.000	6.781.633.000		6.781.633.000
143	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	311.001.000		311.001.000	311.001.000
144	Trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội	4.266.811.000	4.266.811.000		4.266.811.000
145	Trường THPT Lý Tử Tấn (GD2) Hạng mục nhà tập đa năng, lớp học và bộ môn	601.938.673	38.000.000	563.938.673	546.683.673
146	Trường THPT Lý Tử Tấn	456.243.000	5.665.000	450.578.000	453.945.000
147	Xây dựng công trình Nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn và nhà tập đa năng Trường THPT Thanh Oai B	23.400.000	23.400.000		23.400.000
148	Xây dựng và cải tạo Bệnh viện đa khoa Đức Giang	150.194.417.800	61.194.417.800	89.000.000.000	144.263.874.273
149	Mở rộng và nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II	30.992.800.000	8.992.800.000	22.000.000.000	30.321.992.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
150	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn	22.458.622.300	11.458.622.300	11.000.000.000	22.196.747.900
151	Bệnh viện U bướu Hà Nội	2.347.589.274		2.347.589.274	2.340.428.474
152	Dự án Cải tạo bệnh viện Xanh Pôn và xây dựng Nhà điều trị Nội khoa	67.003.138.000	10.003.138.000	57.000.000.000	64.185.551.000
153	Nâng cấp Bệnh viện huyện Đông Anh	15.483.000.000	483.000.000	15.000.000.000	904.499.000
154	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Văn Đình	1.241.916.000		1.241.916.000	1.234.662.000
155	Xây dựng bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Đức	46.319.093	46.319.093		45.966.000
156	Xây dựng Bệnh viện đa khoa Thanh Oai	1.726.049.000	1.726.049.000		1.726.000.000
157	Xây dựng Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ	508.186.000		508.186.000	440.372.000
158	Xây dựng Bệnh viện đa khoa Ba Vì	290.724.000	290.724.000		290.724.000
159	Xây dựng Bệnh viện đa khoa Phú Xuyên	41.960.500.000	11.960.500.000	30.000.000.000	41.960.500.000
160	Hiện đại hoá trang thiết bị y tế phẫu thuật thần kinh, chấn thương chỉnh hình và chẩn đoán hình ảnh tại Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	1.432.112.000		1.432.112.000	1.432.112.000
161	Nhà tang lễ Cầu Giấy	779.044.600	779.044.600		627.203.385
162	Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc TP Hà Nội	26.660.797.000	260.797.000	26.400.000.000	25.663.391.550
163	Trường Trung cấp nghề Tổng hợp	7.986.823.113		7.986.823.113	7.986.823.113
164	Xây dựng trung tâm phòng chống HIV/AIDS Hà Nội	144.655.200	144.655.200		144.655.200
165	Dự án cải tạo đường từ chợ Sa (Cổ Loa) đi chợ Tó huyện Đông Anh	62.925.000	62.925.000		41.925.000
166	Khu du lịch văn hóa nghỉ ngơi cuối tuần Sóc Sơn	12.611.465.975		12.611.465.975	12.231.936.921
167	Xây dựng tuyến đường lên tượng đài Thánh Dạng (đường hành lễ tượng đài Thánh Dạng và phục vụ du lịch)	812.949.000	812.949.000		812.949.000
168	Đường nối khu du lịch thắng cảnh Hương Sơn (Hà Nội) đến khu du lịch Tam Chúc - Khả Phong (Hà Nam)	251.257.100	251.257.100		103.410.000
169	GPMB khu đất 4245m2 tại khu liên cơ Vân Hồ	130.310.580	130.310.580		65.106.400
170	Trung tâm đào tạo CNTT Hà Nội-giai đoạn 1	875.856.344	875.856.344		875.856.344
171	Đường vào KCN Đài Tư SDA (giai đoạn 1)	5.390.253.011		5.390.253.011	5.390.253.011
172	Cải tạo, nâng cấp Cung Thiếu nhi Hà Nội	45.070.720.000	13.070.720.000	32.000.000.000	42.025.373.000
173	Xây dựng Khu Liên hợp phát triển phụ nữ Hà Nội	4.876.517.617	362.000.000	4.514.517.617	4.458.191.409
174	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào 2 dự án thí điểm xây dựng nhà ở cho công nhân thuê tại xã Kim Chung huyện Đông Anh	3.285.430.981	3.285.430.981		504.000
175	Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội	358.592.198.747	228.592.198.747	130.000.000.000	171.494.578.984

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
176	Đường vành đai 2, đoạn Ngã Tư Sở - Ngã Tư Vọng	661.463.920.441	361.463.920.441	300.000.000.000	428.122.817.777
177	Dự án phát triển hạ tầng GTĐT Hà Nội giai đoạn I - Tăng cường ATGT (hợp phần TP Hà Nội)	58.050.618	58.050.618		58.050.618
178	Dự án XD đường VĐ1, đoạn Ô Chợ Dừa - Hoàng Cầu	9.862.201.240	9.862.201.240		8.160.855.881
179	Dự án XD cải tạo nút giao thông Ô Chợ Dừa	75.900.000	63.900.000	12.000.000	40.782.500
180	Đầu tư xây dựng nút giao thông đường đô thị Bắc Thăng Long Vân Trì với tuyến đường sắt Bắc Hồng - Văn Điển	47.654.469.609	7.654.469.609	40.000.000.000	47.435.997.358
181	XD công trình đảm bảo cho lãnh đạo chỉ đạo điều hành thành phố Hà Nội (PT03)	534.466.856		534.466.856	534.466.856
182	Đường 5 kéo dài (Cầu Chui - Đông Trù - Phương Trạch - Bắc Thăng Long)	163.177.737.252	163.177.737.252		137.887.141.878
183	Xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai bên đầu cầu giai đoạn I	114.274.188.933	114.274.188.933		185.500.000
184	Đường vành đai 1 (đoạn Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái)	204.284.328.959	154.284.328.959	50.000.000.000	176.841.416.964
185	Xây dựng cầu Nhật Tân và tuyến đường hai bên cầu	24.331.616.550	24.331.616.550		5.493.917.839
186	Dự án phát triển hạ tầng GTĐT Hà Nội giai đoạn I- Xây dựng, cải tạo đường trên đê Hữu Hồng	325.353.648		325.353.648	325.353.648
187	XD, cải tạo nút nam cầu Thăng Long	244.238.794		244.238.794	244.238.794
188	Xây dựng, cải tạo nút GT Ngã Tư Vọng	1.367.715.537	1.367.715.537		1.367.715.537
189	Dự án phát triển hạ tầng GTĐT Hà Nội giai đoạn I - Xây dựng HTKT khu TĐC Nam Trung Yên	30.102.878	30.102.878		30.102.878
190	XD, cải tạo nút GT Ngã Tư Sở	2.238.465.326		2.238.465.326	2.238.465.326
191	XD, cải tạo nút giao thông Kim Liên	1.995.082.101		1.995.082.101	1.803.021.699
192	DA xây dựng hạ tầng GTĐT giai đoạn 1	1.738.485.082	1.738.485.082		75.579.517
193	Dự án di dân tái định cư trường bắn Đồng Dơi	47.340.595.040	47.340.595.040		4.958.273.256
194	Tuyến phố Hàng Bài - Phố Huế - Bạch Mai (trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng)	64.200.000	64.200.000		64.200.000
195	Dự án đầu tư xây dựng tuyến phố Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ phố Tô Hiến Thành đến phố Đại Cồ Việt)	55.061.000.000	111.000.000	54.950.000.000	19.464.910.106
196	Xây dựng, mở rộng Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây giai đoạn 1	47.398.268.400	398.268.400	47.000.000.000	15.653.463.700
197	Công hoá mương và xây dựng tuyến đường từ cống Chèm đến Sông Lừ	2.334.707.000	2.334.707.000		2.334.707.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
198	Dự án đầu tư cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh mương thoát nước Thụy Khuê đoạn từ dốc La Pho đến Cổng Đổ	59.772.714.223	5.772.714.223	54.000.000.000	54.266.008.104
199	Xây dựng tuyến đường nối to đường Nguyễn Văn Co qua đường Nguyễn Sơn tới đường Ngọc Thụy đi khu ĐTM Thạch Bàn Quận Long	19.410.788.319	190.596.971	19.220.191.348	19.410.787.319
200	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 5 kéo dài đến cầu Đuống	80.500.000.000		80.500.000.000	80.039.383.840
201	Xây dựng tuyến đường nối từ quốc lộ 1 B vào khu đô thị mới Việt Hưng (bao gồm cả HTKT hai bên đường)	18.000.000.000		18.000.000.000	18.000.000.000
202	GPMB và san nền sơ bộ khu đất để đấu giá QSD đất tại phường Giang Biên, quận Long Biên	1.082.860.200	1.082.860.200		105.000.000
203	Đường trung tâm 44m(đường Tô Hiệu) Hà Đông - TPHN	1.795.011.000	30.186.000	1.764.825.000	1.781.673.000
204	Dự án cấp nước sinh hoạt và PCCC khu đô th~ Mỗ lao	1.187.091.721		1.187.091.721	1.187.091.721
205	Dự án đường công vụ phục vụ thi công	14.214.787	14.214.787		14.214.787
206	Dự án GPMB, san nền giai đoạn 1	1.765.518.394		1.765.518.394	1.765.518.394
207	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến phố Tùng Thiện, Km 2+700,2 đến Km 4+700,2 Quốc lộ 21A, Thị xã Sơn Tây	63.863.942.575	18.863.942.575	45.000.000.000	49.038.438.863
208	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến phố Thanh Vị (tỉnh lộ 414 đoạn qua nội thị, dài 3 Km), thị xã Sơn Tây	25.044.075.207	44.075.207	25.000.000.000	23.745.790.753
209	Đường Dốc Hội - Đại học NN I	13.202.707.969	2.202.707.969	11.000.000.000	10.665.499.049
210	Trường THPT Đông Mỹ, Thanh Trì	38.000.000.000		38.000.000.000	38.000.000.000
211	Dự án cứng hóa mặt bờ kênh làm đường giao thông nội đồng kênh tiêu trạm bơm Bái Xuyên huyện Phú Xuyên	5.000.000.000		5.000.000.000	3.206.913.000
212	Dự án cứng hóa mặt bờ kênh làm đường giao thông nội đồng kênh tiêu trạm bơm Bái Đô huyện Phú Xuyên	6.000.000.000		6.000.000.000	6.000.000.000
213	Cải tạo, nâng cấp và cứng hóa bờ kênh kết hợp giao thông kênh tưới Đồi Trám, kênh tiêu N4B, huyện Mỹ Đức	12.000.000.000		12.000.000.000	12.000.000.000
214	Kè chống sạt lở và cứng hóa mặt bờ kênh Vân Đình, thị trấn Vân Đình, huyện ứng Hòa	25.000.000.000		25.000.000.000	25.000.000.000
215	Dự án nâng cấp, cải tạo đê tả Đáy đoạn xã Đồng Tiến và thị trấn Vân Đình, huyện ứng Hòa	1.000.000.000		1.000.000.000	16.000.000
216	Dự án KCH kênh N1 (kênh A trạm bơm Vân Đình) và cứng hóa kênh kết hợp phát triển giao thông nội đồng huyện ứng Hòa	15.000.000.000		15.000.000.000	5.018.737.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
217	Cải tạo, nâng cấp sông Tô Lịch trên địa bàn huyện Thường Tín	20.687.000	20.687.000		20.687.000
218	Nâng cấp, cải tạo kênh tiêu 71 trạm bơm Gia Khánh, huyện Thường Tín	182.125.018	182.125.018		182.125.018
219	Kiên cố hoa trạm bơm dã chiến tại xi phông 7B xã Cấn Hữu huyện Quốc Oai	63.618.000	63.618.000		63.618.000
220	Trạm bơm tiêu Đông Yên, xã Đông Yên	22.351.748.000	7.351.748.000	15.000.000.000	11.466.077.000
221	Xây dựng tuyến đường gom từ Khu công nghiệp Phú Nghĩa A ra quốc lộ 6	3.872.987.300	1.872.987.300	2.000.000.000	759.941.900
222	Phát triển sản xuất và tiêu thụ rau an toàn xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	3.060.337.000		3.060.337.000	3.042.719.000
223	Đầu tư xây dựng khu tái định cư sân golf hồ Văn Sơn, xã Hoàng Văn Thụ huyện Chương Mỹ	2.250.000.000	2.250.000.000		2.250.000.000
224	Cải tạo, nâng cấp đê Minh Khánh	25.000.000.000		25.000.000.000	23.858.917.400
225	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 qua địa bàn huyện Phúc Thọ	18.000.000.000		18.000.000.000	17.907.739.293
226	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bồi ngăn lũ kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn xã Văn Phúc - Cẩm Đình huyện Phúc Thọ	8.000.000.000		8.000.000.000	8.000.000.000
227	Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421, đoạn qua địa phận huyện Phúc Thọ	40.000.000.000		40.000.000.000	40.000.000.000
228	Cải tạo, nâng cấp đường 419 từ Km0+600 (ngã ba giao với quốc lộ 32) đến Km4+482	30.000.000.000		30.000.000.000	29.658.533.000
229	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 (Km7+730 đến Km11+552), huyện Thạch Thất	11.207.990.649	3.207.990.649	8.000.000.000	6.651.022.589
230	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới hồ Tân Xã huyện Thạch Thất kết hợp làm đường giao thông nông thôn	15.999.562.000	2.999.562.000	13.000.000.000	15.893.370.000
231	Dự án tu sửa, kéo dài kè Xuyên Dương đê tả Đáy huyện Thanh Oai	8.000.000.000		8.000.000.000	3.514.000.000
232	Dự án cải tạo, nâng cấp bờ hữu sông Nhuệ kết hợp giao thông huyện Thanh Oai	25.044.800.000	44.800.000	25.000.000.000	11.967.000.000
233	Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung tại xã Tráng Việt huyện Mê Linh	548.000.000	548.000.000		548.000.000
234	Cải tạo nâng cấp Đường 35 Huyện Mê Linh (từ Đại Thịnh đến Quang Minh)	38.766.285.481	8.766.285.481	30.000.000.000	26.349.144.499
235	Ứng dụng CNTT trong điều hành tác nghiệp của HĐND Thành phố	10.700.000	10.700.000		10.700.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
236	Dự án Nhà khách UBND Thành phố 13-15 Lương Ngọc Quyến	42.295.824.740	16.895.824.740	25.400.000.000	41.792.646.100
237	Trạm bơm Thạch Nham	25.939.021.000	939.021.000	25.000.000.000	24.997.605.000
238	Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục huyện Chương Mỹ	100.000.000		100.000.000	77.553.000
239	Xử lý tổng thể khu vực sạt lở khu vực kè Thanh Am và hai đầu cầu Đuống (giai đoạn I)	155.236.077.000	64.702.077.000	90.534.000.000	132.674.613.500
240	Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng trên địa bàn huyện Mê Linh	1.700.000.000		1.700.000.000	345.390.000
241	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T5, huyện Hoài Đức	10.000.000.000		10.000.000.000	8.896.782.000
242	Tu bổ, nâng cấp đê bao hữu Bùi huyện Chương Mỹ	41.080.800.300	1.080.800.300	40.000.000.000	11.103.755.900
243	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Sắn (phần đầu mối)	62.171.419.000	18.171.419.000	44.000.000.000	39.057.315.000
244	Di chuyển, nâng cấp trạm bơm Đan Hoài	18.200.000.000	1.200.000.000	17.000.000.000	14.501.528.000
245	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Đào Xá-Phú Xuyên	2.642.000.000	2.642.000.000		2.641.848.000
246	Khu thể thao khuyết tật-Trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao Hà Nội	2.578.932.000	1.878.932.000	700.000.000	2.525.469.000
247	Cải tạo, nâng cấp, tăng cường chiếu sáng công cộng trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2007-2010.	1.041.582.000		1.041.582.000	1.041.582.000
248	Bệnh viện đa khoa 1000 giường Mê Linh (giai đoạn 1)	1.719.799.585	1.719.799.585		1.719.799.585
249	Cải tạo cống thoát nước trên đường Ngọc Hồi (Đoạn to Km 185 - Km 250), đồng bộ cải tạo đường	2.570.729.846	2.570.729.846		2.570.729.846
250	Hoàn thiện tuyến đường nối từ nút giao hầm Kim Liên đến tuyến đường Kim Liên mới	180.250.000	180.250.000		173.855.722
251	Xây dựng cầu Zét	7.162.685.000	70.685.000	7.092.000.000	7.161.840.000
252	Xây dựng cầu Thuần Lương	1.245.397.300	1.245.397.300		1.083.836.000
253	Xây dựng cầu Đàm Mơ	10.000.000.000		10.000.000.000	1.606.147.000
254	Xây dựng cầu Yên Vĩ	228.906.000		228.906.000	91.640.000
255	Cầu Từ Châu	163.071.000		163.071.000	163.071.000
256	Dự án đầu tư xây dựng cầu Mỹ Hòa (cầu Bọt Xuyên) vượt sông Đáy - qua địa bàn huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa	24.994.000.000		24.994.000.000	1.182.476.000
257	Cầu Rồng trên đường 412B (91 cũ)	1.765.922.700	1.765.922.700		1.765.922.700
258	Cầu Quang Ngọc trên đường 411B (94 cũ)	152.301.000		152.301.000	152.301.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
259	Cầu Đồng Trầm trên đường 414C (86 cũ)	3.713.000.000		3.713.000.000	3.712.334.000
260	XD Cầu Muối Km8+500 trên đường Tân Lĩnh - Yên Bài	145.700.000		145.700.000	145.700.000
261	Cầu Chi Phú tại Km21+322 đường tỉnh lộ 423, huyện Ba Vì	2.717.000.000		2.717.000.000	2.715.900.900
262	Xây dựng cầu nổi khu đô thị mới Pháp Vân với khu đô thị mới Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì	32.000.000.000		32.000.000.000	31.700.192.000
263	Xây dựng Cầu Quảng Tái tại Km6+585 trên đường 428 (75 cũ)	22.000.000.000		22.000.000.000	21.983.509.000
264	Xây dựng cầu Bầu tại Km 13+550 trên đường tỉnh 429 (73 cũ)	18.400.000.000		18.400.000.000	18.005.117.000
265	Xây dựng nút cầu vượt tại nút giao đường Nguyễn Chí Thanh và đường Láng để giảm ùn tắc giao thông	633.000.000	633.000.000		476.154.000
266	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Lê Văn Lương - đường Láng để hạn chế ùn tắc giao thông	192.000.000	192.000.000		185.280.000
267	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Láng Hạ - Thái Hà để hạn chế ùn tắc giao thông	56.813.000	56.813.000		56.813.000
268	Xây dựng cầu Ngọc Động, xã Đa Tốn huyện Gia Lâm (trên đường Kiều Kỵ)	14.000.000.000		14.000.000.000	11.002.415.000
269	XD cầu 361 qua sông Tô Lịch	37.400.000.000	5.000.000.000	32.400.000.000	31.912.458.000
270	Xây dựng mới cầu Đầm trên đường 70, huyện To Liêm	118.125.000	118.125.000		118.125.000
271	Xây dựng mới cầu Khi đường Tương Mai, quận Hoàng Mai	4.975.849.510		4.975.849.510	4.949.983.510
272	Mở rộng đường vành đai 3 đoạn Mai Dịch - Nội Bài	44.218.187.000		44.218.187.000	44.218.187.000
273	Dự án cải tạo nâng cấp QL1A đoạn Văn Điển-Ngọc Hồi (Km185-Km 189) huyện Thanh Trì, TP Hà Nội	108.711.049.000	3.711.049.000	105.000.000.000	102.161.862.000
274	Cầu Ngọc Hồi	35.196.325.000	13.696.325.000	21.500.000.000	33.915.356.000
275	Trường THPT Mỹ Đức A	9.000.000	9.000.000		9.000.000
276	Trường THPT Xuân Mai	165.265.000		165.265.000	165.265.000
277	Trung tâm giáo dục thường xuyên thị xã Sơn Tây	52.064.000		52.064.000	33.510.000
278	Trường THPT Tùng Thiện, Sơn Tây	894.967.000		894.967.000	894.967.000
279	Hệ thống xử lý chất thải lỏng y tế các bệnh viện tại Hà Nội	4.033.649.687	173.763.360	3.859.886.327	3.686.362.053
280	Mở rộng và nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Quốc Oai	41.175.770.000	16.175.770.000	25.000.000.000	40.191.470.815
281	Đầu tư Labo xét nghiệm trung tâm hiện đại tại Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	94.323.000		94.323.000	94.323.000
282	Dự án Cảng Du lịch Bát Tràng, huyện Gia Lâm	38.000.000	38.000.000		33.000.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
283	Xây dựng đường gom Bắc Thăng Long - Nội Bài đoạn qua KCN Quang Minh 1	70.000.000.000		70.000.000.000	25.457.790.990
284	Cải tạo khu điều dưỡng cán bộ Hà Nội tại Đồ Sơn	101.146.942.650	11.146.942.650	90.000.000.000	91.223.861.459
285	Dự án xây dựng Trung tâm Hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm Thanh niên thành phố Hà Nội	10.353.742.000	353.742.000	10.000.000.000	10.167.742.000
286	Xây dựng và cải tạo 3 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông 1 và Đồng Bông 2 khu vực phía Tây Hà Nội	112.849.908.578	43.665.908.578	69.184.000.000	84.640.141.565
287	Cải tạo hệ thống kè và đường dạo sát kè hồ Thủ Lệ thuộc vườn thú Hà Nội	1.376.590.000		1.376.590.000	1.376.590.000
288	Dự án xây dựng trạm bơm nước phía Tây khu LHXLCST Sóc Sơn	86.696.394		86.696.394	86.696.394
289	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm giáo dục quốc phòng - an ninh Thành phố Hà Nội (giai đoạn 1)	33.180.825.000	180.825.000	33.000.000.000	32.905.861.000
290	Xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Thường Tín	974.000.000	974.000.000		973.357.000
291	Xây dựng tuyến đường số 1 vào Trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây	6.537.000.000	6.537.000.000		3.126.495.000
292	Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo.	17.441.478.000	8.741.478.000	8.700.000.000	16.088.529.369
293	Cơ sở làm việc Công an quận Hai Bà Trưng	981.305.000	981.305.000		981.305.000
294	Trường THPT Việt Nam - Ba Lan	2.273.216.000	2.273.216.000		2.273.216.000
295	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cao Xuân Dương, huyện Thanh Oai	887.768.000	187.768.000	700.000.000	270.604.000
296	Xây dựng, lắp đặt 500 trụ cứu hỏa, điểm lấy nước cứu hỏa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2011-2012	13.940.681.400	3.940.681.400	10.000.000.000	13.940.416.400
297	Nâng cấp trang thi Ot b~ y tO bệnh viện đa khoa Hà Đông	944.943.500		944.943.500	944.943.500
298	Xây dựng trạm xử lý nước thải bệnh viện Tim Hà Nội	1.332.843.000	1.332.843.000		1.322.843.000
299	Trường THPT Bắc Lương Sơn	30.069.803.932	69.803.932	30.000.000.000	18.660.638.332
300	Cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường quốc lộ 6, đoạn km 19+920 đến km 22+220, qua địa phận thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ	177.977.899.500	27.311.899.500	150.666.000.000	59.889.086.829
301	Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh	78.412.898.500	33.412.898.500	45.000.000.000	75.890.060.500
302	Cải tạo, nâng cấp đường 179 đoạn từ dốc đê Văn Giang đến bến phà Văn Đức	6.000.000.000		6.000.000.000	340.000.000
303	Xây dựng trạm bơm Cầu Đổ - Chân Chim	25.000.000.000		25.000.000.000	10.383.449.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
304	DA kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy từ trạm bơm Vĩnh Thượng đến trạm bơm Vĩnh Hạ xã Sơn Công huyện ứng Hòa	721.886.000	721.886.000		721.886.000
305	Xây dựng công trình kênh tiêu T0, huyện Đan Phượng	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000
306	Cầu Đào xuyên, xã Đa Tốn	8.630.000.000	130.000.000	8.500.000.000	8.530.000.000
307	Trang bị máy móc, thiết bị quan trắc, phân tích cho Trung tâm quan trắc và phân tích tài nguyên môi trường Hà Nội	32.098.368.500	26.098.368.500	6.000.000.000	32.098.157.300
308	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy xã Hồng Quang	16.000.000.000		16.000.000.000	9.059.517.000
309	Tiếp nhận và chỉnh trang mặt bằng do Bộ quốc phòng và 02 hộ gia đình lão thành cách mạng bàn giao(thuộc Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long)	3.700.000.000	700.000.000	3.000.000.000	2.629.587.000
310	Chống sạt lở bờ tả sông Hồng thuộc địa bàn quận Long Biên, huyện Gia Lâm (Kè Bát Tràng)	96.956.000	96.956.000		96.956.000
311	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 35 đoạn giữa tuyến từ Km4+469,12 đến Km12+733,55	591.100.000	91.100.000	500.000.000	25.000.000
312	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Đại Cồ Việt và đường Trần Khát Chân để hạn chế ùn tắc giao thông	5.766.920.000		5.766.920.000	5.766.920.000
313	Nâng cấp kênh N2 hồ Đại Lải (đoạn tuyến trên địa bàn huyện Sóc Sơn)	20.668.082.000	668.082.000	20.000.000.000	15.911.824.000
314	Trung tâm đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông Thành phố Hà Nội - giai đoạn 2	9.231.621.290	9.231.621.290		9.231.621.290
315	Đầu tư, nâng cấp Khu điều trị Phong Quốc Oai	954.622.188		954.622.188	954.622.188
316	Xây dựng hệ thống cấp nước cho thị trấn Yên Viên và các xã lân cận thuộc khu vực Bắc Đổng huyện Gia Lâm	1.509.620.120	1.450.741.100	58.879.020	1.499.373.020
317	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa mặt đê sông Nhuệ (đoạn cầu Chiềng - lối rẽ chùa Đậu) và các dốc lên đê Hữu Hồng - huyện Thường Tín	702.072.000	110.965.000	591.107.000	702.072.000
318	Kè chống sạt lở và cứng hóa mặt đê sông Lương, huyện Phú Xuyên	900.000.000		900.000.000	900.000.000
319	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử chùa Trăm gian, huyện Chương Mỹ	703.263.136	43.000.000	660.263.136	563.425.286
320	Xây dựng nhà Giảng đường, Ký túc xá, Trung tâm khám chữa bệnh, Xưởng Dược và các hạng mục phụ trợ của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	15.248.685.000	2.248.685.000	13.000.000.000	15.248.685.000
321	Xây dựng đường bảo tàng dân tộc học đến đường 32	145.619.000.000		145.619.000.000	145.619.000.000
322	Xây dựng Trạm y tế phường Mai Động	1.648.216.000	1.648.216.000		1.647.247.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
323	Xây dựng các tuyến đường tiếp giáp các dự án liên quan khu đô thị mới Văn Phú, quận Hà Đông	63.764.291.000	17.964.291.000	45.800.000.000	49.971.388.090
324	Đường nối từ đường Cao Lỗ đến nhà tang lễ huyện Đông Anh	64.806.383.000	16.306.383.000	48.500.000.000	36.824.192.686
325	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Đông Anh	26.340.208.795	1.340.208.795	25.000.000.000	19.912.265.655
326	Xây dựng phòng khám đa khoa khu vực Hồng Kỳ	32.900.000.000	400.000.000	32.500.000.000	32.057.244.800
327	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Sóc Sơn	25.000.000.000		25.000.000.000	21.672.478.350
328	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An, huyện Thanh Trì	19.361.078.000	19.361.078.000		19.250.000.000
329	Trường THPT Phú Xuyên B, Phú Xuyên	34.000.000.000		34.000.000.000	34.000.000.000
330	Kè chống sụt lở bờ hữu sông Đáy khu vực sát đường 419 xã Hương Sơn huyện Mỹ Đức	12.000.000.000		12.000.000.000	11.900.000.000
331	Nâng cấp, cải tạo xây dựng tuyến đường tỉnh lộ 419, đoạn Km44+00 đến Km60+00 huyện Mỹ Đức	40.000.000.000		40.000.000.000	26.378.777.000
332	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển khu nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã: Trung Tú-Đồng Tân huyện ứng Hoà, TP Hà Nội	21.075.144.000	13.075.144.000	8.000.000.000	13.265.521.956
333	Cứng hóa mặt đê kênh kết hợp làm đường giao thông đoạn kênh Từ Vân đến Kiều Thụy, huyện Thường Tín	15.200.191.000	200.191.000	15.000.000.000	10.700.191.000
334	Đường tránh QL 32 đoạn qua thị trấn Tây Đằng	20.052.359.000	52.359.000	20.000.000.000	20.052.359.000
335	Trường phổ thông dân tộc nội trú Ba Vì	36.155.482.400	155.482.400	36.000.000.000	29.397.867.400
336	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới Trung Hà thay thế nhiệm vụ tưới của hồ suối Hai huyện Ba Vì	27.554.000.000	27.554.000.000		20.257.363.500
337	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Sần (phần kênh và công trình trên	30.000.000.000		30.000.000.000	2.102.968.600
338	ĐA KCH kênh N5 và đường Địa Muối huyện Thanh Oai	507.000.000	507.000.000		506.634.000
339	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Bình Minh, huyện Thanh Oai	24.424.000.000	6.424.000.000	18.000.000.000	19.530.400.000
340	Nạo vét kênh đằm Và xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	13.500.000.000	500.000.000	13.000.000.000	13.500.000.000
341	Trạm y tế xã Văn Khê huyện Mê Linh	46.638.000	46.638.000		46.638.000
342	Trạm y tế thị trấn Chi Đông huyện Mê Linh	2.352.435.000		2.352.435.000	2.352.435.000
343	Cải tạo nâng cấp hệ thống trạm bơm tiêu Phù Đồng huyện Gia Lâm	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000
344	Các công trình giao thông nông thôn 7 xã nghèo huyện Sóc Sơn	15.205.364.000	205.364.000	15.000.000.000	205.364.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
345	Xử lý sạt lở bờ sông tả Bùi đoạn từ Bùi Xá đi Đồng Cò, thị trấn Xuân Mai	19.724.000	19.724.000		19.724.000
346	Cải tạo, nâng cấp mặt đê tả Hồng đoạn từ K53+600 đến K60+850, huyện Đông Anh	20.274.190.000	274.190.000	20.000.000.000	13.322.295.000
347	Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Đà, hữu Hồng huyện ba Vì	49.613.221.000	2.613.221.000	47.000.000.000	15.527.210.914
348	Nạo vét sông Giàng huyện Gia Lâm	15.000.000.000		15.000.000.000	13.906.137.000
349	Kiên cố hoá kênh chính hồ chứa nước Đồng Suong	227.950.000	227.950.000		227.950.000
350	Cải thiện hệ thống tưới tiêu khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Xây dựng trạm bơm Yên Nghĩa)	514.458.289.127	199.458.289.127	315.000.000.000	140.734.589.639
351	Cải tạo nâng cấp kênh tiêu T1-2 và đoạn cuối kênh tiêu T1 huyện Đan Phượng	215.963.604.761	215.963.604.761		92.950.425.261
352	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật hồ Linh Quang	62.269.247.308	4.449.247.308	57.820.000.000	51.302.559.441
353	Xây dựng nhà máy XLNT tập trung Yên Xá Thanh Trì	82.392.194.200	14.392.194.200	68.000.000.000	60.701.026.278
354	Khu LHXLC T Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội	241.414.915.000	196.414.915.000	45.000.000.000	153.878.037.500
355	Xây dựng tuyến đường Lê Trọng Tấn, đoạn từ đường Tôn Thất Tùng kéo dài đến sông Lừ	105.000.000.000		105.000.000.000	66.007.480.254
356	Xây dựng cầu cho người đi bộ qua đường khu công nghiệp Bắc Thăng Long	37.350.000		37.350.000	37.350.000
357	Xây dựng cầu Mọc	12.000.000.000		12.000.000.000	4.731.136.000
358	Xây dựng đường vành đai 2 đoạn Vĩnh Tuy - Chợ Mơ - Ngã Tư Vọng	3.099.145.600	599.145.600	2.500.000.000	2.500.000.000
359	Xây dựng cầu vượt nút giao đường Nguyễn Chí Thanh -đường Kim Mã (nút Daewoo)	196.098.000	196.098.000		196.098.000
360	Trường THPT Xuân Đình	300.000.000	300.000.000		300.000.000
361	Cải tạo chống xuống cấp trường THPT Chu Văn An	56.493.774		56.493.774	56.493.774
362	Hợp phần Bệnh viện đa khoa Sơn Tây thuộc dự án phát triển bệnh viện tỉnh, vùng giai đoạn II	5.371.000.000	871.000.000	4.500.000.000	1.330.983.000
363	Cải tạo nâng cấp Bệnh viện đa khoa Đống Đa	1.231.000.000	1.231.000.000		630.010.203
364	Xây dựng Bệnh viện Xanh Pôn (cơ sở 2)	99.000.000	99.000.000		99.000.000
365	Xây dựng nhà ở nuôi dưỡng trẻ em HIV Trung tâm giáo dục lao động XH số 2	970.447.000		970.447.000	970.447.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
366	Dự án xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý ngành Văn hóa Thể thao và Du lịch Hà Nội	28.842.000	28.842.000		28.842.000
367	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại xã Vân Canh, huyện Hoài Đức	28.189.113.570	3.189.113.570	25.000.000.000	4.262.111.303
368	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức	69.982.091.678	37.532.091.678	32.450.000.000	20.932.052.728
369	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý đầu tư ứng dụng CNTT của Thành Phố	304.629.466		304.629.466	293.441.316
370	Đầu tư xây dựng công trình Hệ thống tiêu Hiệp Thuận	4.080.075.424	4.080.075.424		3.006.516.386
371	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cấn Hạ	20.005.113.000	5.005.113.000	15.000.000.000	20.005.113.000
372	Dự án xây dựng hệ thống tiêu trạm bơm tiêu Vĩnh Phúc xã Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai	16.000.000.000		16.000.000.000	1.123.229.000
373	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm đã chiến Xuân Phú huyện Phúc Thọ	30.181.780.000	181.780.000	30.000.000.000	22.778.786.800
374	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu trạm bơm tiêu Phú Thụ tại các huyện Phúc Thọ, Thạch Thất và thị xã Sơn Tây	300.000.000	300.000.000		300.000.000
375	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải công nghiệp để phát điện	124.232.998.637	56.932.998.637	67.300.000.000	81.097.404.051
376	Công trình phòng thủ STN 02.3	21.666.000.000	166.000.000	21.500.000.000	21.665.771.200
377	Xây dựng hệ thống mạng máy tính diện rộng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương của Bộ Tư lệnh thủ đô	6.000.000.000		6.000.000.000	5.167.822.368
378	Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng tại lô E tại khu 5,23 ha Yên Hoà phục vụ quyết định 20/2000/QĐ-TTg	1.302.000.000	1.302.000.000		1.302.000.000
379	Đường gom nối đường Đài Tư - Sài Đồng A ra quốc lộ 5	12.700.000.000		12.700.000.000	2.634.560.000
380	Xây dựng trạm xử lý nước thải bệnh viện Thanh Nhân	365.174.895	365.174.895		365.174.895
381	Đầu tư XD hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan khu vực khảo cổ 18 Hoàng Diệu	18.362.470.160	18.362.470.160		18.361.751.135
382	Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng 6 tầng khu di dân GPMB tại Dịch Vọng	15.777.000	15.777.000		15.777.000
383	Xây dựng trạm y tế xã Bạch Hạ	1.639.967.000		1.639.967.000	1.639.967.000
384	Xây dựng tuyến đường từ Trường Đại học Mỏ địa chất ra đường Phạm Văn Đồng	44.845.525.395	44.845.525.395		34.224.322.958
385	Cải tạo, nâng cấp mở rộng quốc lộ 32 đoạn Cầu Diễn - Nhón (Km10+420 - Km14+493,65)	8.624.337.329	8.624.337.329		185.720.945

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
386	Xây dựng hệ thống hợp trục tuyến phục vụ công tác quản lý, điều hành của thành phố Hà Nội	800.000.000		800.000.000	800.000.000
387	Cung thiếu nhi Hà Nội	6.384.620.000	384.620.000	6.000.000.000	6.107.912.267
388	Trường THPT Chương Mỹ B, huyện Chương Mỹ	215.659.000		215.659.000	215.658.000
389	Trường PTTH Cao Bá Quát, Quốc Oai	2.350.869.000		2.350.869.000	2.350.869.000
390	Xây mới bệnh viện Nhi Hà Nội	6.580.996.000	5.580.996.000	1.000.000.000	2.327.884.000
391	Xây dựng mới phòng khám đa khoa khu vực Tri Thủy	1.003.151.000	415.185.165	587.965.835	1.001.666.000
392	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai thành phố Hà Nội	226.500.000.000	165.000.000.000	61.500.000.000	6.039.301.200
393	Xây dựng tuyến đường vào kết nối khu xử lý rác thải tập trung của thành phố tại thôn Đồng Ké, xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ	400.000.000		400.000.000	400.000.000
394	Đầu tư trang thiết bị CNTT và truyền thông phục vụ Trung tâm đào tạo Công nghệ thông tin và Truyền thông Thành phố Hà Nội - giai đoạn 2	656.559.255		656.559.255	644.338.214
395	Tăng cường trang thiết bị cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	1.309.000.000	1.309.000.000		1.308.737.574
396	Chuyển đổi công nghệ số hóa sản xuất - phát sóng truyền hình Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội giai đoạn 2013-2015	7.150.798.040	7.150.798.040		6.985.999.000
397	Xây dựng tuyến đường to trường Đại học Mỏ Địa chất vào Khu công nghiệp Nam Thăng Long	4.000.000.000		4.000.000.000	3.499.072.260
398	Xây dựng nâng cấp mở rộng đường nhánh nối Quốc lộ 1A với đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, đoạn qua Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội	60.100.000.000	100.000.000	60.000.000.000	21.157.672.907
399	Cấp nước khu vực Hao Nam (o13)	69.884.763		69.884.763	69.884.763
400	Đầu tư trang thiết bị PCCC, CHCN và cơ sở vật chất cho các phòng CSPCCC khu vực Đống Đa, Gia Lâm, Thường Tín, Ứng Hòa, Đan Phượng và Thạch Thất	346.028.770.000	316.028.770.000	30.000.000.000	161.388.844.000
401	Bảo tồn tường hành cung phía tây khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội	7.838.474.000	2.838.474.000	5.000.000.000	3.615.494.000
402	Cơ sở làm việc công an huyện Thanh Trì	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000
403	Nhà ở sinh viên Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	29.838.200.000	29.838.200.000		29.838.200.000
404	Đường Ngọc Khánh - Đê Bưởi - Nghĩa đồ	764.000.000	764.000.000		573.288.390
405	Xây dựng tuyến đường ngõ 124 Âu Cơ	61.215.000.000	6.215.000.000	55.000.000.000	33.132.196.600
406	XD HTKT khu D5 (các khu đầu thầu quyền SD đất thuộc quận Tây Hồ)	12.492.000	12.492.000		10.743.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
407	Xây dựng tuyến đường 25m từ đê sông Đuống đến tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang 40m (tiếp giáp với trường Pháp Alexandre Yersin)	58.668.173.000	38.668.173.000	20.000.000.000	11.462.664.630
408	Trạm y tế phường Phú La	82.291.859	82.291.859		82.291.859
409	Xây dựng hạ tầng cụm sản xuất làng nghề tập trung xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm	5.637.311.595	5.637.311.595		5.560.504.888
410	Xây dựng trạm y tế phường Xuân Phương	672.544.000	672.544.000		672.544.000
411	Xây dựng trạm y tế phường Phú Đô	115.565.000	115.565.000		106.595.000
412	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao Khu nhà ở công nhân Kim Chung, huyện Đông Anh	231.000.000	231.000.000		231.000.000
413	Xây dựng nhà trẻ mẫu giáo tại ô đất NT-01, khu nhà ở phục vụ công nhân, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội	60.346.000	60.346.000		60.346.000
414	Công trình Hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải 1000m3/ngày đêm tại Cụm Công nghiệp Nguyên Khê, Đông Anh	2.390.000.000	2.390.000.000		2.390.000.000
415	Xây dựng hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất khu san lấp bãi đồ bùn xã Yên Mỹ	6.782.061.000	6.782.061.000		6.782.061.000
416	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 đoạn từ Km62+050 đến Km68+707 (từ Bệnh viện huyện đến xã Dốc Tín, Km1+685 đến Km8+342 theo lý trình cũ)	63.000.000.000		63.000.000.000	39.182.368.000
417	CT cải tạo lắp đặt HT chiếu sáng đường 429 qua khu tưởng niệm Hồ Chủ tịch, xã Nghiêm Xuyên; đường tỉnh lộ 427 qua địa phận Văn Phú-Hiền Giang	25.000.000.000		25.000.000.000	23.278.575.000
418	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Liên Phương, huyện Thường Tín	3.270.000.000	3.270.000.000		3.270.000.000
419	Công trình hệ thống xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Ngọc Hòa, huyện Chương Mỹ	2.959.653.034	2.959.653.034		2.959.653.034
420	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cụm công nghiệp xã Liên Hà	3.620.000.000	3.620.000.000		3.620.000.000
421	Xây dựng tuyến đường VĐ3,5 (các đoạn Km1+700-Km2+50; Km2+550-Km3+340), huyện Hoài Đức	90.000.000.000		90.000.000.000	837.293.000
422	Dự án Cải tạo nâng cấp các trạm y tế trên địa bàn huyện Phúc Thọ	10.250.000.000	2.250.000.000	8.000.000.000	10.250.000.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
423	Cải tạo, chỉnh trang đường nối từ Quốc lộ 21B (ngã ba Thạch Bích) đi huyện Chương Mỹ, huyện Thanh Oai	15.330.000.000	330.000.000	15.000.000.000	7.086.865.000
424	Trung tâm GDTX Mê Linh (nhà lớp học 3t12p+nhà điều hành)	29.723.789	29.723.789		29.723.789
425	Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo - Jica. Phần GPMB: Quận Bắc Từ Liêm	15.772.911.220	15.772.911.220	.	15.616.708.984
426	Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội - Phần GPMB do quận Bắc Từ Liêm thực hiện	4.243.300.530	4.243.300.530		3.326.083.136
427	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cự Thẩn, huyện Thanh Oai	500.000.000		500.000.000	500.000.000
428	Xử lý bảo đảm ổn định khu vực cửa sông Đuống	300.000.000	300.000.000		300.000.000
429	Dự án cấp nước sạch liên xã Liên Phương Vân Tảo, Hà Hồi, Hồng Văn, Thư Phú, huyện Thường Tín	1.847.561.300	1.847.561.300		1.847.341.644
430	Dự án cấp nước sạch liên xã trung Hòa, Trường Yên, huyện Chương	1.183.069.700	1.183.069.700		1.183.069.700
431	Dự án cấp nước sạch liên xã Tam Hưng, Thanh Thùy, huyện Thanh Oai	839.394.900	839.394.900		839.394.900
432	Xây dựng nhà kho tạm giữ hàng hóa, phương tiện vi phạm thuộc chi cục quản lý thị trường Hà Nội	6.000.000.000		6.000.000.000	5.999.484.000
433	Xây dựng Trường Đại học thủ đô Hà Nội	860.000.000	860.000.000		800.000.000
434	ĐA xây dựng nhà học trường THPT Cao Bá Quát, huyện Gia Lâm	2.845.966.000	2.845.966.000		2.845.966.000
435	Nâng cấp Bệnh viện Tâm thần Hà Nội	529.000.000	529.000.000		529.000.000
436	Dự án nâng cấp mở rộng di tích nhà Hồ Chủ tịch ở và làm việc tháng 12/1946	39.000.000.000		39.000.000.000	21.558.568.803
437	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Bà Kiệu	14.980.000.000	980.000.000	14.000.000.000	13.110.937.000
438	Đầu tư trang thiết bị chuyên dùng cho hoạt động TT&TT cổ động	4.000.000	4.000.000		3.694.723
439	Đầu tư trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục tại Khu LHXL chất thải Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	20.760.000.000	5.760.000.000	15.000.000.000	19.371.191.000
440	Đo đạc hiện trạng và cắm mốc ranh giới sử dụng đất cho các nông lâm trường, trạm trại và đất rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội	10.000.000.000		10.000.000.000	9.994.352.837
441	Dự án HTKT tăng cường năng lực cơ quan quản lý ĐSĐT HN và thành lập Công ty vận hành và bảo dưỡng các tuyến ĐSĐT trên địa bàn	1.522.890.000	22.890.000	1.500.000.000	667.725.321
442	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính	526.004.539	526.004.539		490.703.539
443	HTKT lập báo cáo nghiên cứu khả thi tuyến đường sắt đô thị Hà Nội đoạn Ga Hà Nội - Hoàng Mai	200.000.000	200.000.000		115.457.400

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
444	STN.01.1	26.180.000.000	6.180.000.000	20.000.000.000	12.974.199.000
445	Hệ thống hội nghị truyền hình Công an Thành phố	3.228.883.506	1.228.883.506	2.000.000.000	3.186.732.000
446	Hệ thống xử lý nước thải gây ô nhiễm môi trường tại Trại tạm giam số 1 thuộc Công an thành phố Hà Nội	30.108.575.000	13.108.575.000	17.000.000.000	16.668.328.000
447	Trụ sở phòng cảnh sát PCCC Long Biên	20.041.481.000	14.041.481.000	6.000.000.000	14.696.236.900
448	Trụ sở phòng cảnh sát PCCC Cầu Giấy	35.631.940.000	25.631.940.000	10.000.000.000	20.120.913.000
449	Trụ sở Viện Kiểm sát Nhân dân Huyện Đông Anh	4.886.256.950	3.386.256.950	1.500.000.000	3.218.240.000
450	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm công nghiệp Thanh Oai	1.453.000.000	1.453.000.000		1.453.000.000
451	Xây dựng hệ thống thoát nước Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội (giai đoạn I)	57.000.000.000	10.000.000.000	47.000.000.000	3.610.071.900
452	Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long	250.000.000.000		250.000.000.000	38.530.798.437
453	Xây dựng HTKT khu đất D3 nằm giữa đường Lạc Long quân và đường Vành đai phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất	290.956.000	290.956.000		290.888.000
454	XD các tuyến đường nằm trong quy hoạch TTTM Gia Thụy Q.Long Biên	151.589.999	151.589.999		151.589.999
455	Xây dựng trạm y tế phường Yên Nghĩa, Hà Đông	7.500.000.000		7.500.000.000	7.500.000.000
456	Xây dựng nhà chăm sóc sức khỏe sinh sản trung tâm y tế Hà Đông	3.751.275.783		3.751.275.783	3.751.275.783
457	Tu bổ, tôn tạo 17 miếu, diêm và giếng cổ (thuộc Làng Đường Lâm - xã Đường Lâm)	8.500.000.000		8.500.000.000	3.848.599.000
458	Xây dựng trạm y tế xã Đường Lâm, Sơn Tây	8.000.000.000		8.000.000.000	235.535.000
459	Tu bổ di tích đình Cam Thịnh	2.000.000.000		2.000.000.000	573.473.000
460	Tu bổ tôn tạo di tích đền thờ và Lăng Ngô Quyền	6.000.000.000		6.000.000.000	6.000.000.000
461	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa đình Văn Khê xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây	4.000.000.000		4.000.000.000	3.518.000.000
462	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Ngọc Kiên (Trung Kiên tự) xã Cổ Đông	3.500.000.000		3.500.000.000	3.500.000.000
463	Xây dựng trạm bơm Cửa Đình xã Văn Đức huyện Gia Lâm	22.681.000.000	4.681.000.000	18.000.000.000	22.324.322.000
464	Xây dựng trường Tiểu học trong khu đô thị Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm	30.000.000.000		30.000.000.000	25.878.746.560
465	Xây dựng trường THCS Đặng Xá trong khu đô thị Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm	30.000.000.000		30.000.000.000	25.126.702.000
466	Xây dựng trạm y tế xã Đặng Xá, Gia Lâm	9.000.000.000		9.000.000.000	8.427.770.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
467	Xây dựng trạm y tế phường Cầu Diễn	50.000.000		50.000.000	50.000.000
468	Xây dựng trạm y tế xã Xuân Canh	7.000.000.000		7.000.000.000	3.907.212.000
469	Chỉnh trang đô thị trung tâm khu 2,7 ha huyện Đông Anh	807.698.000		807.698.000	807.698.000
470	Trường THPT Bắc Thăng Long	3.346.943.600		3.346.943.600	3.333.943.600
471	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối hồ Cầu Bãi, huyện Sóc Sơn	7.000.000.000		7.000.000.000	500.000.000
472	Tu bổ, tôn tạo đền Thắng Trí xã Minh trí	1.800.000.000		1.800.000.000	1.800.000.000
473	Tu bổ tôn tạo di tích đền Phú Tàng xã Bắc Phú	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000
474	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu nội đồng vùng trũng Đông Bắc, Sóc Sơn	4.516.847.000		4.516.847.000	4.516.847.000
475	Trường Trung học phổ thông Xuân Giang	243.291.600	39.362.000	203.929.600	243.291.600
476	Xây dựng trạm y tế xã Liên Ninh	50.000.000		50.000.000	14.614.000
477	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Thanh Trì	1.049.849.000		1.049.849.000	1.049.849.000
478	Xây dựng trạm y tế xã Văn Nhân	100.000.000		100.000.000	100.000.000
479	Xây dựng trạm y tế xã Quang Trung	50.000.000		50.000.000	50.000.000
480	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Đa Chát, xã Đại Xuyên	5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000
481	Trường THPT Phú Xuyên A	21.729.000.000		21.729.000.000	13.300.000.000
482	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê hồ Quan Sơn - Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	400.000.000		400.000.000	400.000.000
483	Xây dựng trạm y tế xã Đội Bình, ứng Hòa	50.000.000		50.000.000	50.000.000
484	Xây dựng trạm y tế xã Hòa Xá, huyện ứng Hòa	100.000.000		100.000.000	100.000.000
485	Xây dựng trạm Y tế xã Hoa Sơn, huyện ứng Hòa	100.000.000		100.000.000	100.000.000
486	Xây dựng trạm y tế xã Viên An, huyện ứng Hòa	50.000.000		50.000.000	50.000.000
487	Xây dựng trạm y tế xã Trầm Lộng, ứng Hòa	6.500.000.000		6.500.000.000	6.500.000.000
488	Cải tạo nâng cấp trạm y tế xã Đồng Tiến, ứng Hòa	7.000.000.000		7.000.000.000	3.800.000.000
489	Tu bổ tôn tạo di tích đình Tử Dương, xã Cao Thành	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000
490	Nạo vét, củng cố bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện ứng Hoà	38.416.000.000	13.416.000.000	25.000.000.000	17.356.867.000
491	Kè chống sạt lở khu vực thôn Bài Lâm Hạ, Bài Lâm Thượng xã Hồng Quang huyện ứng Hoà	67.400.000	67.400.000		67.400.000
492	Nạo vét kênh Liên Phương, kênh Đồng Cửa phục vụ công tác chống hạn vụ xuân 2010	77.845.000	77.845.000		77.845.000
493	Xây dựng trạm y tế xã Tiên Phong, Thường Tín	9.000.000.000		9.000.000.000	9.000.000.000
494	Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã Hà Hồi	12.000.000.000		12.000.000.000	1.507.198.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
495	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nuôi trồng thủy sản tập trung xã Nghiêm Xuyên	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000
496	Trường THPT Phan Huy Chú, Quốc Oai	40.764.600.000	764.600.000	40.000.000.000	12.709.054.811
497	Xây dựng trạm y tế xã Ngọc Mỹ, Quốc Oai	50.000.000		50.000.000	49.996.000
498	Xây dựng trạm y tế xã Ngọc Liệp, Quốc Oai	50.000.000		50.000.000	39.895.000
499	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê hữu Đáy tuyến đường tỉnh lộ 421A từ Liên Hiệp, Phúc Thọ đi Sài Sơn Yên Sơn - thị trấn (tỉnh lộ 419) đi Tân Hòa	500.000.000		500.000.000	499.989.000
500	Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã Tân Phú huyện Quốc Oai	14.653.000.000	4.653.000.000	10.000.000.000	13.920.859.000
501	Xây dựng trạm y tế xã Cấn Hữu, Quốc Oai	9.000.000.000		9.000.000.000	8.435.511.000
502	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Ngọc Mỹ - Ngọc Liệp	1.000.000.000		1.000.000.000	701.228.000
503	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới tiêu Tân Phú - Đại Thành	8.000.000.000		8.000.000.000	756.810.000
504	Xây dựng Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, dạy nghề huyện Quốc Oai	3.800.000.000		3.800.000.000	3.770.000.000
505	Nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421A và 421B đoạn qua địa phận huyện Quốc Oai (đoạn từ cầu vượt Sài Sơn đi chùa Thầy đến đường 421A giáp ranh huyện Phúc Thọ)	30.646.938.000	646.938.000	30.000.000.000	16.024.311.000
506	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Đông Xuân	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000
507	Xây dựng trạm y tế thị trấn Xuân Mai	50.000.000		50.000.000	50.000.000
508	Xử lý sạt lở đê sông Đáy qua địa bàn xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ	300.000.000		300.000.000	251.124.000
509	Trường Mầm non trong khu Công nghiệp Phú Nghĩa	300.000.000		300.000.000	250.000.000
510	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn K0+400 - K1+050 xã Thái Hòa, huyện Ba Vì	300.000.000		300.000.000	294.712.000
511	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn K2+000 - K3+200 xã Phong Vân, huyện Ba Vì	300.000.000		300.000.000	300.000.000
512	Đình Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì	9.000.000.000		9.000.000.000	5.815.000.000
513	Xây dựng phòng khám đa khoa xã Tân Lĩnh	9.000.000.000		9.000.000.000	4.242.571.800
514	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Thanh Lũng, xã Tiên Phong	7.000.000.000		7.000.000.000	7.000.000.000
515	Đền làng Chu Quỳn, xã Chu Minh	3.500.000.000		3.500.000.000	3.500.000.000
516	Tu bổ tôn tạo chùa Nả, xã Chu Minh	7.000.000.000		7.000.000.000	7.000.000.000
517	Xây dựng vùng sản xuất RAT xã Tây Đằng, huyện Ba Vì	10.000.000.000		10.000.000.000	6.061.740.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
518	Cải tạo nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 411C (đoạn qua Đình Bảng - Yên Kỳ - Tòng Bạt) huyện Ba Vì	27.956.357.000	7.956.357.000	20.000.000.000	27.858.878.000
519	Nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 411, đoạn qua địa phận huyện Ba Vì	30.000.000.000		30.000.000.000	25.192.546.800
520	Cải tạo, nâng cấp mặt đê Vân Cốc, huyện Đan Phượng	8.000.000.000		8.000.000.000	6.257.218.000
521	Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Ngãi Cầu, xã An Khánh, Hoài Đức	50.000.000		50.000.000	50.000.000
522	Xây dựng đường Lai Yên - An Khánh (đoạn Cầu Khum - Cầu Đĩa Sáo)	25.000.000.000		25.000.000.000	13.948.376.400
523	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới trạm bơm Triệu Xuyên, huyện Phúc Thọ	200.000.000		200.000.000	200.000.000
524	Nạo vét, nâng cấp kênh tiêu B2 xã Hát Môn, Thanh Đa, huyện Phúc	200.000.000		200.000.000	200.000.000
525	Tu bổ, tôn tạo đình chùa Kim Hoa (Chùa Tổng) xã Tam Hiệp	1.700.000.000		1.700.000.000	1.700.000.000
526	Tu bổ tôn tạo đình Giáo Hạ xã Ngọc Tảo	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000
527	Xây dựng, cải tạo Trường THPT Phúc Thọ	221.180.506		221.180.506	221.180.506
528	Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm công nghiệp thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	3.637.147.000		3.637.147.000	2.546.000.000
529	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Dị Nậu	7.000.000.000		7.000.000.000	7.000.000.000
530	Bổ sung, mở rộng Trạm y tế xã Cần Kiệm	136.908.000		136.908.000	134.180.000
531	Xây dựng trạm y tế xã Đỗ Động, Thanh Oai	100.000.000		100.000.000	100.000.000
532	Xây dựng trạm y tế thị trấn Kim Bài	50.000.000		50.000.000	50.000.000
533	Xây dựng trạm y tế thị trấn Kim An	50.000.000		50.000.000	50.000.000
534	Tu bổ tôn tạo di tích Đình Kim xã Tam Hưng	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000
535	Xây dựng trạm y tế xã Thanh Mai, Thanh Oai	8.000.000.000		8.000.000.000	7.677.000.000
536	Trường THPT Nguyễn Du, Thanh Oai	20.000.000.000		20.000.000.000	13.001.440.000
537	Tu bổ tôn tạo cụm di tích đình Cả - chùa Diên Phúc, xã Văn Khê	6.000.000.000		6.000.000.000	5.930.000.000
538	Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long	500.000.000.000		500.000.000.000	37.518.367.284
539	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực xã Minh Quang huyện Ba Vì	300.000.000		300.000.000	300.000.000
540	Kè chống sạt bờ hữu sông Hồng khu vực cuối kè An Cảnh, huyện Thường Tín	200.000.000		200.000.000	191.027.000
541	Gia cố kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng thuộc địa bàn xã Chu Minh, huyện Ba Vì	400.000.000		400.000.000	400.000.000
542	Cải tạo, sửa chữa hồ hewu nước Văn Sơn, huyện Chương Mỹ	500.000.000		500.000.000	500.000.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
543	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Mèo Gù, huyện Ba Vì	500.000.000		500.000.000	481.547.000
544	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Suối Hai, huyện Ba Vì	700.000.000		700.000.000	700.000.000
545	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới tiêu An Mỹ I, huyện Mỹ Đức	700.000.000		700.000.000	700.000.000
546	Cải tạo, nâng cấp bờ tả kênh dẫn Cẩm Đình - Hiệp Thuận kết hợp làm đường giao thông nông thôn, huyện Phúc Thọ	300.000.000		300.000.000	300.000.000
547	Xử lý sạt lở Kè Vàng xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ	10.000.000.000		10.000.000.000	7.417.195.000
548	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực Đan Thê - Tòng Bạt	15.000.000.000		15.000.000.000	9.944.202.000
549	Xây dựng mới trạm bơm tiêu Lạc Thượng thay thế nhiệm vụ trạm bơm tiêu Lai Thượng 1 và 2	1.000.000.000		1.000.000.000	10.000.000
550	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu trạm bơm Phương Nhị, huyện Thanh Oai	1.500.000.000		1.500.000.000	6.218.000
551	Trồng cây xanh tạo cảnh quan, chống sạt lở và xây dựng hàng mục công trình phục vụ QL, BV, PCCC rừng tuyến đường lên tượng đài thánh Gióng	171.730.000		171.730.000	171.730.000
552	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Đồng Ma	15.900.000		15.900.000	15.900.000
553	Xử lý khẩn cấp ke chống sạt lở bờ hữu sông Đà xã Khanh Thuong - Minh Quang huyện Ba Vì	679.375.000	125.159.700	554.215.300	679.375.000
554	Kè Ninh Sở huyện Thường Tín	173.517.000	173.517.000		173.517.000
555	Kè Liên Trì huyện Đan Phượng	208.278.000	208.278.000		208.278.000
556	Nâng cấp tuyến đê hữu Hồng trên địa bàn thành phố Hà Nội (đoạn từ K2+030 đến K8+800 đê Vân Cốc, huyện Phúc Thọ, huyện Đan Phượng)	103.725.000.000	33.076.000.000	70.649.000.000	62.946.331.000
557	Xây dựng trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 16 trực thuộc Chi cục quản lý thị trường Hà Nội	1.000.000.000		1.000.000.000	599.597.883
558	Xây dựng Trung tâm đào tạo cán bộ quản lý năng lượng Hà Nội	60.578.541.400	5.578.541.400	55.000.000.000	56.084.597.539
559	Năng lượng nông thôn 2 giai đoạn 1	390.614.000	142.986.000	247.628.000	390.614.000
560	Xây dựng mới Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội tại xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	1.586.000.000	86.000.000	1.500.000.000	236.000.000
561	Cải tạo thoát nước phố Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên	21.000.000.000		21.000.000.000	19.154.820.000
562	Cải tạo, cống hóa mương Vĩnh Tuy (đoạn phía Bắc đường Minh Khai từ đường Minh Khai đến phố Vĩnh Tuy)	6.000.000.000		6.000.000.000	4.544.730.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
563	Hệ thống chiếu sáng tuyến đường 35 trên địa bàn huyện Sóc Sơn	11.100.000.000		11.100.000.000	8.505.344.400
564	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng tuyến đường 6Km đoạn từ Quốc lộ 3 đến đường Võ Văn Kiệt, huyện Đông Anh	7.500.000.000		7.500.000.000	7.500.000.000
565	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng tỉnh lộ 428A đoạn qua địa bàn xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000
566	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng quốc lộ 21B đoạn từ UBND xã Hòa Phú đến Chợ Dầu, huyện ứng Hòa	9.000.000.000		9.000.000.000	9.000.000.000
567	Xây dựng công trình biểu tượng Cột cờ Hà Nội tại tỉnh Cà Mau	34.000.000.000		34.000.000.000	4.775.159.000
568	Dự án thu điểm hạ ngầm các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin trên tuyến phố Tràng Tiền - Hàng Khay - Tràng Thi - Điện Biên Phủ (đoạn phố Điện Biên Phủ, trên địa bàn quận Ba Đình)	2.913.804.000	2.913.804.000		2.913.804.000
569	Xây dựng đường, cống hóa, hè, vỉa, cây xanh, chiếu sáng đoạn thượng lưu sông Sét và thượng lưu sông Lừ	4.933.638.769	4.933.638.769		4.933.638.769
570	Chống đỡ, phá dỡ nhà nguy hiểm số 2,4,6 Hàng Đậu và 122 đường Yên Phụ	71.292.632	71.292.632		71.048.763
571	Dự án xây dựng cầu vượt tại nút giao Cổ Linh và đường Cầu Vĩnh Tuy	60.000.000.000		60.000.000.000	28.352.377.000
572	Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội	6.250.000.000	3.450.000.000	2.800.000.000	4.544.000.000
573	Đầu tư mở rộng đường Vành đai III đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long	200.000.000.000		200.000.000.000	4.926.150.485
574	Xây dựng tuyến đường nối từ Đại lộ Thăng Long kéo dài đến Quốc lộ 21, huyện Thạch Thất	25.452.827.000		25.452.827.000	24.494.588.000
575	Xây dựng cầu vượt tại nút giao Ô Đông Mác- Nguyễn Khoái (giao giữa đường vành đai I với đường Lò Đức, đường Kim Ngưu)	80.000.000.000		80.000.000.000	68.072.885.000
576	Cải tạo vỉa hè đối diện xung quanh hồ Hoàn Kiếm (gồm hè các phố Đinh Tiên Hoàng, Lê Thái Tổ và hè phố Hàng Khay)	239.545.628	239.545.628		239.545.628
577	Cải tạo nâng cấp trung tâm điều khiển đèn tín hiệu giao thông và thiết bị ngoại vi giai đoạn 2008-2010 (giai đoạn I)	37.002.373.501	12.002.373.501	25.000.000.000	32.584.463.537
578	Xây dựng cải tạo Trường Trung học phổ thông Yên Lãng, huyện Mê Linh	200.000.000		200.000.000	200.000.000
579	Trường THPT Kim Liên	46.642.000.000	14.642.000.000	32.000.000.000	45.692.559.000
580	XD cải tạo Trường THPT Trần Đăng Ninh	8.941.528.000	941.528.000	8.000.000.000	8.841.517.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
581	Trường THPT Ngô Thì Nhậm, Thanh Trì	24.745.350.000	745.350.000	24.000.000.000	23.772.224.000
582	Nâng cấp BV tâm thần Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	34.727.334.000	9.727.334.000	25.000.000.000	23.672.579.792
583	Dự án xây dựng nâng cấp Bệnh viện Thanh Nhân Giai đoạn II	120.327.882.000	5.327.882.000	115.000.000.000	57.472.933.800
584	Nâng cấp Bệnh viện Phụ sản - giai đoạn 2	83.432.415.956	432.415.956	83.000.000.000	43.820.376.453
585	Xây dựng, cải tạo mở rộng Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	2.714.404.882		2.714.404.882	2.714.404.882
586	Trạm cấp nước sạch bệnh viện Mỹ Đức	53.208.000	53.208.000		53.208.000
587	Hệ thống chất thải lỏng bệnh viện Mỹ Đức	46.183.000	46.183.000		46.183.000
588	Phòng khám hữu nghị Việt Nam-Hàn Quốc giai đoạn III- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng	812.868.234	812.868.234		812.868.234
589	Cải tạo sửa chữa chống xuống cấp Trung tâm Điều dưỡng người có công số I Hà Nội	100.000.000		100.000.000	100.000.000
590	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội III	300.000.000		300.000.000	212.320.000
591	Cải tạo, sửa chữa Trường trung cấp nghề cơ khí I Hà Nội	300.000.000		300.000.000	300.000.000
592	Cải tạo, nâng cấp các nhà nuôi dưỡng của Làng trẻ em Birla Hà Nội	556.000.000		556.000.000	546.255.626
593	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Xuân Dục	235.577.850	235.577.850		235.577.850
594	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Lỗ Giao, huyện Đông Anh	58.576.707	58.576.707		58.576.707
595	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Hòa Mã	33.455.000	33.455.000		33.455.000
596	Nhà Văn hóa Học sinh - Sinh viên Hà Nội	200.000.000		200.000.000	100.000.000
597	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Diêm, kiên cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diêm kết hợp làm đường giao thông	1.605.730.000	105.730.000	1.500.000.000	1.332.730.000
598	Xây dựng trạm bơm Xóm Cát	10.092.000.000	92.000.000	10.000.000.000	3.742.974.300
599	Cải tạo nâng cấp công trình đầu mối và kiên cố hoá hệ thống trạm bơm Hồng Vân	35.236.760.000	236.760.000	35.000.000.000	35.236.759.400
600	Xây dựng trạm bơm Thụy Phú huyện Phú Xuyên thành phố Hà Nội	30.000.000.000		30.000.000.000	4.153.184.000
601	Kiên cố hoá kết hợp giao thông kênh chính trạm bơm La Khê	31.400.000.000	6.400.000.000	25.000.000.000	29.575.288.000
602	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hòa Lạc	10.636.000.000	836.000.000	9.800.000.000	10.240.055.000
603	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Thường lệ 1	13.000.000.000		13.000.000.000	11.426.253.457
604	Dự án thí điểm xây dựng nhà ở cho công nhân Khu công nghiệp Bắc Thăng Long - giai đoạn chuẩn bị đầu tư	85.704.000		85.704.000	85.704.000
605	Trạm bơm tiêu Phụ Chính	1.119.033.000		1.119.033.000	1.119.033.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
606	Cải tạo và phát triển mạng lưới tuyến ống truyền tải cấp nước tiếp nhận nguồn nước Sông Đà (khu vực do Công ty Nước Sạch Hà Nội quản lý)	33.223.000	33.223.000		33.223.000
607	Cải tạo nâng cấp hệ thống nhà giảng đường và hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	300.000.000		300.000.000	120.124.000
608	Xây dựng cải tạo, nâng cấp trường Trung cấp nghề Công đoàn Hà Nội	300.000.000		300.000.000	41.404.000
609	Xây dựng Trung tâm văn hóa công nhân lao động khu vực phía Tây Hà Nội	200.000.000		200.000.000	43.199.000
610	Doanh trại Sư đoàn fBB301/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (giai đoạn 1)	109.000.000.000		109.000.000.000	82.447.480.000
611	Trường bắn khu vực Hòa Thạch	20.000.000.000		20.000.000.000	20.000.000.000
612	Doanh trại Ban CHQS huyện Mỹ Đức	30.000.000.000		30.000.000.000	28.372.335.000
613	Dự án đầu tư xây dựng doanh trại Tiểu đoàn 4, Tiểu đoàn 6 và khối trực thuộc eBB692/fBB301/BTL Thủ đô Hà Nội	147.000.000.000		147.000.000.000	137.730.133.000
614	Dự án mở rộng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Thành phố Hà Nội	95.000.000.000		95.000.000.000	44.205.039.754
615	Dự án cải tạo, nâng cấp Nhà Trung tâm Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	59.500.000.000		59.500.000.000	45.369.607.000
616	Dự án cải tạo, nâng cấp đường điện hạ thế, trạm biến áp cơ quan Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	13.000.000.000		13.000.000.000	11.097.133.000
617	Khu huấn luyện bơi Trung đoàn 692/sư đoàn BB301	28.000.000.000		28.000.000.000	24.304.039.000
618	Cơ sở làm việc Công an Thị xã Sơn Tây	43.500.000.000		43.500.000.000	18.564.135.110
619	Cơ sở làm việc Công an huyện Mê Linh	21.000.000.000		21.000.000.000	18.805.183.800
620	Cơ sở làm việc Công an huyện ứng Hòa	24.000.000.000		24.000.000.000	8.408.729.700
621	Cơ sở làm việc CAH huyện Mỹ Đức	36.000.000.000		36.000.000.000	10.387.700.000
622	Nhà Công vụ thuộc CATP Hà Nội	24.000.000.000		24.000.000.000	246.867.000
623	Vành đai 1-(đoạn Hoàng Cầu - Giảng Võ)	1.000.000.000		1.000.000.000	408.424.000
624	Xây dựng đoạn đường từ Khu tái định cư Nam Trung Yên đến đường Phạm Hùng (sát tường rào phía Bắc Bộ Tư lệnh Thủ đô)	7.500.000.000		7.500.000.000	6.249.067.000
625	Cải tạo, mở rộng cơ sở làm việc, thường trực chỉ huy PCCC, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC Thủ đô	1.218.645.000	1.218.645.000		1.218.066.000
626	Đầu tư trang TB PCCC, cứu hộ, cứu nạn và cơ sở vật chất cho 10 phòng cảnh sát PCCC khu vực hiện có	301.772.500.000	301.772.500.000		301.546.892.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
627	Dự án thành phần hạ tầng kỹ thuật khu Đêpô giai đoạn chuẩn bị mặt bằng xây dựng (thuộc DA TDSĐT TĐ thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga HN)	840.090.219		840.090.219	838.683.000
628	Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Công chứng số 9 Thành phố Hà Nội	44.900.114		44.900.114	44.900.114
629	Kinh phí GPMB Khu đất 18B pho Le Thanh Tong, q Hoan Kiem	17.594.000	17.594.000		17.594.000
630	Trường THPT Sơn Tây	70.767.211.664	2.767.211.664	68.000.000.000	56.807.579.157
631	Xây dựng rạp Đông Đô	86.382.000	86.382.000		86.382.000
632	Bảo tàng Hà Nội	74.841.928.895	73.841.928.895	1.000.000.000	1.868.379.464
633	Dự án chợ Nghệ	112.479.000		112.479.000	112.479.000
634	Xây dựng trạm y tế xã Tân Triều	50.000.000		50.000.000	14.614.000
635	Xây dựng trạm y tế xã Đại Áng	50.000.000		50.000.000	9.386.000
636	Xây dựng trạm y tế xã Đông Mỹ	50.000.000		50.000.000	14.614.000
637	Xây dựng trạm y tế xã Minh Tân	50.000.000		50.000.000	50.000.000
638	Xây dựng trạm y tế xã Tân Dân	100.000.000		100.000.000	100.000.000
639	Phòng khám Đa khoa Tô Hiệu	50.000.000		50.000.000	50.000.000
640	Xây dựng trạm y tế xã Vân Hòa	50.000.000		50.000.000	50.000.000
641	Xây dựng trạm y tế xã Bích Hòa	100.000.000		100.000.000	100.000.000
642	Xây dựng trạm y tế xã Tự Lập	50.000.000		50.000.000	50.000.000
643	Kè Chu Minh	159.071.000	159.071.000		159.071.000
644	Trường PTTH Liên Hà	20.000.000.000		20.000.000.000	1.108.422.000

QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT GIẢI NGÂN QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC HÀ NỘI

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng	206.958.843.000	11.958.843.000	195.000.000.000	172.994.182.700
1	Trường THCS Đường Lâm	3.039.879.000	39.879.000	3.000.000.000	3.001.225.000
2	Xây dựng trường mầm non trung tâm xã Xuy Xá	2.000.000.000	0	2.000.000.000	1.501.050.000
3	Trường mầm non trung tâm xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất	144.000.000	144.000.000	0	144.000.000
4	Xây dựng mới phòng khám đa khoa khu vực Tri Thủy	3.000.000.000	0	3.000.000.000	3.000.000.000
5	Xây dựng mới phòng khám đa khoa khu vực Lưu Hoàng	2.100.000.000	100.000.000	2.000.000.000	2.100.000.000
6	Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Ngọc Tảo	2.000.000.000	0	2.000.000.000	2.000.000.000
7	Trường tiểu học Phú Thọ (nhà đa năng, nhà WC, nhà xe, sân bóng, k? đá tường bao, sân, rãnh)	3.500.000.000	0	3.500.000.000	3.500.000.000
8	Trường MN Tân minh khu B	5.000.000.000	0	5.000.000.000	5.000.000.000
9	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Vạn Phúc, huyện Thanh Trì	3.000.000.000	0	3.000.000.000	2.994.337.000
10	Trường THCS thị trấn Phú Xuyên	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000
11	Trường mầm non Văn Hoàng	4.650.000.000	650.000.000	4.000.000.000	4.650.000.000
12	Trường tiểu học Hương Sơn A	6.500.000.000	0	6.500.000.000	6.499.996.000
13	Trường tiểu học xã Phù Lưu Tế	6.460.000.000	960.000.000	5.500.000.000	6.460.000.000
14	Trường THCS Hợp Thanh	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000
15	Trường trung học cơ sở xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	2.000.000.000	0	2.000.000.000	2.000.000.000
16	Trường Mầm non trung tâm xã Đại Cường huyện ứng Hòa	6.500.000.000	0	6.500.000.000	6.500.000.000
17	Trường THCS Đội Bình	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000
18	Trường THCS xã Tự Nhiên	5.000.000.000	0	5.000.000.000	5.000.000.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
19	Trường tiểu học Hà Hồi, huyện Thường Tín	271.678.000	271.678.000	0	271.000.000
20	Trường mầm non trung tâm xã Sài Sơn	3.000.000.000	0	3.000.000.000	2.998.598.000
21	Trường tiểu học xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai	4.369.000.000	369.000.000	4.000.000.000	4.369.000.000
22	Trường THCS Phụng Châu huyện Chương Mỹ	6.000.000.000	0	6.000.000.000	6.000.000.000
23	Trường Mầm non trung tâm xã Trung Hòa	6.886.000.000	1.386.000.000	5.500.000.000	6.870.000.000
24	Trường tiểu học Yên Bài A	1.194.000.000	1.194.000.000	0	106.138.000
25	Trường tiểu học Bò và Đồng Cỏ Ba Vi	800.000.000	800.000.000	0	800.000.000
26	Trường mầm non Dương Liễu	6.469.286.000	2.969.286.000	3.500.000.000	6.469.286.000
27	Trường tiểu học xã Liên Hiệp huyện Phúc Thọ	5.000.000.000	0	5.000.000.000	5.000.000.000
28	Trường THCS xã Phương Trung	4.539.000.000	539.000.000	4.000.000.000	4.539.000.000
29	Trường THCS xã Liên Châu huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000
30	Trường Mầm non thị trấn Trâu Quỳ	7.500.000.000	2.500.000.000	5.000.000.000	7.500.000.000
31	Xây dựng trường Tiểu học Văn Đức	5.000.000.000	0	5.000.000.000	4.850.000.000
32	Xây dựng trung tâm mầm non thôn Tiên Hội, xã Đông Hội	5.000.000.000	0	5.000.000.000	1.978.335.535
33	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Trung Giã (khu B)	5.000.000.000	0	5.000.000.000	4.445.000.000
34	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Thanh Trì	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000
35	Trường mầm non trung tâm Minh Tân	6.500.000.000	0	6.500.000.000	2.500.000.000
36	Trường Mầm non trung tâm xã Hồng Sơn khu trung tâm	7.500.000.000	0	7.500.000.000	700.000.000
37	Trường mầm non trung tâm xã Nhị Khê, huyện Thường Tín	3.000.000.000	0	3.000.000.000	2.567.078.000
38	Trường Mầm non trung tâm xã Lam Điền	7.000.000.000	0	7.000.000.000	966.435.165
39	Trường Mầm non Tòng Bạt - khu Đồi Dã	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000
40	Trường Tiểu học Liên Hồng; hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000
41	Cải tạo nâng cấp trường mầm non xã Ngọc Tảo	4.000.000.000	0	4.000.000.000	4.000.000.000
42	Trường Mầm non thôn Đan Viên xã Cao Viên	6.000.000.000	0	6.000.000.000	6.000.000.000
43	Trạm y tế xã An Phú	36.000.000	36.000.000	0	32.480.000
44	Trường THCS xã Hòa Nam	7.000.000.000	0	7.000.000.000	3.600.000.000
45	Trường THCS Quất Động	4.000.000.000	0	4.000.000.000	3.966.500.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
1	2	3	4	5	6
46	Trường THCS Đồng Quang	5.000.000.000	0	5.000.000.000	5.000.000.000
47	Nhà trẻ 19/5 thị trấn Liên Quan	8.000.000.000	0	8.000.000.000	799.724.000
48	Trường Mầm non Kim Hoa	5.000.000.000	0	5.000.000.000	4.315.000.000

QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN XDCB VỐN NGÂN SÁCH GIẢI NGÂN QUA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (CŨ)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
	TỔNG CỘNG	895.817.339.195	145.817.339.195	750.000.000.000	822.005.538.287
1	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB cho dự án XD HTKT khu đất phục vụ đầu giá QSD đất tại thị trấn Trâu Quỳ và xã Đặng Xá và dự án nhà văn hoá huyện Gia Lâm	85.000.000	85.000.000	0	85.000.000
2	GPMB và san nền sơ bộ khu nhà ở TĐC tại phường Giang Biên	18.998.667.120	18.998.667.120	0	18.255.617.445
3	Xây dựng HTKT khu nhà ở TĐC tại phường Giang Biên	132.000.000	132.000.000	0	132.000.000
4	Xây dựng HTKT khu TĐC Xuân Canh, huyện Đông Anh	10.028.335.000	10.028.335.000	0	7.053.000.000
5	Chuẩn bị mặt bằng khu đất xây dựng Bảo tàng lịch sử quốc gia và công viên hữu nghị thuộc khu đô thị mới Tây Hồ Tây	8.335.301.940	8.335.301.940	0	5.819.153.300
6	Dự án Bảo tàng Hà Nội	52.491.244.609	52.491.244.609	0	51.440.122.542
7	Xây dựng khu tái định cư Xuân La phục vụ xây dựng khu đô thị mới Tây Hồ Tây	70.085.775.500	21.537.952.500	48.547.823.000	55.370.750.000
8	Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng phục vụ di dân GPMB - NO1 tại ô đất D17 khu đô thị mới Cầu Giấy	55.858.465.624	13.955.425.000	41.903.040.624	50.767.015.624
9	Nhà ở di dân GPMB tại phường Kim Giang	121.283.498.425	13.476.984.425	107.806.514.000	106.503.514.000
10	Xây dựng nhà ở tái định cư của Thành phố tại ô đất CT10 thuộc khu đô thị mới Tây Nam Kim Giang 1	3.219.268.084	150.000.000	3.069.268.084	3.219.268.084
11	Xây dựng nhà ở tái định cư của Thành phố tại ô đất CT1 thuộc khu đô thị mới Tây Nam Kim Giang 1	2.742.491.131	250.000.000	2.492.491.131	2.742.491.131
12	Khu di dân Đồng Tàu giai đoạn II	15.314.066.977	441.181.000	14.872.885.977	14.982.139.977
13	Nhà ở tại lô đất X1, lô OCT1 khu nhà ở Bắc Linh Đàm mở rộng phục vụ các đối tượng chính sách và GPMB	20.123.000.000	123.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
14	Dự án xây dựng nhà ở tại ô đất CT thuộc quỹ đất 20% của khu trường học và nhà ở tại phường Dịch Vọng	4.111.242.525	77.000.000	4.034.242.525	4.111.242.525

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
15	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT5 khu tái định cư tập trung quận Bắc Từ Liêm	4.782.995.000	2.182.995.000	2.600.000.000	4.778.495.000
16	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT6 khu tái định cư tập trung quận Bắc Từ Liêm	80.570.279.000	1.606.494.000	78.963.785.000	80.570.279.000
17	Xây dựng khu tái định cư và nhà ở thấp tầng tại ô đất ký hiệu B10/ODK3 thuộc phường Yên Sở, Hoàng Mai	30.153.025.601	1.895.758.601	28.257.267.000	16.209.767.000
18	Xây dựng khu tái định cư (xây dựng nhà ở cao tầng) tại ô đất C13/DD1 thuộc phường Trần Phú, Hoàng Mai	22.921.509.300	50.000.000	22.871.509.300	5.691.509.300
19	Đặt hàng mua nhà tại ô đất CT11A - Vĩnh Hoàng	17.156.585.960		17.156.585.960	17.156.585.960
20	Đặt hàng mua nhà tại ô đất CT11B - Vĩnh Hoàng	34.205.874.556		34.205.874.556	34.205.874.556
21	Đặt hàng mua nhà tại ô đất CT12 khu nhà ở Vĩnh Hoàng	76.035.987.028		76.035.987.028	76.035.987.028
22	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT4 khu tái định cư tập trung quận Bắc Từ Liêm	127.028.928.000		127.028.928.000	127.028.928.000
23	Xây dựng nhà ở tái định cư phục vụ GPMB khu di dân Đền Lừ III	77.755.421.280		77.755.421.280	77.755.421.280
24	Nhà ở chung cư cao tầng phục vụ GPMB tại điểm X1 phường Hạ Đình	103.426.000		103.426.000	22.426.000
25	Nhà ở chung cư cao tầng phục vụ GPMB tại điểm X2 phường Hạ Đình	1.500.000.000		1.500.000.000	1.274.000.000
26	Đặt hàng mua nhà tại lô 26A khu ĐTM Bắc Đại Kim mở rộng	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000
27	ĐTXD nhà ở chung cư cao tầng phục vụ di dân GPMB - NO2 tại ô đất D12 Khu ĐTM Cầu Giấy	4.300.000.000		4.300.000.000	4.300.000.000
28	Nhà ở phục vụ tái định cư tại khu Sóng Hoàng	12.589.294.000		12.589.294.000	12.589.294.000
29	Dự án xây dựng nhà tái định cư tại quỹ đất 20% thuộc Dự án 310 Minh Khai	18.200.000.000		18.200.000.000	18.200.000.000
30	Đặt hàng mua 30 căn hộ phục vụ TĐC tại Dự án Xây dựng nhà ở 9 tầng phục vụ GPMB và một phần bán cho cán bộ CNV tại khu vực Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa	2.705.656.535		2.705.656.535	2.705.656.535

QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN XDCB VỐN NGÂN SÁCH GIẢI NGÂN QUA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT THÀNH PHỐ HÀ NỘI (CŨ)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
	TỔNG CỘNG	2.046.159.104.522	0	2.046.159.104.522	2.041.728.986.064
1	Dự án Xây dựng trạm biến áp phục vụ đấu giá các lô đất C2,C4 khu đô thị Nam Trung Yên, Cầu Giấy	1.069.667.749		1.069.667.749	1.069.667.749
2	GPMB và san nền sơ bộ khu đất để đấu giá QSD đất tại phường Giang Biên, quận Long Biên	36.170.413.252		36.170.413.252	34.673.253.403
3	XD HTKT khu đất để đấu giá QSD đất tại phường Giang Biên, quận Long Biên	84.999.999.000		84.999.999.000	84.999.999.000
4	GPMB và san nền sơ bộ khu đất để đấu giá QSD đất tại phường Thạch Bàn, quận Long Biên	31.999.999.868		31.999.999.868	29.067.041.259
5	XD hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá QSD đất tại thôn Phú Nhi, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh	2.961.932.000		2.961.932.000	2.961.932.000
6	XD HTKT khu đất đấu giá QSD đất tại khu Đồng Chợ thôn Tri Lai xã Đồng Thái, Ba Vì	8.665.120.000		8.665.120.000	8.665.120.000
7	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm sản xuất làng nghề tập trung xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm	84.947.000.000		84.947.000.000	84.947.000.000
8	Thành phần đường trục trung tâm đô thị mới Mê Linh thuộc dự án cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (sử dụng vốn ODA Nhật Bản) - đoạn qua địa phận huyện Đông Anh	190.000.000		190.000.000	190.000.000
9	Thành phần đường trục trung tâm đô thị mới Mê Linh thuộc dự án cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (sử dụng vốn ODA Nhật Bản)	25.240.799.163		25.240.799.163	25.240.799.163
10	Xây dựng mở rộng Nghĩa trang thôn Bạch Trữ, xã Tiến Thắng phục vụ di chuyển mồ mã GPMB dự án đường trục trung tâm đô thị mới Mê	2.212.818.144		2.212.818.144	2.212.818.144

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
11	GPMB theo quy hoạch dự án công viên nghĩa trang Yên Kỳ giai đoạn I và GPMB 51,53 ha thuộc xã Phú Sơn, xã Thái Hòa huyện Ba Vì để làm thao trường huấn luyện mới cho Trường trung cấp kỹ thuật công binh phục vụ dự án Công viên nghĩa trang Yên Kỳ	85.210.848.096		85.210.848.096	85.210.848.096
12	BTHT GPMB khu đất xây dựng Bảo tàng lịch sử quốc gia và công viên hữu nghị tại xã Cổ Nhuế, Xuân Đình, Từ Liêm	879.310.000		879.310.000	879.310.000
13	GPMB san nền sơ bộ và xây dựng tường rào quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở 2 của Đài phát thanh truyền hình Hà Nội tại Mễ Trì, Từ Liêm	21.904.584.000		21.904.584.000	21.904.584.000
14	GPMB để Xây dựng tuyến đường số 1 vào trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây	526.167.100		526.167.100	526.167.100
15	Xây dựng mới nhà lưu trữ, lưu cốt và nhà hỏa táng tại khu vực nghĩa trang Thanh Tróc, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh (Công viên tưởng niệm thiên đường Thanh Tróc).	16.377.155.550		16.377.155.550	16.377.155.550
16	GPMB tạo Quỹ đất sạch để xây dựng dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội	41.186.860.058		41.186.860.058	41.186.860.058
17	Xây dựng tuyến đường số 3 vào trung tâm Khu ĐTM Tây Hồ Tây	13.810.377.300		13.810.377.300	13.810.377.300
18	Giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để chuẩn bị mặt bằng xây dựng dự án xây dựng Trường Pháp Alexandre Yersin	13.794.796.613		13.794.796.613	13.794.796.613
19	Dự án BTHT và TĐC theo quy hoạch thực hiện GPMB một phần ô đất ký hiệu C.7/CCTP, phường Giang Biên và Phúc Lợi, Q.Long Biên phục vụ TĐC các cơ quan thuộc BQP	31.044.939.083		31.044.939.083	31.044.939.083
20	Di chuyển các hộ dân ra khỏi vùng ảnh hưởng môi trường Khu XLRT Xuân Sơn, Sơn Tây	25.510.452.239		25.510.452.239	25.510.452.239
21	GPMB, xây dựng HTKT trong và ngoài hàng rào khu TĐC phường Trần Phú, quận Hoàng Mai phục vụ công tác GPMB Công viên Tuổi trẻ Thủ đô	183.825.046		183.825.046	183.825.046
22	GPMB và san nền sơ bộ Khu đô thị Tây Nam Kim Giang I theo địa giới hành chính quận Hoàng Mai	948.937.113		948.937.113	948.937.113
23	XD nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt 2000 tấn/ngày đêm tại khu Liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn, Hà Nội	1.872.215.410		1.872.215.410	1.872.215.410

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
24	BTHT và TĐC theo quy hoạch khu đất xen kẹt, cắt xén tại các xã Nam Sơn Bắc Sơn phục vụ triển khai thực hiện dự án đầu tư Khu LHXLC T Sóc Sơn	1.791.052.458		1.791.052.458	1.791.052.458
25	Thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ tái định cư cho các hộ dân tại khu nhà gỗ số 7, 9,10,11,14,16,17 phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm	436.671.000		436.671.000	436.671.000
26	Công tác GPMB, di chuyển các hộ dân trong vùng ảnh hưởng môi trường (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu XLCT Xuân Sơn) thuộc địa giới hành chính xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì.	84.989.637.514		84.989.637.514	84.989.637.514
27	Mở rộng lần 2 khu xử lý rác thải Sơn Tây và vùng phụ cận tại xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì, TP Hà Nội	2.923.100.000		2.923.100.000	2.923.100.000
28	Xây dựng khu cây xanh, sân chơi và tiểu cảnh tại khu vực hồ Ba Giang, phường Quang Trung, quận Đống Đa	489.440.160		489.440.160	489.440.160
29	GPMB và xây dựng đồng bộ HTKT phần còn lại Khu đô thị mới Cầu Giấy - GPMB	33.526.804.896		33.526.804.896	33.526.804.896
30	XD và đấu nối HTKT ô đất D20 khu đô thị mới Cầu Giấy - Thuộc GPMB và xây dựng đồng bộ HTKT phần còn lại Khu đô thị mới Cầu Giấy	50.000.000		50.000.000	50.000.000
31	XD và đấu nối HTKT ô đất D29 khu đô thị mới Cầu Giấy - Thuộc GPMB và xây dựng đồng bộ HTKT phần còn lại Khu đô thị mới Cầu Giấy	3.180.000.000		3.180.000.000	3.180.000.000
32	Xây dựng và đấu nối HTKT ô đất E2 khu đô thị mới cầu giấy - Thuộc dự án thực hiện GPMB và xây dựng HTKT phần còn lại khu đô thị mới Cầu Giấy	1.802.009.100		1.802.009.100	1.802.009.100
33	Đầu tư Xây dựng công trình đường trục chính Bắc - Nam khu đô thị Quốc Oai, huyện Quốc oai	9.667.990.900		9.667.990.900	9.667.990.900
34	Giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Núi Thoong, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ.	6.506.008.390		6.506.008.390	6.506.008.390
35	Xây dựng trạm cấp nước số 3 (trạm tăng áp) và hệ thống đường ống truyền dẫn trực tiếp nhận nước Sông Đà, quận Hà Đông, Hà Nội	4.622.973.176		4.622.973.176	4.622.973.176
36	Giải phóng mặt bằng 07 nhà gỗ đặc biệt nguy hiểm phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.357.057.451		2.357.057.451	2.357.057.451

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
37	Xây dựng công trình Khu nhà ở di dân GPMB tại ao Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Hà Nội	91.440.981.255		91.440.981.255	91.440.981.255
38	GPMB dự án Xây dựng nghĩa trang tại 2 xã Nam Sơn, Bắc Sơn phục vụ GPMB dự án Khu LHXLCST Sóc Sơn, giai đoạn II	805.022.000		805.022.000	805.022.000
39	Xây dựng HTKT khu TĐC Tiên Dược - Mai Đình, huyện Sóc Sơn	13.688.234.800		13.688.234.800	13.688.234.800
40	Xây dựng HTKT khu TĐC thôn Đa Hội, xã Bắc Sơn phục vụ GPMB dự án khu LHXLCST Sóc Sơn	25.337.048.260		25.337.048.260	25.337.048.260
41	Đầu tư xây dựng HTKT khu dân dụng Bắc Phú Cát, huyện Thạch Thất	150.921.799.404		150.921.799.404	150.921.799.404
42	Khu nhà ở tại định cư tại phường Xuân La, Quận Tây Hồ	15.481.343.091		15.481.343.091	15.481.343.091
43	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB khu đất xây dựng depo, đường vào khu depo Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - ga Hà Nội tại vị trí DD1, Xã Xuân Phương, Huyện Từ Liêm	7.595.091.903		7.595.091.903	7.595.091.903
44	Dự án đầu tư Xây dựng khu TĐC trên địa bàn khu Đồng Tàu, Thôn Đồi 3, xã Phương Yên, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB tuyến đường QL6 đoạn Ba La Xuân Mai)	1.724.264.200		1.724.264.200	1.724.264.200
45	Dự án đầu tư Xây dựng khu TĐC trên địa bàn khu Đồng Chằm, Đồng Vai, Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB tuyến đường QL6 đoạn Ba La Xuân Mai)	788.685.000		788.685.000	788.685.000
46	Dự án đầu tư Xây dựng khu TĐC trên địa bàn xã Đông Sơn,, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB tuyến đường QL6 đoạn Ba La Xuân Mai)	1.719.978.000		1.719.978.000	1.719.978.000
47	Xây dựng khu TĐC trên địa bàn khu Đồng Giải, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB tuyến đường quốc lộ 6 đoạn ba la - xuân mai)	740.227.831		740.227.831	740.227.831

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
48	Dự án đầu tư Xây dựng khu TĐC trên địa bàn khu Đồng Tía, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB tuyến đường QL6 đoạn Ba La Xuân Mai)	734.630.816		734.630.816	734.630.816
49	Đầu tư Xây dựng khu TĐC tại thôn Lưu xá, xã Hòa Chính huyện Chương Mỹ phục vụ GPMB Dự án ĐTXD công trình cầu Hòa Viên, lý trình Km 43+177 đường tỉnh 419 thuộc địa bàn huyện Chương Mỹ và huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	939.344.000		939.344.000	939.344.000
50	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nghĩa trang Mai Dịch	38.030.148.950		38.030.148.950	38.030.148.950
51	Xây dựng HTKT khu TĐC X2- Đại Kim, Hoàng Mai	4.964.448.594		4.964.448.594	4.964.448.594
52	Xây dựng nhà ở TĐC tại phường Trần Phú, quận Hoàng Mai (phục vụ công tác GPMB công viên tuổi trẻ thủ đô)	118.639.125.000		118.639.125.000	118.639.125.000
53	Nhà ở cao tầng tại lô E khu 5,2ha thuộc dự án khu đô thị mới Yên Hòa	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000
54	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ GPMB dự án cải tạo tuyến đường từ chợ Sa (Cổ Loa) đi chợ Tó, huyện Đông Anh Hà Nội	100.000.000		100.000.000	100.000.000
55	Xây dựng khu TĐC X2 Kim Chung, huyện Đông Anh	3.187.362.000		3.187.362.000	3.187.362.000
56	Xây dựng HTKT khu TĐC tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên qua địa bàn huyện Đông Anh	12.315.136.423		12.315.136.423	12.315.136.423
57	Dự án Xây dựng HTKT khu TĐC phía bắc sông Thiếp xã Uy Nỗ huyện Đông Anh	17.680.322.983		17.680.322.983	17.680.322.983
58	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ GPMB cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê	28.452.354.328		28.452.354.328	28.452.354.328
59	GPMB, Xây dựng HTKT khu TĐC X4 tại xã Tứ Hiệp phục vụ GPMB các dự án trên địa bàn huyện Thanh Trì và các dự án phát triển giao thông đô thị	396.608.000		396.608.000	396.608.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
60	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Ngũ Hiệp (phục vụ GPMB dự án cải tạo nâng cấp đường QL 1 A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi và dự án Cầu Ngọc Hồi)	20.425.763.000		20.425.763.000	20.425.763.000
61	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Liên Ninh (phục vụ GPMB dự án cải tạo nâng cấp đường QL 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi và một số dự án khác trên địa bàn huyện Thanh Trì)	16.006.707.000		16.006.707.000	16.006.707.000
62	Xây dựng khu di dân phục vụ GPMB khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An và các dự án khác thuộc huyện Thanh Trì	544.000.000		544.000.000	544.000.000
63	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thôn Triều Khúc, xã Tân Triều	196.320.000		196.320.000	196.320.000
64	Dự án Xây dựng HTKT khu TĐC xã Liên Ninh huyện Thanh Trì phục vụ GPMB dự án: Cải tạo Quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi và dự án cầu Ngọc Hồi	11.810.746.666		11.810.746.666	11.810.746.666
65	Dự án Xây dựng HTKT khu TĐC xã Ngọc Hồi huyện Thanh Trì phục vụ GPMB dự án: Cải tạo Quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi và dự án cầu Ngọc Hồi	28.227.905.400		28.227.905.400	28.227.905.400
66	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì	104.387.761.947		104.387.761.947	104.387.761.947
67	Xây dựng HTKT khu TĐC tại xứ đồng Bờ Lờ, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì	14.810.789.500		14.810.789.500	14.810.789.500
68	Xây dựng CSHT khu TĐC phục vụ dự án xây dựng mở rộng nghĩa trang Yên kỳ, huyện Ba Vì HN	48.675.000		48.675.000	48.675.000
69	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại thôn Cẩm Phương, xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì	1.905.765.253		1.905.765.253	1.905.765.253
70	Dự án Xây dựng nhà chung cư cao tầng tại lô 5.B1 khu tái định cư Đông Hội; huyện Đông Anh	19.099.386		19.099.386	19.099.386
71	Xây dựng HTKT khu TĐC Đông Hội, huyện Đông Anh Hà Nội	2.335.325.700		2.335.325.700	2.335.325.700
72	Xây dựng HTKT khu TĐC Xuân Canh, huyện Đông Anh, Hà Nội	9.234.505.000		9.234.505.000	9.234.505.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
73	Đầu tư xây dựng Khu công viên cây xanh, kết hợp xây dựng nghĩa trang di chuyển các phần mộ phục vụ GPMB đường 5 kéo dài và cầu Nhật Tân, tại xã Vĩnh ngọc, Tầm xá, Đông Anh	129.150.000		129.150.000	129.150.000
74	Xây dựng khu tái định cư phục vụ di dân Dự án đầu tư tiếp nước, cải tạo, khôi phục Sông Tích đoạn qua Thị xã Sơn Tây (Từ cầu Trắng đến Cầu Ó)	989.949.181		989.949.181	989.949.181
75	Xây dựng HTKT khu TĐC Đồng Láng, Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	4.511.035.854		4.511.035.854	4.511.035.854
76	Xây dựng HTKT khu tái định cư Đồng Dinh cây gạo, thị xã Sơn Tây	3.368.292.526		3.368.292.526	3.368.292.526
77	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB xây dựng cầu Vĩnh Thịnh và một số dự án có thu hồi đất trên địa bàn xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây	62.952.375.078		62.952.375.078	62.952.375.078
78	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất giãn dân phục vụ bảo tồn làng cổ Đường Lâm (giai đoạn I)	23.150.623.053		23.150.623.053	23.150.623.053
79	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ thu hồi đất một số dự án trên địa bàn thị xã Sơn Tây	520.191.000		520.191.000	520.191.000
80	Dự án Xây dựng khu tái định cư phục vụ di dân GPMB tại ô quy hoạch A2-3/NO1 khu ĐTM Thượng Thanh, quận Long Biên	1.400.000.000		1.400.000.000	1.400.000.000
81	Xây dựng nhà tái định cư phục vụ nhu cầu di dân GPMB của Thành Phố tại phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội	189.558.866.799		189.558.866.799	189.558.866.799
82	Xây dựng HTKT khu nhà ở Tái định cư phường Giang Biên	8.504.216.000		8.504.216.000	8.504.216.000
83	Dự án xây dựng khu nhà ở di dân phường Xuân La - giai đoạn II	3.864.019.935		3.864.019.935	3.864.019.935
84	Dự án Xây dựng khu TĐC xã Yên Thường phục vụ GPMB cho dự án Xây dựng đường quốc lộ 3 mới HN- Thái Nguyên (đoạn qua địa phận Gia Lâm, TP Hà Nội)	7.233.026.291		7.233.026.291	7.233.026.291

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
85	Xây dựng khu TĐC xã Ninh Hiệp phục vụ công tác GPMB cho dự án Xây dựng đường Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên (đoạn qua địa phận huyện Gia Lâm, Hà Nội)	33.211.659.153		33.211.659.153	33.211.659.153
86	Dự án xây dựng khu TĐC xã Kiêu Kỵ phục vụ công tác GPMB của dự án đường cao tốc HN- HP (đoạn qua địa phận Gia Lâm)	604.000.000		604.000.000	604.000.000
87	Xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối từ quốc lộ 5 vào khu công nghiệp Hapro(giai đoạn 1)	52.586.084.801		52.586.084.801	52.586.084.801
88	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Trâu Quỳ phục vụ GPMB của các dự án trên địa bàn huyện Gia Lâm	118.878.568.171		118.878.568.171	118.878.568.171
89	Dự án xây dựng khu TĐC xã Đông Dư phục vụ công tác GPMB của dự án đường cao tốc HN- HP và dự án liên tỉnh HN- Hưng Yên (đoạn qua địa phận Gia Lâm)	1.108.562.308		1.108.562.308	1.108.562.308
90	Xây dựng hệ thống HTKT khu TĐC và nhà ở Vai réo, xã Phú Cát Huyện Quốc oai	7.272.192.000		7.272.192.000	7.272.192.000
91	Đầu tư xây dựng công trình khu TĐC phục vụ GPMB dự án đường Trục chính Bắc - Nam đô thị Quốc Oai	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000
92	Xây dựng HTKT khu TĐC xã Đại Thịnh phục vụ GPMB dự án đường trục trung tâm đô thị mới Mê Linh	1.890.890.400		1.890.890.400	1.890.890.400
93	Xây dựng HTKT khu TĐC xã Tam Đồng huyện Mê Linh phục vụ GPMB dự án đường trục trung tâm đô thị mới Mê Linh	1.147.458.902		1.147.458.902	1.147.458.902
94	Xây dựng HTKT khu TĐC xã Tiến Thắng phục huyện Mê Linh vụ GPMB tuyến đường trục trung tâm đô thị mới Mê Linh	2.779.037.651		2.779.037.651	2.779.037.651
95	Xây dựng HTKT khu tái định cư xã Mê Linh phục vụ GPMB dự án đường trục trung tâm đô thị mới Mê Linh	3.487.428.000		3.487.428.000	3.487.428.000
96	Xây dựng HTKT khu đất TĐC tại xã Mê Linh phục vụ GPMB dự án đường trục trung tâm đô thị Mê Linh	5.065.746.000		5.065.746.000	5.065.746.000

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2016 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2016
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2016	
97	Xây dựng HTKT khu đất 1,65ha thuộc xã Cổ Nhuế-Xuân Đình, huyện Từ Liêm phục vụ tái định cư cho các hộ dân di dời của Dự án Bảo tàng lịch sử quốc gia và Công viên hữu nghị	3.713.205.535		3.713.205.535	3.713.205.535
98	Xây dựng HTKT khu tái định cư để GPMB dự án ĐTX công trình cầu Văn Phương, xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ	8.227.694.600		8.227.694.600	8.227.694.600
99	Xây dựng nhà ở CCCT NO2 khu di dân GPMB tại Dịch Vọng - Cầu Giấy	2.301.289.000		2.301.289.000	2.301.289.000
100	Xây dựng nhà ở CCCT NO6 khu di dân GPMB tại Dịch Vọng - Cầu Giấy	479.860.000		479.860.000	479.860.000
101	Xây dựng nhà ở CCCT NO1 khu di dân GPMB tại Dịch Vọng - Cầu Giấy	821.685.000		821.685.000	821.685.000
102	Xây dựng nhà ở CCCT NO4 khu di dân GPMB tại Dịch Vọng - Cầu Giấy	321.229.000		321.229.000	321.229.000
103	Xây dựng nhà ở CCCT NO3 khu di dân GPMB tại Dịch Vọng - Cầu Giấy	2.298.384.520		2.298.384.520	2.298.384.520
104	Xây dựng nhà ở CCCT NO5 khu di dân GPMB tại Dịch Vọng - Cầu Giấy	775.059.000		775.059.000	775.059.000
105	Nhà ở cao tầng chung cư NO7 khu 5,3ha Dịch Vọng	35.791.446.000		35.791.446.000	35.791.446.000
106	Dự án Xây dựng hạ tầng khu di dân Đền Lừ III và đấu giá quyền sử dụng đất	7.529.396.245		7.529.396.245	7.529.396.245

TỔNG HỢP CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN BẰNG LỆNH CHI TIỀN*Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung	Số tiền
	Tổng số	476.970.438.465
1	Dự án mở rộng hoàn thiện đường Láng - Hòa Lạc (từ nguồn thu dự án Bắc An Khánh)	39.550.656.253
2	Dự án Bảo tàng Hà Nội	437.419.782.212

TỔNG HỢP CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NGUỒN VỐN ODA

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
	Tổng số	3.161.449.710.900
I	Vốn viện trợ	0
II	Vốn vay	3.161.449.710.900
1	Dự án Phát triển giao thông đô thị Hà Nội	278.267.869.744
2	Dự án Phòng khám hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn III, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng	54.220.068.000
3	Dự án xây dựng và cải tạo 03 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông 1 và Đồng Bông 2 khu vực phía Tây Hà Nội	20.894.834.345
4	Dự án Đường sắt đô thị thí điểm đoạn Nhổn - Ga Hà Nội	1.278.411.555.246
5	Dự án Đường sắt đô thị thí điểm đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	30.979.056.768
6	Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho tuyến tàu điện ngầm số 3 Thành phố Hà Nội	1.475.517.771
7	Hợp phần Bệnh viện Đa khoa Sơn Tây thuộc dự án Phát triển Bệnh viện tỉnh, vùng giai đoạn II	5.375.131.604
8	Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng (Cải tạo nhà vệ sinh và nước sạch tại trạm y tế xã thuộc các huyện ngoại thành thành phố Hà Nội)	75.373.000.000
9	Dự án hệ thống nhà máy xử lý nước thải Yên Xá	114.387.358.271
10	Dự án Thoát nước Hà Nội giai đoạn 2	1.302.065.319.151

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA TỪNG
QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2016**

TT	Tên quận, huyện, thị xã	Quyết toán năm	Bao gồm											
			Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên				Hoàn trả ngân sách cấp trên	Chuyển nguồn		
			Tổng số	Trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó	
					Giáo dục đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp môi trường		Giáo dục đào tạo và dạy nghề	Khoa học công nghệ	Sự nghiệp môi trường			Ngân sách QH	Ngân sách XP
	Tổng cộng	49.471.665.099.454	12.629.765.362.844	12.629.765.362.844	4.179.006.617.240	-	21.205.693.505.575	8.811.668.370.880	4.618.746.600	1.166.753.223.118	106.109.531.761	15.530.096.699.274	14.391.283.041.748	1.138.813.657.526
1	Hoàn Kiếm	1.745.798.106.668	394.686.455.906	394.686.455.906	134.912.504.000	-	767.737.204.746	224.711.067.605	-	6.430.403.957	16.058.780.000	567.315.666.016	546.627.545.527	20.688.120.489
2	Ba Đình	1.949.206.168.141	269.013.647.200	269.013.647.200	154.031.500.298	-	579.560.908.120	258.814.730.954	-	2.822.564.990	14.082.372.100	1.086.549.240.721	1.062.867.564.100	23.681.676.621
3	Đống Đa	1.755.181.527.145	212.521.088.037	212.521.088.037	182.350.905.373	-	874.609.597.024	340.198.951.612	-	5.309.012.144	9.733.150.000	658.317.692.084	641.054.991.593	17.262.700.491
4	Hai Bà Trưng	1.971.901.842.325	264.276.967.471	264.276.967.471	106.504.818.421	-	762.052.352.640	313.405.109.021	-	3.738.605.672	9.438.780.000	936.133.742.214	840.714.968.800	95.418.773.414
5	Thanh Xuân	1.768.548.051.418	494.216.204.275	494.216.204.275	235.119.868.574	-	550.690.607.076	211.102.286.224	-	45.823.808.193	5.108.200.000	718.533.040.067	693.262.503.129	25.270.536.938
6	Tây Hồ	1.105.593.208.327	198.685.781.933	198.685.781.933	144.376.624.482	-	504.145.553.833	174.616.230.894	-	79.091.768.731	390.773.000	402.361.099.561	368.619.534.754	33.741.564.807
7	Cầu Giấy	2.645.515.318.057	305.480.842.710	305.480.842.710	27.109.567.925	-	737.880.159.821	252.207.901.760	-	100.001.118.973	5.799.993.963	1.596.354.321.563	1.562.259.009.719	34.095.311.844
8	Hoàng Mai	2.115.262.569.996	344.985.746.681	344.985.746.681	90.389.531.164	-	839.838.467.617	386.861.518.245	-	112.987.295.000	842.800.000	929.595.555.698	892.081.448.235	37.514.107.463
9	Long Biên	4.351.896.611.422	711.404.520.492	711.404.520.492	336.378.690.398	-	899.678.851.584	308.921.202.212	-	98.628.790.000	1.010.300.000	2.739.802.939.346	2.691.665.523.863	48.137.415.483
10	Hà Đông	2.018.657.688.590	714.614.953.244	714.614.953.244	362.574.564.556	-	765.464.882.931	309.208.784.115	-	120.288.826.800	-	538.577.852.415	471.756.909.429	66.820.942.986
11	Nam Từ Liêm	2.305.970.852.164	833.490.376.111	833.490.376.111	370.627.298.507	-	497.403.088.134	172.378.566.212	-	41.731.576.000	4.886.249.288	970.191.138.631	920.993.649.916	49.197.488.715
12	Bắc Từ Liêm	1.719.555.847.072	350.949.788.124	350.949.788.124	68.581.523.048	-	552.096.840.130	216.554.574.232	-	37.540.803.725	1.667.188.000	814.842.030.818	787.026.104.698	27.815.926.120
13	Sơn Tây	1.082.079.009.676	319.076.313.878	319.076.313.878	77.239.858.305	-	545.009.010.095	195.128.510.938	48.600.000	51.534.759.556	393.806.228	217.599.879.475	198.805.571.162	18.794.308.313
14	Thanh Trì	1.281.387.033.181	400.536.432.500	400.536.432.500	65.162.549.000	-	562.774.194.340	265.865.169.911	-	33.994.767.000	877.127.950	317.199.278.391	231.389.940.802	85.809.337.589
15	Gia Lâm	1.521.018.703.302	588.613.723.851	588.613.723.851	130.716.836.086	-	678.140.374.639	284.174.602.688	-	41.974.544.757	1.040.378.250	253.224.226.562	213.761.412.324	39.462.814.238
16	Sóc Sơn	1.701.218.984.896	465.014.825.078	465.014.825.078	157.588.952.368	-	950.526.412.471	440.771.743.905	-	23.309.799.000	2.547.482.503	283.130.264.844	216.859.806.551	66.270.458.293
17	Đông Anh	1.739.431.729.226	649.119.246.192	649.119.246.192	99.544.708.629	-	916.650.107.395	470.177.331.568	-	26.477.065.343	143.518.241	173.518.857.398	126.317.121.395	47.201.736.003
18	Mê Linh	1.084.753.269.982	317.158.077.337	317.158.077.337	114.406.982.990	-	597.348.144.306	261.426.268.564	750.000.000	28.410.267.000	1.202.219.000	169.044.829.339	121.523.159.439	47.521.669.900
19	Quốc Oai	1.471.217.106.221	596.972.664.905	596.972.664.905	130.117.713.257	-	744.545.518.521	325.414.561.631	-	28.441.991.700	97.064.900	129.601.857.895	91.929.171.399	37.672.686.496
20	Chương Mỹ	1.462.192.302.640	313.411.459.913	313.411.459.913	42.895.009.420	-	921.091.188.734	403.474.115.927	-	41.430.539.963	2.650.594.500	225.039.059.493	141.677.298.723	83.361.760.770
21	Thanh Oai	1.134.833.326.673	345.510.056.200	345.510.056.200	112.447.622.000	-	654.879.256.902	290.377.755.800	-	27.329.752.743	1.452.844.000	132.991.169.571	110.080.186.571	22.910.983.000
22	Ứng Hoà	1.212.673.546.413	295.042.235.957	295.042.235.957	72.329.002.091	-	708.242.261.107	321.280.528.712	-	25.151.558.197	2.468.307.850	206.920.741.499	161.621.845.672	45.298.895.827
23	Mỹ Đức	1.375.444.029.781	393.077.992.100	393.077.992.100	101.240.151.000	-	758.636.406.943	304.753.085.593	-	21.423.571.000	187.367.000	223.542.263.738	209.718.144.000	13.824.119.738
24	Thường Tín	1.190.118.144.771	319.407.910.675	319.407.910.675	101.369.878.500	-	725.589.321.548	308.496.395.300	-	22.051.636.360	1.901.341.000	143.219.571.548	105.630.587.876	37.588.983.672
25	Phù Xuyên	1.227.469.624.467	252.816.149.725	252.816.149.725	81.993.931.500	-	703.834.873.474	312.976.266.537	-	22.190.661.227	208.698.389	270.609.902.879	244.471.256.434	26.138.646.445
26	Ba Vì	1.947.827.567.754	694.000.896.228	694.000.896.228	246.625.787.400	-	1.022.256.334.549	407.015.880.377	-	37.354.078.150	8.563.617.200	223.006.719.777	203.998.564.291	19.008.155.486
27	Phúc Thọ	1.048.699.681.329	345.443.865.999	345.443.865.999	98.014.910.973	-	609.410.963.626	240.041.219.075	500.000.000	17.363.816.500	1.219.400.000	92.625.451.704	82.624.804.807	10.000.646.897
28	Thạch Thất	1.242.538.033.069	388.154.849.265	388.154.849.265	136.020.315.675	-	658.729.657.318	297.164.018.080	-	22.194.846.800	2.141.270.459	193.512.256.027	180.418.716.889	13.093.539.138
29	Đan Phượng	951.537.631.052	308.413.749.124	308.413.749.124	97.940.418.400	-	504.648.643.839	209.286.483.460	-	19.394.389.037	2.252.476.000	136.222.762.089	108.936.921.439	27.285.840.650
30	Hoài Đức	1.344.147.583.696	543.668.541.733	543.668.541.733	100.394.592.900	-	612.222.322.112	304.863.509.728	3.320.146.600	22.330.604.600	7.743.431.940	180.513.287.911	162.588.778.211	17.924.509.700

**BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG VỐN
CÁC QUỸ CÓ NGUỒN GỐC TỪ NGÂN SÁCH CỦA THÀNH PHỐ NĂM 2016**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên quỹ	Dự toán	Số đã cấp
	Tổng số	255.000.000.000	255.000.000.000
1	Quỹ Khuyến khích thu hút nhân tài	11.000.000.000	11.000.000.000
2	Quỹ Hỗ trợ nông dân	10.000.000.000	10.000.000.000
3	Quỹ Khuyến nông	50.000.000.000	50.000.000.000
4	Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm thành phố Hà nội	140.000.000.000	140.000.000.000
5	Quỹ Thi đua khen thưởng Thành phố	44.000.000.000	44.000.000.000

Ghi chú:

1. Quỹ Xúc tiến thương mại: Tổng nguồn vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2015 là 18.042 triệu đồng; số vốn ngân sách cấp bổ sung trong năm 2016 là 0 triệu đồng; trong năm 2016, Quỹ đã giải ngân 0 triệu đồng. Đến hết 31/12/2016, đã thu hồi nộp ngân sách toàn bộ số dư Quỹ là 18.644 triệu đồng.

2. Quỹ Khuyến khích thu hút nhân tài: Tổng nguồn vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2015: 60.000 triệu đồng; số vốn ngân sách cấp bổ sung trong năm 2016 là 11.000 triệu đồng; trong năm 2016, Thành phố đã thực hiện hỗ trợ đào tạo sau đại học trong nước và các ngành có chuyên môn cao cho 391 đối tượng là cán bộ Thành phố với tổng kinh phí hỗ trợ là 13.480 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2016 là 49 triệu đồng.

3. Quỹ Bảo vệ môi trường: Tổng nguồn vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2015 là 300.096 triệu đồng; số vốn bổ sung trong năm 2016 là 1.144 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp bổ sung là 0 triệu đồng; bổ sung từ chênh lệch thu lớn hơn chi tại quỹ là 1.144 triệu đồng); trong năm 2016, Quỹ đã giải ngân cho vay với lãi suất ưu đãi cho 05 dự án với số kinh phí giải ngân là 75.519 triệu đồng, góp phần vào công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2016 là 301.240 triệu đồng.

4. Quỹ Hỗ trợ nông dân: Tổng nguồn vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2015 là 414.079 triệu đồng; số vốn bổ sung trong năm 2016 là 18.015 triệu đồng (trong đó, số ngân sách cấp bổ sung là 10.000 triệu đồng). Số đã giải ngân đến 30/12/2016 là 409.211 triệu đồng, cho 35.785 hộ vay vốn. Riêng năm 2016, Quỹ đã giải ngân cho vay 10.888 hộ hội viên nông dân vay vốn để phát triển sản xuất, với số tiền giải ngân là: 213.417 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2016 là 22.883 đồng.

5. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã: Tổng nguồn vốn quỹ đến 31/12/2015 là 131.676 triệu đồng, số vốn cấp bổ sung trong năm 2016 là 0 triệu đồng; trong năm 2016, Quỹ đã giải ngân cho 277 hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, tiểu thủ công nghiệp vay vốn để phát triển sản xuất với số tiền giải ngân là 77.350 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2016 là 42.462 triệu đồng.

6. Quỹ Khuyến nông: Tổng nguồn vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2015 là 123.028 triệu đồng; số vốn ngân sách cấp bổ sung trong năm 2016 là 50.000 triệu đồng; trong năm 2016, Quỹ đã giải ngân cho 223 hộ vay vốn để mở rộng, phát triển sản xuất với số tiền giải ngân là 57.545 triệu đồng, góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu của Chương trình nông thôn mới trên địa bàn Thành phố. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2016 là 57.653 triệu đồng.

7. Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm thành phố Hà Nội: Tổng nguồn vốn của Quỹ đến thời điểm 31/12/2015 là 1.122.910 triệu đồng; số vốn ngân sách cấp bổ sung trong năm 2016 là 140.000 triệu đồng; trong năm 2016, Quỹ đã giải ngân cho 17.807 đối tượng vay vốn với số tiền là: 507.455 triệu đồng, nhằm mục tiêu tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tín dụng đối với người nghèo và một số đối tượng chính sách khác (vay để sản xuất kinh doanh, làm nhà ở,...). Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2016 là 89.476 triệu đồng.

8. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ: Tổng nguồn vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2015 là 20.000 triệu đồng; Số ngân sách đã cấp năm 2016 là 0 triệu đồng. Trong năm 2016, Quỹ đang hoàn thiện quy chế hoạt động, chưa thực hiện giải ngân. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2016 là 20.000 triệu đồng.

9. Quỹ Thi đua khen thưởng Thành phố: Số dư vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2015 là 0 triệu đồng; Số ngân sách đã cấp năm 2016 là 44.000 triệu đồng. Trong năm 2016, đã thực hiện giải ngân 25.404 triệu đồng để thực hiện khen thưởng, động viên đối với 11.812 cá nhân, tổ chức. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2016 là 18.596 triệu đồng.

10. Quỹ Bảo trì đường bộ Hà Nội: Nguồn hình thành vốn Quỹ từ kinh phí do Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương cấp trong năm 2016 và số dư năm trước chuyển sang. Đến hết 31/12/2015, nguồn vốn Quỹ chuyển năm 2016 thực hiện tiếp là 33.388 triệu đồng. Số vốn của năm 2016 là 193.083 triệu đồng (gồm 192.967 triệu đồng do Quỹ bảo trì TW cấp, 116 triệu đồng phí thu đối với xe máy từ năm 2015 mới chuyển về tài khoản của Quỹ năm 2016). Tổng nguồn vốn được sử dụng năm 2016 là 226.471 triệu đồng. Trong năm 2016, số kinh phí đã thực hiện là 92.013 triệu đồng, số dư chưa giải ngân đến thời điểm 31/12/2016 là 134.458 triệu đồng.

TỔNG HỢP SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2016

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Số Quyết định, nội dung	Đơn vị hưởng	Số tiền
	Tổng số		435.739
1	Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 18/2/2016 về việc bố trí kinh phí thực hiện một số công trình xử lý sạt lở đê điều, thủy lợi trên địa bàn TP Hà Nội.	Sở Nông nghiệp & PTNT; UBND các huyện: Phú Xuyên, Mỹ Đức, Thường Tín, Quốc Oai	94.130
2	Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 về việc bổ sung kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch lở mồm, long móng gia súc.	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	10.620
3	Quyết định số 3850/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 về việc bổ sung kinh phí tổ chức các hoạt động nhân dịp kỷ niệm 69 năm ngày thương binh liệt sỹ 27/7/1947-27/7/2016	Các quận, huyện, thị xã	9.271
4	Quyết định số 4516/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 về việc bổ sung kinh phí tặng quà các đối tượng chính sách là người có công, cơ sở cách mạng nhân dịp kỷ niệm quốc khánh 02/9/2016.	Sở Lao động và thương binh xã hội; các quận, huyện, thị xã	5.557
5	Quyết định số 4987/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 v/v bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến khích hỏa táng 04 tháng cuối năm 2016.	Sở Lao động và thương binh xã hội (12 quận và 2 huyện: Gia Lâm, Thanh Trì).	15.759
6	Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 v/v bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của Trung tâm kỹ thuật cao thuộc Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	Sở Y tế	47.414
7	Quyết định số 5326/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 v/v bổ sung kinh phí chi sự nghiệp kinh tế Sở Tài chính	Sở Tài chính	3.294
8	Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 v/v bổ sung kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp hội trường nhà Nội (C2), Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn.	Sở Y tế	7.510

TT	Số Quyết định, nội dung	Đơn vị hưởng	Số tiền
9	Quyết định số 5542/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 về việc bổ sung kinh phí tham gia Cuộc thi nghệ thuật sân khấu chèo chuyên nghiệp toàn quốc 2016	Sở Văn hóa và Thể thao	2.400
10	Quyết định số 5861/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 v/v bổ sung kinh phí thực hiện một số dự án cấp bách, bức xúc dân sinh thuộc địa bàn 3 xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ nằm trong vùng ảnh hưởng, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng của khu LHXLCT Nam Sơn, Sóc Sơn.		192.950
11	Quyết định số 5923/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 v/v bổ sung kinh phí cho các quận, huyện, thị xã thực hiện một số chế độ, chính sách mới tăng thêm của đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2016.	30 quận, huyện, thị xã	25.236
12	Quyết định số 6073/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2016 cho Sở Y tế phòng chống sốt xuất huyết và bệnh do vi rút ZIKA 2 tháng cuối năm 2016	Trung tâm y tế dự phòng Hà Nội	2.960
13	Quyết định số 6489/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 về việc bổ sung dự toán chi trả nợ lãi, phí thanh toán trái phiếu xây dựng Thủ đô năm 2016		3.420
14	Quyết định số 7322/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 bố trí kinh phí thực hiện một số công trình xử lý sạt lở đê điều thủy lợi	Sở Nông nghiệp và PTNT	7.740
15	Quyết định số 7327/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 bổ sung có mục tiêu cho huyện Ba Vì khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh năm 2016	Huyện Ba Vì	7.478

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XDCB CẤP THÀNH PHỐ
CHẠM NỘP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2016**

(Tính đến thời điểm 31/10/2017)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chủ đầu tư (cũ)/Tên dự án	Nhóm DA	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Chủ đầu tư mới sau khi tổ chức sắp xếp lại
1	BAN QLDA HẠ TẦNG TẢ NGẠ				
	Xây dựng khu công viên cây xanh kết hợp di chuyển nghĩa trang Tầm xá phục vụ GPMB đường 5 và cầu Nhật Tân	B	119.652	107.687	Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông thành phố Hà Nội
2	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI				
	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Lê Văn Lương - đường Láng	B	205.615	126.178	Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông thành phố Hà Nội
	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Nguyễn Chí Thanh - Kim Mã	B	360.498	209.999	
	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Nguyễn Chí Thanh - đường Láng	B	348.165	186.190	
	Xây dựng cầu vượt nút giao Nam Hồng với tuyến đường Mai Dịch - Nội Bài	B	305.801	228.375	
3	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG				
	GPMB và san nền sơ bộ khu cụm trường THCN dạy nghề Thành phố	B	68.275	40.832	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Hà Nội
	GPMB và san nền sơ bộ đầu tư xây dựng khách sạn 5 sao - khu X3 Mễ Trì	B	65.696	53.450	
4	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO				
	Mở rộng trụ sở Sở Văn hóa Thể thao	B	11.263	10.039	Ban QLDA ĐTXD Công trình văn hóa xã hội thành phố Hà Nội
	Dự án cải tạo, nâng cấp Sân vận động Hàng Đẫy	C	48.047	42.862	
5	TRƯỜNG THPT VẠN XUÂN				
	Xây dựng cải tạo Trường THPT Vạn Xuân, huyện Hoài Đức	C	14.974	12.400	Trường THPT Vạn Xuân, huyện Hoài Đức

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÀNH PHỐ GIAO CÁC ĐƠN VỊ NGÀNH DỤC NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Dự toán				Số đã cấp	Số quyết toán	Số chuyển nguồn sang năm 2016	Số hủy hoặc nộp trả
		Tổng số	Trong đó						
			Dự toán đầu năm	Chuyển nguồn năm 2015 sang	Bổ sung trong năm				
	Tổng số (I+II)	56.290.570.973	44.800.000.000	7.496.660.973	3.993.910.000	54.064.704.412	54.022.106.490	0	2.268.464.483
1	Tòa án nhân dân Thành phố	5.962.910.000	5.830.000.000	0	132.910.000	5.542.910.000	5.542.910.000	0	420.000.000
	Hỗ trợ công tác Hội thẩm nhân dân Thành phố	630.000.000	630.000.000			630.000.000	630.000.000		0
	Hỗ trợ công tác Hội thẩm nhân dân quận, huyện, thị xã	3.090.000.000	3.090.000.000			2.670.000.000	2.670.000.000		420.000.000
	Kinh phí mua sắm phương tiện làm việc cho Tòa án nhân dân các quận, huyện, thị xã	700.000.000	700.000.000			700.000.000	700.000.000		0
	Kinh phí mua sắm phương tiện làm việc cho Tòa án nhân dân Thành phố	1.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000		0
	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống ma túy	80.000.000	80.000.000			80.000.000	80.000.000		0
	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống mại dâm	30.000.000	30.000.000			30.000.000	30.000.000		0
	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống tội phạm	80.000.000	80.000.000			80.000.000	80.000.000		0
	Kinh phí thực hiện công tác PCTP mua bán người	20.000.000	20.000.000			20.000.000	20.000.000		0
	Kinh phí hỗ trợ số hóa hồ sơ các bản án	200.000.000	200.000.000			200.000.000	200.000.000		0
	Bổ sung kinh phí khen thưởng	132.910.000			132.910.000	132.910.000	132.910.000		0
2	Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố	10.690.000.000	10.690.000.000	0	0	10.690.000.000	10.690.000.000	0	0
	Kinh phí thực hiện tuyển chọn kiểm sát viên, kiểm tra viên	50.000.000	50.000.000			50.000.000	50.000.000		0
	Kinh phí phục vụ công tác chuyên môn, giải quyết các vụ án phức tạp, tồn đọng; lưu trữ hồ sơ; công tác thống kê liên ngành; công tác tuyên truyền,...	1.500.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000	1.500.000.000		0
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị cho Viện Kiểm sát Thành phố và các quận, huyện, thị xã, trong đó:	5.000.000.000	5.000.000.000			5.000.000.000	5.000.000.000		0

STT	Đơn vị	Dự toán				Số đã cấp	Số quyết toán	Số chuyển nguồn sang năm 2016	Số hủy hoặc nộp trả
		Tổng số	Trong đó						
			Dự toán đầu năm	Chuyển nguồn năm 2015 sang	Bổ sung trong năm				
	- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn: bàn, ghế, tủ tài liệu, máy điều hòa, máy photocopy	850.000.000	850.000.000			850.000.000	850.000.000		0
	- Hỗ trợ kinh phí nâng cấp hệ thống mạng phục vụ giao ban trực tuyến	2.500.000.000	2.500.000.000			2.500.000.000	2.500.000.000		0
	- Hỗ trợ trang bị hệ thống Camera giám sát	800.000.000	800.000.000			800.000.000	800.000.000		0
	- Hỗ trợ kinh phí trang thiết bị hệ thống phòng cháy chữa cháy cho Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố	500.000.000	500.000.000			500.000.000	500.000.000		0
	- Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp hệ thống mạng lưới điện trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố	350.000.000	350.000.000			350.000.000	350.000.000		0
	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống ma túy	50.000.000	50.000.000			50.000.000	50.000.000		0
	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống mại dâm	20.000.000	20.000.000			20.000.000	20.000.000		0
	Kinh phí thực hiện công tác phòng, chống tội phạm	50.000.000	50.000.000			50.000.000	50.000.000		0
	Kinh phí thực hiện công tác PCTP mua bán người	20.000.000	20.000.000			20.000.000	20.000.000		0
	Kinh phí cải tạo trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố	4.000.000.000	4.000.000.000			4.000.000.000	4.000.000.000		0
3	Kho bạc nhà nước Hà Nội	4.641.812.994	3.800.000.000	841.812.994	0	4.641.812.994	4.611.462.000		30.350.994
	Lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước; Chính lý quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015	1.500.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000	1.500.000.000		0
	Tập huấn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2016	210.000.000	210.000.000			210.000.000	210.000.000		0
	Duy trì, quản trị hệ thống, đảm bảo kỹ thuật, vận hành mạng thông tin liên ngành	290.000.000	290.000.000			290.000.000	289.916.000		84.000
	Nâng cấp và chuyển đổi hệ thống thông tin liên ngành nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của Thành phố	2.641.812.994	1.800.000.000	841.812.994		2.641.812.994	2.611.546.000		30.266.994
4	Cục Thuế Hà Nội	11.180.000.000	6.030.000.000	5.150.000.000	0	11.180.000.000	11.164.987.000		15.013.000
	Triển khai thực hiện công tác quản lý thu thuế, đơn đốc thu, khai thác nguồn thu theo chỉ đạo của Thành phố	3.250.000.000	3.250.000.000			3.250.000.000	3.250.000.000		0

STT	Đơn vị	Dự toán				Số đã cấp	Số quyết toán	Số chuyển nguồn sang năm 2016	Số hủy hoặc nộp trả
		Tổng số	Trong đó						
			Dự toán đầu năm	Chuyển nguồn năm 2015 sang	Bổ sung trong năm				
	Kinh phí triển khai các khoản thu từ đất năm 2016	500.000.000	500.000.000			500.000.000	500.000.000		0
	Kinh phí hoạt động của bộ phận thường trực triển khai Pháp lệnh phí, lệ phí	660.000.000	660.000.000			660.000.000	660.000.000		0
	Kinh phí phối hợp với các ngành liên quan triển khai công tác quản lý thuế trên địa bàn	500.000.000	500.000.000			500.000.000	500.000.000		0
	Chi cho công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thuế; rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố	1.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000		0
	Khảo sát doanh thu theo địa bàn phục vụ khai thác nguồn thu	120.000.000	120.000.000			120.000.000	120.000.000		0
	Xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ điện tử	5.150.000.000		5.150.000.000		5.150.000.000	5.134.987.000		15.013.000
5	Cục Thi hành án dân sự Thành phố	3.782.704.418	2.720.000.000	822.704.418	240.000.000	3.782.704.418	3.501.101.929		281.602.489
	Kinh phí tuyển chọn chấp hành viên, thẩm tra viên	50.000.000	50.000.000			50.000.000	50.000.000		0
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự	220.000.000	220.000.000			220.000.000	220.000.000		0
	Kinh phí phục vụ công tác chuyên môn (xây dựng hồ sơ, điều tra xác minh, kiểm tra thi hành án, giải quyết án tồn đọng, đào tạo, tuyên truyền Luật thi hành án,...)	2.322.704.418	1.500.000.000	822.704.418		2.322.704.418	2.041.101.929		281.602.489
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị	950.000.000	950.000.000			950.000.000	950.000.000		0
	Hỗ trợ tổ chức Lễ kỷ niệm 70 ngày truyền thống theo Quyết định 3152/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND Thành phố	240.000.000			240.000.000	240.000.000	240.000.000		0
6	Cục Thống kê Hà Nội	5.450.000.000	3.910.000.000	0	1.540.000.000	5.450.000.000	5.450.000.000		0
	Xuất bản tờ gấp thông tin kinh tế Hà Nội phục vụ Lãnh đạo các cấp, các sở ngành của Thành phố	80.000.000	80.000.000			80.000.000	80.000.000		0
	Xuất bản niên giám thống kê Hà Nội 2015	60.000.000	60.000.000			60.000.000	60.000.000		0
	Điều tra năng xuất, sản lượng cây trồng năm 2016	260.000.000	260.000.000			260.000.000	260.000.000		0
	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 01/7/2016	700.000.000	700.000.000			700.000.000	700.000.000		0

STT	Đơn vị	Dự toán				Số đã cấp	Số quyết toán	Số chuyển nguồn sang năm 2016	Số hủy hoặc nộp trả
		Tổng số	Trong đó						
			Dự toán đầu năm	Chuyển nguồn năm 2015 sang	Bổ sung trong năm				
	Điều tra, lập báo cáo vốn đầu tư xã hội phục vụ Thành phố 6 tháng và cả năm	200.000.000	200.000.000			200.000.000	200.000.000		0
	Điều tra phục vụ tính chỉ số phát triển công nghiệp	700.000.000	700.000.000			700.000.000	700.000.000		0
	Điều tra giá định kỳ hàng tháng một số mặt hàng bổ sung đánh giá công tác bình ổn giá của Thành phố	430.000.000	430.000.000			430.000.000	430.000.000		0
	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án 312 "Đổi mới đồng bộ hệ thống chỉ tiêu thống kê" và Chiến lược phát triển thống kê giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn 2030 (theo kế hoạch 66/KH-UBND)	380.000.000	380.000.000			380.000.000	380.000.000		0
	Điều tra hộ sản xuất công nghiệp cá thể phục vụ báo cáo chính thức khu vực công nghiệp cá thể Thành phố năm 2016	350.000.000	350.000.000			350.000.000	350.000.000		0
	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin nhanh, tổng hợp, tính toán số liệu, cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu xây dựng phát triển KTXH năm 2016 và 5 năm 2016-2020 của Thành phố (khảo sát mức sống; lao động, việc làm; điều tra di cư; tình hình hoạt động SXKD của doanh nghiệp,...)	750.000.000	750.000.000			750.000.000	750.000.000		0
	Kinh phí tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 01/7/2016 theo Quyết định 4315/QĐ-UBND ngày 8/8/2016 của UBNDTP	1.540.000.000			1.540.000.000	1.540.000.000	1.540.000.000		0
7	Liên Đoàn lao động Thành phố	14.583.143.561	11.820.000.000	682.143.561	2.081.000.000	12.777.277.000	13.061.645.561		1.521.498.000
	Kinh phí đào tạo cán bộ công đoàn, in đề cương giáo trình do Trường Trung cấp Công đoàn Thành phố thực hiện	1.475.000.000	1.475.000.000			1.475.000.000	1.475.000.000		0
	Lắp đặt trạm biến áp 250 KVA phục vụ đào tạo Trường Trung cấp Công đoàn Thành phố	700.000.000	700.000.000			700.000.000	700.000.000	0	0
	Mua sắm trang thiết bị phòng giáo viên, các phòng học, phòng thực hành an toàn vệ sinh Trường T.cấp Công đoàn TP	1.300.000.000	1.300.000.000			1.300.000.000	1.300.000.000		0
	Kinh phí phát hành Báo Lao động Thủ đô phục vụ người lao động trong khu công nghiệp, khu chế xuất	2.770.000.000	2.770.000.000			2.770.000.000	2.770.000.000		0
	Kinh phí chi phí tổ chức Ngày hội việc làm (02 kỳ/năm)	100.000.000	100.000.000			100.000.000	100.000.000		0

STT	Đơn vị	Dự toán				Số đã cấp	Số quyết toán	Số chuyển nguồn sang năm 2016	Số hủy hoặc nộp trả
		Tổng số	Trong đó						
			Dự toán đầu năm	Chuyển nguồn năm 2015 sang	Bổ sung trong năm				
	Kinh phí tọa đàm, giao lưu trực tuyến và thi an toàn lao động	150.000.000	150.000.000			150.000.000	146.950.000		3.050.000
	Cải tạo sửa chữa nhà ký túc xá sinh viên Trường trung cấp nghề Công đoàn	800.000.000	800.000.000			800.000.000	800.000.000		0
	Kinh phí đối ngoại (thực hiện theo chương trình công tác được Thành phố phê duyệt)	610.000.000	610.000.000			396.900.000	288.329.000		321.671.000
	Kinh phí phòng chống tại nạn thương tích	265.000.000	265.000.000			265.000.000	265.000.000		0
	Kinh phí thực hiện cuộc vận động người Việt Nam dùng hàng Việt Nam	200.000.000	200.000.000			200.000.000	200.000.000		0
	Kinh phí phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở	350.000.000	350.000.000			350.000.000	146.864.000		203.136.000
	Nâng cao chất lượng cuộc vận động "Xây dựng nếp sống văn hóa công nghiệp" trong công nhân viên chức lao động	200.000.000	200.000.000			200.000.000	200.000.000		0
	Kinh phí thực hiện Đề án phát triển quan hệ lao động thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020	400.000.000	400.000.000			400.000.000	382.508.000		17.492.000
	Kinh phí cải tạo, nâng cấp nhà khách Chùa Hương (công trình bị xuống cấp nghiêm trọng)	2.500.000.000	2.500.000.000			1.589.377.000	1.523.851.000		976.149.000
	Bổ sung kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp theo QĐ 1549 và 1328 của UBND TP	755.000.000			755.000.000	755.000.000	755.000.000		0
	Chuyển nguồn theo QĐ 3805/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của UBND TP	682.143.561		682.143.561			682.143.561		0
	Kinh phí PBGDPL theo QĐ 1449/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của UBND TP	250.000.000			250.000.000	250.000.000	250.000.000		0
	Hỗ trợ kinh phí theo QĐ số 7215/QĐ-UBND ngày 29/12/2016	826.000.000			826.000.000	826.000.000	826.000.000		0
	Hỗ trợ theo QĐ số 1984/QĐ-UBND ngày 23/4/2016 của UBND TP	250.000.000			250.000.000	250.000.000	250.000.000		0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 của thành phố Hà Nội

Thực hiện Thông báo số 532/TB-KTNN ngày 18/11/2016 của Kiểm toán Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 của thành phố Hà Nội;

Ủy ban nhân dân Thành phố đã có các Công văn số 7427/UBND-KT ngày 30/12/2016 chỉ đạo các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Liên quan đến kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với UBND Thành phố, kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay như sau:

I. Thực hiện kiến nghị về xử lý tài chính:

Kiểm toán nhà nước kiến nghị về xử lý tài chính là 1.491.775,2 triệu đồng; số đã thực hiện 1.032.226,5 triệu đồng, đạt tỷ lệ 69,2%; số còn phải thực hiện là 459.548,7 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Kiểm toán nhà nước kiến nghị thu hồi, nộp ngân sách các khoản thu, chi không đúng quy định: 11.648,4 triệu đồng; số đã thực hiện là 9.178,7 triệu đồng, đạt tỷ lệ 78,8%; số còn phải thực hiện là 2.469,7 triệu đồng (trong đó chủ yếu là số kiến nghị đối với các đơn vị sau: Ban Quản lý dự án (Ban QLDA) xây dựng các công trình hạ tầng xã hội thuộc Sở Xây dựng 582,6 triệu đồng; Ban QLDA xây dựng hạ tầng công nghiệp (nay thuộc Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội) 798,3 triệu đồng; Ban QLDA vốn sự nghiệp Thị xã Sơn Tây 694,3 triệu đồng; Ban QLDA Sở Y tế là 240,4 triệu đồng).

UBND Thành phố đã giao Sở Tài chính, UBND các quận, huyện, thị xã tiếp tục có biện pháp quyết liệt để đôn đốc các đơn vị khẩn trương, nghiêm túc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, báo cáo kết quả thực hiện về Kiểm toán nhà nước và UBND Thành phố theo quy định.

2. Kiểm toán nhà nước kiến nghị nộp trả ngân sách cấp trên kinh phí hết nhiệm vụ chi, các khoản phải nộp ngân sách khác: 1.045.889,8 triệu đồng; số đã thực hiện là 756.188,6 triệu đồng, đạt tỷ lệ 72,3%; số còn phải thực hiện là 289.701,2 triệu đồng (trong đó: Sở Tài chính: 287.886,3 triệu đồng¹; UBND huyện Hoài Đức: 1.814,9 triệu), các đơn vị đang tiếp tục triển khai thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

¹ Trong đó, chủ yếu là số tiền thu từ cổ phần hóa các DNNN (235.637 triệu đồng). Hiện nay, UBND Thành phố đang xin ý kiến Thủ tướng về phương án sử dụng.

3. Kiểm toán nhà nước kiến nghị giảm dự toán, giảm cấp phát thanh toán năm sau: 67.311,8 triệu đồng; số đã thực hiện là 39.855 triệu đồng, đạt tỷ lệ 59,2%; số còn phải thực hiện là 27.456,8 triệu đồng (trong đó chủ yếu là số kiến nghị đối với các đơn vị sau: UBND huyện Quốc Oai: 2.869,1 triệu đồng; Ban QLDA quận Cầu Giấy: 1.604,9 triệu đồng; Ban QLDA xây dựng Bệnh viện Đa khoa Thanh Oai: 2.879,7 triệu đồng; Ban QLDA trọng điểm phát triển đô thị Hà Nội: 2.172,5 triệu đồng; Ban QLDA quận Bắc Từ Liêm: 1.965,2 triệu đồng; Ban QLDA Sở Y tế: 10.612,6 triệu đồng; Ban QLDA Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Xuyên: 2.761,8 triệu đồng; Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Hoài Đức: 1.913,7 triệu đồng).

Đây chủ yếu là kiến nghị giảm cấp phát chi đầu tư xây dựng cơ bản khi thực hiện quyết toán công trình; do đó, khi các chủ đầu tư gửi báo cáo quyết toán công trình, cơ quan Tài chính các cấp sẽ thẩm tra và loại trừ, thực hiện đúng theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

4. Kiểm toán nhà nước kiến nghị bố trí hoàn trả nguồn vốn, kinh phí: 34.618,3 triệu đồng; các đơn vị đã thực hiện là 11.661,3 triệu đồng, đạt tỷ lệ 33,7%; số còn phải thực hiện là 22.957 triệu đồng (trong đó: UBND Thị xã Sơn Tây: 6.500 triệu đồng; UBND huyện Hoài Đức: 16.457 triệu đồng), các đơn vị đang tiếp tục triển khai thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

5. Kiểm toán nhà nước kiến nghị giảm giá trị trúng thầu dự án: 33.233,2 triệu đồng; số đã thực hiện là 15.945,2 triệu đồng, đạt tỷ lệ 48%; số còn phải thực hiện là 17.288 triệu đồng (trong đó chủ yếu là số kiến nghị đối với các đơn vị sau: Ban quản lý các dự án Nông nghiệp Thủy lợi Hà Nội (nay thuộc Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội) là 1.455,2 triệu đồng; Ban QLDA trọng điểm phát triển đô thị Hà Nội (nay thuộc Ban QLDA đầu tư xây dựng Công trình văn hóa xã hội thành phố Hà Nội) là 13.491,2 triệu đồng; Ban QLDA quận Bắc Từ Liêm: 1.425,8 triệu đồng), các đơn vị đang tiếp tục triển khai thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

6. Kiểm toán nhà nước kiến nghị tăng thu ngân sách Nhà nước: 272.724,3 triệu đồng; số đã thực hiện là 173.048,3 triệu đồng, đạt tỷ lệ 63,5%; số còn phải nộp là 99.676 triệu đồng (trong đó chủ yếu là số kiến nghị đối với các đơn vị sau: Tổng công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Đô thị UDIC 47.695,8 triệu đồng; Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội: 46.658,7 triệu đồng; Công ty Cổ phần Phát triển đô thị quốc tế Việt Nam: 4.129 triệu đồng; Công ty Cổ phần Đầu Tư Amd Group: 1.192,4 triệu đồng).

UBND Thành phố đã giao Cục Thuế thành phố Hà Nội tiếp tục có các biện pháp quyết liệt để đôn đốc, xử phạt theo quy định, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, báo cáo kết quả thực hiện về Kiểm toán nhà nước và UBND Thành phố theo quy định.

7. Kiểm toán nhà nước kiến nghị xử lý tài chính khác: 26.349,3 triệu đồng; số đã thực hiện là 26.349,3 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%.

II. Kiểm toán nhà nước kiến nghị UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện các kiến nghị khác:

Kiểm toán nhà nước kiến nghị UBND Thành phố chỉ đạo thực hiện các kiến nghị khác là 1.122.224,6 triệu đồng; số đã thực hiện 339.114,6 triệu đồng, đạt tỷ lệ 30,2%; số còn phải thực hiện là 783.110 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Kiểm toán nhà nước kiến nghị các đơn vị dự toán về điều chỉnh quyết toán năm 2015 là 20.648,6 triệu đồng; số đã thực hiện là 20.648,6 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100%.

2. Kiểm toán nhà nước kiến nghị Sở Tài chính và Cục Thi hành án thành phố Hà Nội làm rõ số thu nộp liên quan đến các vụ án còn tồn trên tài khoản tạm giữ là 65.082,3 triệu đồng; đến nay, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã rà soát, làm rõ khoản thu và xử lý: 14.579,9 triệu đồng, đạt tỷ lệ 22,4%. Số còn lại chủ yếu là khoản tiền sung công của các bản án. Theo chỉ đạo của UBND Thành phố, Sở Tài chính đã có Công văn số 1536/STC-QLNS ngày 15/3/2017 đôn đốc; Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đang phối hợp Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội rà soát số thu theo từng vụ án làm cơ sở tham mưu UBND Thành phố xử lý theo quy định.

3. Kiểm toán nhà nước kiến nghị Sở Tài chính làm rõ số hoàn trả vốn ứng trước để giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng kỹ thuật các dự án còn dư trên tài khoản tạm thu là 776.674 triệu đồng; số đã thực hiện nộp ngân sách là 113.003,9 triệu đồng, đạt tỷ lệ 14,5%; số dư còn lại là 663.670,1 triệu đồng sẽ được xử lý sau khi rà soát, xác định phần kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu đấu giá và xác định nghĩa vụ tài chính của các nhà đầu tư theo quy định.

4. Kiến nghị khác: 259.819,7 triệu đồng; số đã thực hiện là 190.882,1 triệu đồng, đạt tỷ lệ 73,5%; số còn phải thực hiện là 68.937,5 triệu đồng. Đây là các kiến nghị về công tác hạch toán, rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, chi tiêu tại các đơn vị...

Các kiến nghị cơ quan Kiểm toán nhà nước chủ yếu là các kiến nghị mang tính khuyến nghị đối với các Sở, ngành, quận, huyện, không làm phát sinh, bổ sung nghĩa vụ tài chính của các đơn vị; trong đó có nội dung đề nghị Sở Tài chính rà soát các tài khoản tạm thu để xử lý theo quy định. Theo quy định hiện hành, Sở Tài chính được mở các tài khoản tạm thu chờ xử lý, các tài khoản này có tính chất luân chuyển, Sở Tài chính định kỳ rà soát để xử lý các khoản kinh phí trên tài khoản theo quy định.

III. Về một số nội dung trọng tâm Kiểm toán nhà nước kiến nghị UBND Thành phố chỉ đạo các đơn vị thực hiện:

1. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND thành phố Hà Nội báo cáo, xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ đối với việc sử dụng lợi nhuận còn lại, cổ tức được chia của phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước để bổ sung vốn điều lệ cho các công ty là 230.191.659.916 đồng (Tổng công ty Đầu tư phát triển hạ tầng Đô thị UDIC là 70.493.416.460 đồng, Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội là 27.380.645.370 đồng, Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà là 132.317.598.086 đồng).

Về nội dung này, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Sở Tài chính đang phối hợp với 03 Công ty nêu trên rà soát các khoản lợi nhuận còn lại, các khoản cổ

tức được phân chia để tham mưu UBND Thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Sau khi Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo, UBND Thành phố sẽ yêu cầu các đơn vị thực hiện đúng quy định.

2. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về số tiền sử dụng đất của Dự án đầu tư xây dựng Khu chức năng đô thị “Dệt 8-3 và Hanosimex” tại số 460 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng và số 25 ngõ 13, đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai do Công ty cổ phần Phát triển đô thị Nam Hà Nội làm chủ đầu tư chưa được nộp về tài khoản tạm thu của Bộ Tài chính là 1.015.449.200.000 đồng theo chỉ đạo của các Phó Thủ tướng Chính phủ tại các Công văn số 1855/TTg-KTN ngày 05/11/2012, Công văn số 8595/VPCP-KTN ngày 30/10/2014 và Công văn số 3826/VPCP-KTN ngày 24/5/2016 của Văn phòng Chính phủ.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau:

Ngày 23/8/2016, UBND thành phố Hà Nội đã có Công văn số 4959/UBND-KT đề xuất Thủ tướng Chính phủ cho phép thành phố Hà Nội được quản lý, sử dụng số tiền 1.015.449 triệu đồng thu được từ Dự án đầu tư xây dựng Khu chức năng đô thị “Dệt 8-3 và Hanosimex” tại số 460 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng và số 25 ngõ 13, đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai.

Ngày 05/01/2017, Tập đoàn Dệt may Việt Nam có Công văn số 17/TĐDMVN-TCKT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng tiền chuyển mục đích sử dụng đất của Tập đoàn Dệt may Việt Nam; trong đó, Tập đoàn Dệt may Việt Nam đề nghị số tiền chuyển mục đích sử dụng đất cần sử dụng để đầu tư cho các dự án là 182 tỷ đồng.

Ngày 11/5/2017, Chính phủ đã có Công văn số 4804/VPCP-KTTH ngày 11/5/2017 về việc xử lý kiến nghị của Tập đoàn Dệt may; trong đó yêu cầu UBND Thành phố chuyển số tiền nêu trên vào tài khoản tạm giữ của Bộ Tài chính để cấp phát cho các dự án đầu tư của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

Căn cứ chỉ đạo của Chính phủ, ngày 10/8/2017, Bộ Tài chính đã có Công văn số 10590/BTC-QLCS ngày 10/8/2017 gửi Tập đoàn Dệt may Việt Nam, trong đó đã yêu cầu Tập đoàn Dệt may Việt Nam rà soát, xác định chính xác số tiền cần sử dụng theo quy định, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND thành phố Hà Nội có trách nhiệm chuyển số tiền tương ứng còn thiếu của Tập đoàn Dệt may Việt Nam vào tài khoản tạm giữ của Bộ Tài chính, phần còn lại nộp vào ngân sách địa phương theo quy định.

Hiện nay, Sở Tài chính cũng đã chủ động liên hệ, làm việc, đôn đốc Tập đoàn Dệt may Việt Nam sớm rà soát, triển khai thực hiện các thủ tục theo quy định. Sau khi hoàn thành các thủ tục nêu trên, Sở Tài chính sẽ nghiên cứu và tham mưu UBND Thành phố thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Cục Thuế thành phố Hà Nội đôn đốc các đơn vị nộp ngân sách nhà nước; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đảm bảo hoàn thành kế hoạch đặt ra.

Về nội dung này, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Cục Thuế thành phố Hà Nội đã xây dựng chương trình công tác năm trong đó quyết liệt triển khai các biện pháp thu hồi nợ, kiên quyết cưỡng chế thu hồi nợ đúng quy định, phấn đấu tỷ lệ nợ đọng đến ngày 31/12/2017 ở mức dưới 5% tổng thu ngân sách. Đồng thời, Cục Thuế thành phố Hà Nội đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đảm bảo hoàn thành kế hoạch đặt ra; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hồ sơ của người nộp thuế để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật thuế. Năm 2016, Cục Thuế thành phố Hà Nội đã đạt 101% kế hoạch thanh tra được giao.

4. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND Thành phố chỉ đạo các ngành, cơ quan có liên quan và huyện Hoài Đức khẩn trương hoàn thành việc rà soát, xác định đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với 04 dự án: Dự án Khu đô thị Kim Chung-Di Trạch, Dự án Khu đô thị mới Vân Canh, Dự án Khu đô thị Đại học Vân Canh và Dự án Khu Đô thị Bắc An Khánh (phần diện tích 18,55ha do Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh làm chủ đầu tư) để thu nộp kịp thời, đầy đủ vào ngân sách nhà nước theo quy định và đồng thời đảm bảo việc sử dụng đất có hiệu quả.

Về nội dung này, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Cục Thuế thành phố Hà Nội đã yêu cầu Chi cục Thuế huyện Hoài Đức và các cơ quan liên quan khẩn trương rà soát, xác định đầy đủ nghĩa vụ tài chính, đồng thời đảm bảo việc sử dụng đất có hiệu quả đối với 04 dự án Kiểm toán nhà nước kiến nghị. Sau khi rà soát, các đơn vị sẽ nộp đầy đủ các nghĩa vụ tài chính vào ngân sách theo quy định.

5. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xử lý theo quy định của pháp luật đối với những diện tích đất đang quản lý và sử dụng nhưng chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội, Công ty TNHH một thành viên Thoát nước Hà Nội; rà soát đối với những trường hợp tương tự để xử lý theo quy định.

Về nội dung này, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Sở Tài nguyên và Môi trường đang rà soát, tham mưu UBND Thành phố xử lý theo quy định.

6. Kiến nghị chỉ đạo liên quan đến những hạn chế tại Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty):

a. Kiểm toán nhà nước kiến nghị UBND Thành phố:

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, rà soát và xử lý đối với việc quản lý, điều hành tại Công ty và các bên liên quan theo đúng quy định của pháp luật để thu hồi số nợ phải thu đối với các khách hàng có hợp đồng còn thời hạn, số phải thu của các khách hàng đã hết thời hạn hợp đồng nhưng chưa được các bên ký lại, hoặc chưa được ký hợp đồng,... với tổng số thu đến ngày 31/12/2015 ước tính là 259 tỷ đồng.

- Chỉ đạo Sở Xây dựng chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Công ty thực hiện việc theo dõi, quản lý quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước nhằm đảm bảo chặt chẽ, đúng mục đích, đúng đối tượng và phối hợp với Công ty để giải quyết, khắc phục những vướng mắc, hạn chế trong việc ký Hợp đồng thuê, việc xử lý nợ, việc thu hồi nhà đối với các trường hợp vi phạm Hợp đồng. Bổ sung nội dung trong Mẫu Hợp đồng thuê nhà ở, nhà làm việc, diện tích kinh doanh tầng 1,2 nhà tái định cư và các loại nhà khác Điều khoản về thời điểm thanh toán tiền và cơ chế phạt chậm nộp; có biện pháp tích cực cùng Công ty giải quyết những vướng mắc trong quản lý cho thuê nhà và thu hồi công nợ.

Về các nội dung này, ngay trong năm 2016, Sở Xây dựng đã có Kế hoạch số 12/KH-SXD ngày 27/01/2016 triển khai thực hiện một số nội dung có liên quan đến công tác quản lý nhà và kinh doanh bất động sản 2016, trong đó xây dựng lộ trình, thời gian giải quyết các nội dung triển khai ký hợp đồng, truy thu tiền thuê nhà, xử lý tồn tại, vi phạm để tăng cường công tác quản lý quỹ nhà chuyên dùng, quỹ nhà ở. Ngoài ra, Sở Xây dựng đã có các Văn bản: số 1502/SXD-QLN ngày 03/3/2016 đôn đốc, hướng dẫn Công ty về việc ký hợp đồng thuê nhà chuyên dùng theo quy định; số 77/SXD-QLN ngày 05/01/2017 đôn đốc, hướng dẫn Công ty lập hồ sơ quản lý và thu tiền thuê nhà tại các địa điểm nhà chuyên dùng.

Tiếp thu ý kiến của Kiểm toán nhà nước, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Sở Xây dựng đã phối hợp các sở, ngành liên quan kiểm tra, rà soát quỹ nhà chuyên dùng và báo cáo UBND Thành phố các phương án quản lý, xử lý đối với quỹ nhà chuyên dùng nhằm tăng hiệu quả quản lý, khai thác và từng bước tháo gỡ tồn tại, vướng mắc đối với quỹ nhà chuyên dùng. Đồng thời, từ ngày 14/02/2017 đến ngày 23/02/2017, Sở Xây dựng đã làm việc với Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội và các Xí nghiệp trực thuộc để rà soát, kiểm tra, đề xuất biện pháp xử lý các vướng mắc đối với quỹ nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

b. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND Thành phố chỉ đạo Sở Xây dựng tham mưu UBND Thành phố quyết định ban hành đơn giá cho thuê nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tiếp thu ý kiến của Kiểm toán nhà nước, Sở Xây dựng đang phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan liên quan rà soát, kiểm tra để tham mưu UBND Thành phố xem xét, quyết định theo quy định.

7. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND Thành phố chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chấn chỉnh rút kinh nghiệm trong việc chưa tham mưu kịp thời cho UBND Thành phố trong việc điều hành chi đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) dẫn đến việc sử dụng vốn đầu tư chưa hiệu quả còn dư kế hoạch vốn đầu tư năm 2015 phải chuyển sang năm 2016 số tiền 3.014.874,4 triệu đồng; trong khi nợ XDCB của Thành phố còn lớn.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau: Tiếp thu ý kiến của Kiểm toán nhà nước, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, xây dựng các giải pháp để tham mưu UBND Thành phố điều hành vốn đầu tư xây dựng đạt hiệu quả cao nhất.

Đầu năm 2016, tại Quyết định số 6788/QĐ-UBND ngày 09/12/2015, Thành phố dự kiến huy động 4.000 tỷ đồng từ việc phát hành trái phiếu để đầu tư một số dự án trọng điểm, cấp bách. Tuy nhiên, trong năm, thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND Thành phố điều chỉnh, điều hòa các nguồn lực đầu tư, đảm bảo thực hiện các dự án theo tiến độ đề ra nên không cần phát hành trái phiếu. Vì vậy, đã tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

Đối với công tác chuyển nguồn vốn đầu tư năm 2016, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hướng dẫn các đơn vị của thành phố Hà Nội nghiêm túc thực hiện cắt giảm đối với các nhiệm chi đầu tư đã được bố trí vốn từ đầu năm nhưng đến hết năm ngân sách vẫn còn dư dự toán theo đúng quy định tại Thông tư số 319/2016/TT-BTC ngày 13/12/2016 của Bộ Tài chính về việc xử lý chuyển nguồn ngân sách nhà nước sang năm 2017.

8. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND Thành phố chỉ đạo Kho bạc Nhà nước Hà Nội tiếp tục rà soát, đôn đốc các chủ đầu tư đối với các khoản tiền đã thực hiện tạm ứng cho các dự án đầu tư xây dựng thuộc ngân sách thành phố từ năm 2014 về trước, nhưng đến cuối năm 2015 không thu hồi ứng với số tiền 204.580 triệu đồng.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau: Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Kho bạc nhà nước Hà Nội đã rà soát và đôn đốc nhắc nhở các chủ đầu tư. Đến nay, số đã thu hồi tạm ứng để xử lý là 96.903 triệu đồng; số còn lại là 107.677 triệu đồng. Kho bạc nhà nước Hà Nội tiếp tục yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện kiến nghị kiểm toán và gửi báo cáo về Kiểm toán nhà nước theo quy định.

9. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND Thành phố chỉ đạo Sở Giao thông vận tải triển khai, hướng dẫn việc thực hiện Công văn số 9297/BGTVT-KHCN ngày 31/7/2014 của Bộ Giao thông vận tải về triển khai các giải pháp khắc phục hư hỏng “hằn lún vệt bánh xe” sau khi đưa công trình vào khai thác sử dụng; các chủ đầu tư rút kinh nghiệm và kịp thời thực hiện rà soát các dự án hiện tại đang quản lý trên địa bàn, để điều chỉnh thiết kế hàm lượng nhựa thuộc các hạng mục mặt đường bê tông nhựa chưa thi công, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và tiết kiệm chi phí đầu tư.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau: Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Sở Giao thông vận tải đã có các văn bản số 4182/SGTVT-TĐ ngày 19/10/2016 và số 90/SGTVT-QLCTGT ngày 09/01/2017 hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện Công văn số 9297/BGTVT-KHCN ngày 31/7/2014 của Bộ Giao thông vận tải.

10. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, rà soát lại chính xác số nợ đọng XDCB cấp huyện, cấp xã để có biện pháp xử lý xong nợ đọng XDCB trên địa bàn, đặc biệt là nợ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau:

Thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, thành phố Hà Nội đã tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm nợ XDCB trên địa bàn và đạt được nhiều kết quả. Trên cơ sở kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, rà soát chi tiết để giải quyết dứt điểm nợ đọng XDCB của cấp huyện, cấp xã.

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND Thành phố, UBND Thành phố đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện theo nguyên tắc sau:

- UBND các quận, huyện, thị xã phân bổ dự toán chi đầu tư công phải đảm bảo tập trung, không dàn trải, đảm bảo nguyên tắc: Bố trí đủ vốn ngay từ đầu năm để hoàn ứng và thanh toán xong nợ XDCB thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện; phần vốn còn lại sẽ phân bổ cho các công trình chuyển tiếp có khả năng hoàn thành trong năm 2017, dự án chuyển tiếp hoàn thành sau 2017, không bố trí dự án mới nếu chưa bố trí đủ vốn cho thanh toán nợ XDCB, dự án chuyển tiếp theo tiến độ quy định và khả năng thực hiện; chỉ bố trí vốn cho dự án mới thực sự cấp bách đủ thủ tục theo quy định; tập trung bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án nhóm C trong 1-2 năm (quy định là 3 năm), dự án nhóm B thực hiện 2-3 năm (quy định là 5 năm).

- Tuyệt đối không để phát sinh nợ đọng XDCB mới: Chỉ phê duyệt quyết định đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách; đối với dự án nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên, khi phê duyệt dự án mới, dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư, phải thực hiện việc thẩm định nguồn và khả năng bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản quy định của Thành phố. Các dự án trong danh mục kế hoạch phải thực hiện theo mức vốn kế hoạch đã giao; không được yêu cầu nhà thầu ứng vốn thi công khi chưa được bố trí vốn hoặc ứng vốn thi công vượt kế hoạch vốn đã bố trí; không tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu chưa được bố trí vốn; lập và điều chỉnh kế hoạch đấu thầu theo đúng tiến độ và kế hoạch vốn được phân bổ cho từng dự án.

- Đối với các huyện có nợ XDCB: Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của UBND Thành phố về xử lý nợ XDCB; sử dụng toàn bộ nguồn ngân sách cấp huyện cho đầu tư phát triển, nguồn vốn tăng thu, thưởng vượt thu, vốn đấu giá quyền sử dụng đất, nguồn vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu, nguồn vốn hỗ trợ giao thông, thủy lợi sau dồn điền đổi thửa trong Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới để hoàn ứng, thanh toán dứt điểm nợ XDCB thuộc nhiệm vụ chi của cấp huyện, cấp xã. Chủ tịch UBND các huyện chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố nếu không thực hiện triệt để xử lý nợ XDCB và để phát sinh nợ mới.

Theo kết quả kiểm tra công tác giao kế hoạch năm 2017 của các quận, huyện, thị xã, đến thời điểm sau ngày 01/01/2017, tất cả số nợ xây dựng cơ bản của cấp huyện, cấp xã đã được tập trung bố trí kế hoạch vốn thanh toán dứt điểm.

11. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND thành phố Hà Nội xem xét bố trí bổ sung kế hoạch vốn để sớm hoàn trả vốn ứng trước 100.000 triệu đồng

chưa thu hồi từ trước năm 2014, cho dự án Mở rộng đường Vành đai 3 đoạn Mai Dịch - Nội Bài.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau: Để kịp thời bố trí vốn cho công tác giải phóng mặt bằng của dự án Mở rộng đường Vành đai 3 đoạn Mai Dịch - Nội Bài, ngày 22/6/2010, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 3057/QĐ-UBND tạm ứng vốn ngân sách Thành phố cho dự án. Tiếp thu ý kiến kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, UBND Thành phố đã chỉ đạo, liên Sở: Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư rà soát số thực chi ứng cho công tác giải phóng mặt bằng của Dự án là 44.219 triệu đồng. Ngày 22/12/2016, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 7054/QĐ-UBND để hoàn ứng vốn đã ứng cho Dự án là 44.219 triệu đồng. Ngoài ra, tại Quyết định số 6258/QĐ-UBND ngày 11/11/2016, UBND Thành phố đã bổ sung kế hoạch vốn cho Dự án là 950.000 triệu đồng.

12. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Chủ tịch UBND Thành phố chỉ đạo thực hiện kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với:

- Quận Hà Đông trong việc không bố trí dự toán năm 2014 nhưng vẫn tổ chức thực hiện mua sắm trang thiết bị 10.258.439.000 đồng (*sử dụng ngân sách năm 2015 để trả nợ 10.258.439.000 đồng*).

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chi cục Thú y trong việc mua vắc xin, hóa chất với số lượng lớn, đã thanh toán, nhưng hàng hóa làm thủ tục gửi kho bên bán, kế toán không theo dõi riêng kho hàng gửi trên hệ thống tài khoản kế toán.

Về nội dung này, UBND Thành phố đã chỉ đạo, các đơn vị đã thực hiện, cụ thể như sau:

- UBND quận Hà Đông đã tổ chức kiểm điểm đối với tập thể và cá nhân có thiếu sót trong công tác quản lý tài chính; đồng thời nghiêm túc rút kinh nghiệm để tránh các sai sót có thể xảy ra.

- Chi cục Thú y đã kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân và có văn bản số 114/TB-TY ngày 30/11/2016 thông báo việc kỷ luật cán bộ. Cụ thể, đã phê bình đối với 05 chức danh: Trưởng phòng Kế hoạch Tài vụ; Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tài vụ; Kế toán theo dõi vật tư; Thủ kho; Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Hành chính Tổ chức.

Trên đây là báo cáo của UBND Thành phố về kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 của thành phố Hà Nội đến thời điểm hiện nay. Đối với các nội dung còn đang thực hiện, UBND Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán khẩn trương hoàn thành việc thực hiện các kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015, báo cáo kết quả về Kiểm toán nhà nước và UBND Thành phố theo quy định./.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**XÁC NHẬN SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN THU, CHI
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016**

Hôm nay, ngày 09 tháng 11 năm 2017, Kho bạc Nhà nước Hà Nội và Sở Tài chính Hà Nội tổ chức đối chiếu thống nhất số liệu thu, chi ngân sách địa phương năm 2016.

I. Thành phần cuộc họp:

1. Kho bạc nhà nước Hà Nội:

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| - Ông Đặng Văn Hiền | - Phó Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Mạnh Đức | - Kế toán trưởng nghiệp vụ |
- và một số chuyên viên.

2. Sở Tài chính Hà Nội:

- | | |
|-------------------------|----------------------------------|
| - Ông Nguyễn Việt Hà | - Phó Giám đốc |
| - Bà Đặng Thị Hồng Diệp | - Trưởng phòng Quản lý ngân sách |
- và một số chuyên viên.

II. Nội dung cuộc họp:

Căn cứ vào số liệu thu, chi ngân sách địa phương năm 2016 của Kho bạc nhà nước Hà Nội đến ngày 09/11/2017, Sở Tài chính Hà Nội và Kho bạc Nhà nước Hà Nội xác nhận số liệu thu, chi ngân sách địa phương năm 2016 như sau:

- | | |
|---------------------------------------|---------------------------------|
| 1. Tổng thu NSNN trên địa bàn: | 241.364.406.207.737 đồng |
| 1.1. Thu tại KBNN Trung ương: | 3.950.150.467.490 đồng |
| 1.2. Thu tại KBNN Hà Nội: | 237.414.255.740.247 đồng |

Trong đó:

- | | |
|--------------------------------------|-------------------------|
| - Thu ngân sách Trung ương: | 90.004.685.435.312 đồng |
| - Thu ngân sách Thành phố: | 77.344.671.439.506 đồng |
| - Thu ngân sách quận, huyện, thị xã: | 70.064.898.865.429 đồng |

(Trong đó đã bao gồm các khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp trên; thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên; thu kết dư ngân sách; thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2015 sang ngân sách năm 2016; thu Xổ số kiến thiết và ghi thu ghi chi). KBNN Hà Nội xác nhận số thu tại KBNN Hà Nội.

- | | |
|--|---------------------------------|
| 2. Tổng thu ngân sách địa phương: | 147.409.570.304.935 đồng |
|--|---------------------------------|

Trong đó:

- | | |
|----------------------------|-------------------------|
| - Thu ngân sách Thành phố: | 77.344.671.439.506 đồng |
|----------------------------|-------------------------|

- Thu ngân sách quận, huyện, thị xã: 70.064.898.865.429 đồng

(Trong đó đã bao gồm các khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp QH; thu bổ sung từ ngân sách cấp QH cho ngân sách cấp XP; thu từ ngân sách cấp QH nộp lên ngân sách cấp Thành phố; thu từ ngân sách cấp XP nộp lên ngân sách cấp QH và ghi thu-ghi chi).

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 130.636.565.992.873 đồng

Trong đó:

- Chi ngân sách Thành phố: 72.927.791.416.444 đồng /

- Chi ngân sách quận, huyện, thị xã: 57.708.774.576.429 đồng /

(Trong đó đã bao gồm các khoản chi bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp QH; chi bổ sung từ ngân sách cấp QH cho ngân sách cấp XP; chi ngân sách cấp QH nộp lên ngân sách cấp Thành phố; chi ngân sách cấp XP nộp lên ngân sách cấp QH và ghi thu-ghi chi).

4. Chênh lệch thu, chi ngân sách địa phương năm 2016 là: 16.773.004.312.062 đồng.

Trong đó:

- Chênh lệch thu, chi ngân sách Thành phố: 4.416.880.023.062 đồng /

- Chênh lệch thu, chi ngân sách quận, huyện, thị xã: 12.356.124.289.000 đồng /

Trên đây là số liệu thu, chi ngân sách địa phương năm 2016 xác nhận đến ngày 09/11/2017. Trong quá trình rà soát, trường hợp có ý kiến của Kiểm toán nhà nước, Bộ Tài chính, hai bên sẽ có trách nhiệm điều chỉnh và xác nhận lại. /

(Biên bản này thay thế cho Biên bản xác nhận số liệu ngày 25/10/2017)

SỞ TÀI CHÍNH HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Hà

KHO BẠC NHÀ NƯỚC HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Văn Hiền

Số: /2017/NQ-HĐND

Hà nội, ngày tháng 12 năm 2017

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Phê chuẩn tổng quyết toán thu, chi ngân sách
thành phố Hà Nội năm 2016

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 05
(Từ ngày /12 đến ngày /12/2017)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2016; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày /11/2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo giải trình tiếp thu số /BC-UBND ngày / /2017 của UBND Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND Thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Tổng quyết toán thu, chi ngân sách thành phố Hà Nội năm 2016 như sau:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 179.054.036.841.978 đồng

2. Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương:

a) Tổng thu ngân sách địa phương: 119.816.833.935.434 đồng

b) Tổng chi ngân sách địa phương: 103.043.829.623.372 đồng

Trong đó: Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2016 sang năm 2017: 34.339.389.199.732 đồng, gồm:

Chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố: 18.809.292.500.458 đồng

Chuyển nguồn ngân sách quận, huyện, thị xã: 15.530.096.699.274 đồng

c) Kết dư ngân sách địa phương: 16.773.004.312.062 đồng

Trong đó, kết dư ngân sách quận, huyện, thị xã: 12.356.124.289.000 đồng

3. Quyết toán thu, chi ngân sách cấp Thành phố:

a) Tổng thu ngân sách cấp Thành phố: 76.439.300.183.444 đồng

- b) Tổng chi ngân sách cấp Thành phố: 72.022.420.160.382 đồng
Trong đó:
Chi bổ sung cho ngân sách quận, huyện, thị xã: 18.346.693.587.206 đồng
Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm 2016: 18.809.292.500.458 đồng
c) Kết dư ngân sách cấp Thành phố: 4.416.880.023.062 đồng

Điều 2. Điều khoản thi hành:

1. Giao UBND Thành phố thực hiện công khai quyết toán ngân sách theo quy định; Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đôn đốc, kiểm soát chặt chẽ số chi chuyển nguồn ngân sách năm 2016 sang năm 2017 của các đơn vị, đảm bảo chỉ đúng nhiệm vụ chi được chuyển nguồn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc và nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước trong lĩnh vực ngân sách, tiền và tài sản nhà nước. Kiên quyết xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân vi phạm, chậm hoàn thành công tác quyết toán theo quy định. Báo cáo kết quả thực hiện cùng với Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017 tại kỳ họp cuối năm 2018.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND Thành phố, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khoá XV kỳ họp thứ 05 thông qua ngày /12/2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, KH&ĐT, Tư pháp;
- Thường trực Thành uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TPHN;
- TT HĐND, UBND TP, UBND TP;
- Các vị đại biểu HĐND TP;
- VP TU, VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành có liên quan;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO TÓM TẮT
Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2016

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 của Chính phủ ban hành quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; UBND Thành phố trình HĐND Thành phố phê chuẩn Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2016, cụ thể như sau:

A. QUYẾT TOÁN THU, CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NĂM 2016:

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN VÀ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016:

I.1. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN:

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 179.054 tỷ đồng, đạt 105,69% dự toán giao, tăng 8,81% so với năm 2015. Trong đó: Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 16.945 tỷ đồng, đạt 113,04% so với dự toán, tăng 8,06% so với năm 2015; Thu từ dầu thô: 1.938 tỷ đồng, đạt 84,28% dự toán giao, bằng 51,69% so với năm 2015. Thu nội địa là 160.171 tỷ đồng, đạt 105,29% dự toán giao, tăng 10,36% so với năm 2015.

Trong năm 2016, đối với các khoản thu nội địa, có 10/16 khoản thu hoàn thành và tăng so với dự toán; 06/16 khoản thu không đạt dự toán (nguyên nhân chính là số thu từ kinh tế quốc doanh giảm do giá dầu thô giảm, ảnh hưởng đến nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ Tập đoàn Dầu khí, cùng với việc giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 22% xuống 20%, dẫn đến nguồn thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp từ các doanh nghiệp nhà nước đạt thấp; bên cạnh đó, một phần là do một số chính sách thuế mới được ban hành và một số doanh nghiệp địa phương đang trong quá trình cổ phần hóa, tái cơ cấu, tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn. Trong năm 2016, giá dầu thô và khí thiên nhiên tiếp tục giảm mạnh so với năm 2015 nên khoản thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và khoản thu về dầu khí đạt thấp).

I.2. THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:

Quyết toán thu ngân sách địa phương là 119.817 tỷ đồng, trong đó:

- Thu cân đối sau điều tiết từ thuế, phí, lệ phí, tiền sử dụng đất và các khoản thu khác theo phân cấp: 85.267 tỷ đồng, đạt 121,85% dự toán.
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 3.840 tỷ đồng.
- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2015: 23.437 tỷ đồng (trong đó: ngân sách Thành phố là 14.011 tỷ đồng; ngân sách quận, huyện, thị xã là 9.426 tỷ đồng).
- Thu kết dư ngân sách năm 2015: 7.273 tỷ đồng (trong đó: ngân sách Thành phố là 683 tỷ đồng; ngân sách quận, huyện, thị xã là 6.590 tỷ đồng).

I.3. ĐÁNH GIÁ VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN VÀ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016:

Xác định được những khó khăn về thu ngân sách Nhà nước, ngay từ đầu năm, UBND Thành phố đã chỉ đạo ngành Thuế, Hải quan phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành Thành phố và các cơ quan chuyên môn của Bộ Tài chính thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về thu ngân sách Nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố theo Nghị quyết của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND Thành phố; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí, thu khác vào ngân sách nhà nước; đôn đốc các khoản phải thu theo kết quả kiểm toán, thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật; Chủ động tập trung triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế dưới nhiều hình thức; Tổ chức các buổi đối thoại với các nhóm hiệp hội, hội doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; Thường xuyên rà soát quản lý thông tin người nộp thuế, đảm bảo thông tin doanh nghiệp được cập nhật kịp thời; Thành lập Tổ công tác liên ngành để thống nhất giải pháp đôn đốc, yêu cầu các đơn vị nộp số tiền nợ đọng nghĩa vụ tài chính vào ngân sách Nhà nước, đồng thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của đơn vị để kiến nghị UBND Thành phố các giải pháp tháo gỡ, tạo điều kiện cho đơn vị trong quá trình thực hiện; Quyết liệt triển khai công tác thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, các trường hợp chuyển giá, trốn thuế, góp phần chống thất thu ngân sách, tạo sự công bằng, bình đẳng và môi trường kinh doanh lành mạnh, hỗ trợ giúp doanh nghiệp phòng tránh các rủi ro trong kinh doanh về sau. Đồng thời, các cơ quan thu của Thành phố tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, hiện đại hóa ngành thuế, hải quan tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng nộp thuế. Bên cạnh đó, Thành phố cũng đã chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn như: gia hạn tiền sử dụng đất; hỗ trợ lãi suất để giải quyết kịp thời khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và nuôi dưỡng nguồn thu cho ngân sách.

Mặc dù có sự chỉ đạo quyết liệt của UBND Thành phố, sự cố gắng của ngành Thuế, Hải quan và các cấp, các ngành, song năm 2016, thu ngân sách tuy đạt tỷ lệ khá so với cùng kỳ năm trước, nhưng một số khoản thu còn chưa đạt dự toán (Thu từ kinh tế quốc doanh, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài...), nguyên nhân chính là do chịu ảnh hưởng lớn của thị trường quốc tế (giá dầu thô và khí thiên nhiên giảm, hoạt động xuất nhập khẩu còn khó khăn,...) và do triển khai thực hiện các chính sách mới. Trong năm 2016, ngành thuế đã tăng cường áp dụng các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế theo quy định của pháp luật và quy trình quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ nhưng do tình hình tài chính của doanh nghiệp còn gặp khó khăn; ý thức tuân thủ pháp luật của một bộ phận người nộp thuế chưa cao, số đông dân cư chưa có thói quen thanh toán không dùng tiền mặt; mức độ hội nhập của nền kinh tế ngày càng lớn, quá trình hội nhập ngày càng sâu, nhiều nghiệp vụ kinh tế phức tạp mới phát sinh nên đã gây khó khăn cho việc xây dựng cơ chế, chính sách thuế, công tác quản lý thuế cũng như phát sinh nhiều vướng mắc cho cả người nộp thuế và cơ quan thuế trong quá trình thực thi pháp luật thuế.

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016:

II.1. THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016:

Tổng chi ngân sách địa phương: 103.044 tỷ đồng, trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 68.702 tỷ đồng; không kể ghi chi các dự án BT thì đạt 90,2% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung (sau đây gọi tắt là dự toán). Trong đó:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản địa phương: 28.156 tỷ đồng, không kể ghi chi các dự án BT thì đạt 92,04% dự toán. Chi đầu tư xây dựng cơ bản cấp Thành phố 15.526 tỷ đồng, không kể ghi chi các dự án BT thì đạt 87,64% so với dự toán.

Với sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo công tác quyết toán vốn đầu tư Thành phố, công tác phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành toàn Thành phố năm 2016 đã được thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật. Đối với cấp Thành phố: Số dự án được phê duyệt quyết toán trong năm 2016 là 162 dự án. Tổng số vốn đầu tư được quyết toán là 8.507 tỷ đồng; qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã giảm trừ so với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 33 tỷ đồng. Đối với cấp quận, huyện, thị xã: Tổng số dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trong năm 2016 là 2.422 dự án, với tổng số vốn đầu tư được quyết toán là 11.185 tỷ đồng; qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã giảm trừ so với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 212 tỷ đồng.

b) Chi thường xuyên: 35.695 tỷ đồng, đạt 87,93% so với dự toán; trong đó, chi thường xuyên cấp Thành phố 14.489 tỷ đồng, đạt 86,69% so với dự toán.

2. Chi chuyển nguồn:

Tổng số chi chuyển nguồn ngân sách địa phương năm 2016 sang năm 2017 là 34.339 tỷ đồng; Trong đó: Chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố: 18.809 tỷ đồng (trong đó: Chuyển nguồn tăng thu ngân sách cấp Thành phố năm 2016, kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định là 13.496 tỷ đồng; Chuyển nguồn số dư tạm ứng các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và dư tạm ứng một số khoản chi sự nghiệp: 5.313 tỷ đồng); Chuyển nguồn của ngân sách cấp quận, huyện, thị xã: xã phường, thị trấn: 15.530 tỷ đồng (trong đó: kinh phí thực hiện cải cách tiền lương là 7.400 tỷ đồng, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản là 5.927 tỷ đồng, kinh phí sự nghiệp là 1.573 tỷ đồng).

II.2. ĐÁNH GIÁ VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016:

Quản trị chỉ đạo của Chính phủ về quản lý, điều hành tài chính, ngân sách năm 2016; thực hiện các Nghị quyết của Thành ủy, HĐND Thành phố; ngay sau khi HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết thông qua phương án phân bổ ngân sách Thành phố, UBND Thành phố đã quyết định giao dự toán ngân sách năm 2016 cho các sở, ngành, quận, huyện, thị xã để phân bổ và triển khai thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Công tác quản lý tài chính - ngân sách được điều hành chặt chẽ, linh hoạt, đảm bảo cân đối ngân sách. Thành phố đã tập trung nguồn vốn đáp ứng kịp thời cho các công trình trọng điểm, các nhiệm vụ quan trọng của Thành phố về phục vụ bầu cử Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và thực hiện các chính sách an sinh xã hội; chủ động bố trí nguồn kinh phí giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc; đảm bảo kinh phí cho lĩnh vực đảm bảo xã hội, môi trường, giáo dục đào tạo, y tế, giao thông đô thị và các lĩnh vực chi thường xuyên khác; kịp thời sử dụng nguồn dự phòng ngân sách để xử lý các sự cố về thiên tai, đê kè, ngăn chặn kịp thời các dịch bệnh, khắc phục hậu quả để bù đắp trên diện rộng. Đối với các nguồn vốn phát sinh trong năm, UBND Thành phố đã quyết định phân bổ cho các nhiệm vụ chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND Thành phố.

Bên cạnh đó, năm 2016, UBND Thành phố đã chỉ đạo các sở ngành có liên quan rà soát, cân đối, huy động các nguồn lực khác của Thành phố (tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên...) để đảm bảo vốn cho đầu tư phát triển, thực hiện các công trình trọng điểm của Thành phố, không phải thực hiện phát hành trái phiếu trong năm 2016.

Ngoài ra, thực hiện chủ trương của HĐND Thành phố về việc tăng cường quản lý chi và quyết toán chi ngân sách, thực hiện giảm chi chuyển nguồn ngân sách hàng năm, tăng hiệu quả chi ngân sách; UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và dự toán chi ngân sách được giao ngay từ đầu năm, đẩy mạnh công tác thanh toán tạm ứng vốn đầu tư XDCB và quyết toán dự án hoàn thành; kiểm soát chặt chẽ số chi chuyển nguồn ngân sách năm 2015 của các đơn vị, đảm bảo chi đúng nội dung được chuyển nguồn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; rà soát chặt chẽ việc chuyển nguồn ngân sách năm 2016 đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định. Cùng với đó, Thành phố đã tổ chức giao ban, thường xuyên đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng; chỉ đạo quyết liệt các Chủ đầu tư trong công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành.

Mặc dù nhiệm vụ tài chính - ngân sách năm 2016 được thực hiện trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi nhưng còn chậm, giá dầu thô tiếp tục giảm và ở mức thấp; trong nước, tình hình kinh tế vĩ mô ổn định song vẫn còn không ít khó khăn, thách thức; lạm phát tuy được kiềm chế, nhưng vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ tăng trở lại; trên địa bàn Thành phố, sản lượng hàng hóa xuất khẩu còn thấp, thị trường bất động sản phục hồi nhưng chậm, tình hình thiên tai, bão lụt, biến đổi khí hậu diễn biến khó lường... Nhưng với tinh thần tích cực, nghiêm túc thực hiện các chủ trương, quyết sách của Đảng và Chính phủ; sự chỉ đạo, điều hành tập trung, kiên quyết của Thành ủy - HĐND Thành phố; sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế và nhân dân Thủ đô, Thành phố đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế xã hội. Do đó, kinh tế - xã hội trên địa bàn tiếp tục giữ được đà tăng trưởng, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp dần được sự phục hồi, tín dụng cho vay có xu hướng tăng, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, từ đó đã tạo sự ổn định và phát triển nguồn thu ngân sách, đảm bảo nguồn lực theo dự toán để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

III. CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016:

1. Cân đối ngân sách địa phương:

1.1. Tổng thu ngân sách địa phương:

- Thu trong cân đối ngân sách địa phương:

- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2015:

- Kết dư ngân sách năm 2015:

- Chi ngân sách địa phương:

- Cân đối ngân sách địa phương:

- Ngân sách cấp Trung ương:

- Ngân sách địa phương:

- Ngân sách địa phương:

- Ngân sách cấp Thành phố:

119.817 tỷ đồng

89.106 tỷ đồng

23.438 tỷ đồng

7.273 tỷ đồng

103.044 tỷ đồng

68.702 tỷ đồng

3 tỷ đồng

34.339 tỷ đồng

16.773 tỷ đồng